

I THÁNG 10 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

VIỆT PHƯƠNG *chương trình Việt-nam-hóa dưới mắt
một học-giả Hoa-kỳ (thuật theo ROBERT H. JOHNSON)*

* TRẦN VĂN TÍCH *thuốc tây thuốc ta* * XUÂN

QUANG *nhận xét về một vài cuốn sách viết bằng tiếng*

Việt về Yoga * TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *hát từ địa*

phương * CUNG GIỮ NGUYÊN *tiếng đoạn trường*

* NGUYỄN TRỌNG VĂN *viết trong mùa thi 70)*

* TỪ TRÌ *cái chết của François Mauriac* * TÂN

FONG HIỆP *nhân mùa trăng sáng, đi thăm các*

nhà xuất bản sách thiếu nhi * BÁCH - KHOA *hội*

chợ Osaka, xã hội Nhật, nhiếp ảnh Nhật dưới

mắt nhiếp - ảnh - gia Nguyễn Cao Đàm * DOÃN

DÂN *đọc thư* * HỒ MINH DŨNG *giữa rừng* *

SINH HOẠT *thời sự thế*

giới * *thời sự khoa học*

* *thời sự văn nghệ*

330





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

Số 330 ngày 1 - 10 - 1970

VIỆT PHƯƠNG <i>chương trình Việt-nam-hóa dưới mắt một học giả Hoa-kỳ (thuật theo ROBERT H. JOHNSON)</i>	05
TRẦN VĂN TÍCH <i>thuốc tây thuốc ta</i>	15
XUÂN QUANG <i>nhận xét về một cuốn sách viết bằng tiếng Việt về Yoga</i>	23
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG <i>hát từ địa phương</i>	31
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>tiếng đoạn trường</i>	37
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>viết trong mùa thi 70</i>	41
TÂN FONG HIỆP <i>nhân mùa trăng sáng, đi thăm các nhà xuất bản sách thiếu nhi : Loại Tuổi thơ của Khai Trí, Loại Sách hồng và Truyện Nhi-đồng in ốp-sết của Sống Mới</i>	45
TỪ TRÌ <i>cái chết của François Mauriac</i>	51
DOÃN DÂN <i>đọc thư (truyện)</i>	57
HỒ MINH DŨNG <i>giữa rừng (truyện)</i>	65
SINH - HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	77
TỪ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 50đ Công số : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trun^g
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Tục thờ cúng của ngư-phủ Khánh-hòa** biên khảo của Lê quang Nghiêm, do tác giả xuất-bản và gửi tặng. Sách đã được giải nhất biên-khảo năm 1969 của Trung-tâm Văn-bút Việt-Nam, mà Bách-Khoa đã trích đăng một vài đoạn. Giới thiệu trước đây. Dày 210 trang gồm 3 chương trình bày những tục thờ cúng chung của các ngư-phủ tại Trung phần, và tục thờ riêng tại Khánh-hòa, rồi tục thờ đặc biệt của 10 sở đầm đặng. Có phụ-lục: Nghệ lưới quây tại Khánh-Hòa... Rất nhiều hình ảnh. Giá 200đ.

— **Thần thoại** (Việt - nam — Trung-hoa) quyển 3 b trong «Tuyển-tập Văn-chương Nhi-đồng» do Doãn quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật, Sáng Tạo xuất-bản và soạn-giả gửi tặng. Sách dày 168 trang, trong phần thần thoại Việt-Nam có cả thần thoại Mường, Thái, Khá, Lô Lô... Bản đặc biệt.

Sứ trình Bút ký của Cao Tiên do Nam-Chi-Tùng thư xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 54 trang, in và trình bày rất đẹp, ghi lại một chuyến công du Đài-loan của tác-giả từ núi Tùng Sơn đến Nhật-Nguyệt Đàm, Cẩm đề của Vũ Hoàng Chương, Bạt của Lãng Nhân. Bản đặc biệt Giá 100đ.

— **Nghiêm - Phục, Cô Hồng Minh, Lương Khải Siêu, Hồ Thích** tiểu-truyện danh nhân của Cổ-nhi-Tân do Cơ sở Phạm-quang-Khai xuất

bản và gửi tặng. Sách dày trên 130 trang, viết rất sáng sủa, lời cuốn. Bản đặc biệt. Giá 80đ bản thường.

Nhớ thương của Toan Ánh do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 220 trang với nhiều hình ảnh do tác giả viết rất cảm động, hoàn thành trong gần 3 tháng «tác giả dành biểu các bạn bè quyển thuộc đề kỷ-niệm cái tang đau đớn của mình và đề tri ân tất cả thân bằng quyến hữu đã giúp đỡ, chia buồn, phúng viếng hoặc đưa đăm nội nhân mình».

Tuyển truyện sáng tạo của 7 tác giả do Mai Thảo chọn và giới thiệu, Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm bài «Đứng về phía những cái mới.» của Mai Thảo và các truyện ngắn của: Duy Thanh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Trung Tĩnh, Phạm Nguyên Vũ, Song Linh, Thao Trường, Thạch Chương. Giá 50đ.

Bóng tối đi qua Tập 2, Hồi ký của Vũ Hùng, sinh viên luật khoa đã sống 1.287 ngày trong Bộ chỉ huy tối cao của Mặt trận GPMN, do Kim Nhật cái biên Hoa Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 270 trang. Giá 250đ

Phù Sinh truyện dài của Phạm quốc Hùng do Khai Phóng Xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 158 trang, tác phẩm thứ 3 của tác giả. Bản đặc biệt.

Dung nhan tập thơ của Phan Việt Thủy do Kim Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, gồm 27 bài thơ. Bìa của Hồ Hữu Thủ, Phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật và Nguyễn Khai. Bản đặc biệt.

Hương chiều tập thơ của Hiện Hữu do Hồng Linh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, gồm 42 bài thơ. Giá 80đ

CÁO - LỖI

Vì lý do kỹ thuật đến phút chót phải dành lại đến kỳ tới bài phỏng vấn Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm về Hội chợ Osaka và Nhật bản,

Xin trân trọng cáo lỗi cùng ông Nguyễn Cao Đàm và quý bạn đọc.

Tòa Soạn BÁCH KHOA

Chương trình Việt-nam hóa dưới mắt một học giả Hoa-kỳ

Ông Robert H. Johnson là Giáo-sư môn Bang-giao Quốc-tế tại trường Đại-học Colgate Hoa-kỳ, từng tham gia Ủy-ban hoạch-định chính-sách của Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ từ năm 1962 đến năm 1967. Ông đã phân-tích rất tỉ-mỉ vấn-đề Việt-nam hóa dưới mọi khía cạnh và dưới đây là phác lược những ý-kiến của ông.

Trong bài diễn văn ngày 3-11-1969 T.T. Nixon cho rằng chính-sách Việt-Nam-hóa có thể giúp Hoa-kỳ rút chân ra khỏi chiến tranh Việt-nam mặc dầu cuộc thương thuyết có thể thất bại. Để thực hiện chính sách đó ông đã hạ thấp cấp bậc cuộc hòa-đàm. Nhưng rồi đến ngày 20-4, khi tuyên bố rút thêm 150 000 quân, ông lại phải công nhận rằng tuy vậy hòa-đàm vẫn là con đường ngắn nhất đi tới Hòa-bình. Rồi 10 ngày sau, khi can thiệp vào Kampuchia, ông lại có vẻ đặt cao vấn-đề Việt-nam-hóa và giải thích rằng Hoa-kỳ phải đem quân qua Kampuchia là để có thể tiếp tục rút quân và tiếp tục Việt-hóa cuộc chiến.

Lúc rút xong quân khỏi Kampuchia vào cuối tháng 6, ông lại đặt nặng vấn-đề thương-thuyết bằng cách cử Đại-sứ David Bruce cầm đầu phái đoàn Hoa kỳ tại cuộc Hội-đàm Paris. Rồi đến hạ tuần tháng 8 ông lại cử Phó Tổng-thống Agnew đi một vòng 5 nước Á châu để hâm nóng "học-thuyết Nixon", chuẩn bị cho Mỹ rút khỏi châu Á để cho người châu Á tự lực chống Cộng với sự giúp đỡ của

Hoa-Kỳ. Vậy vấn đề được đặt ra ở đây là: T.T. Nixon đặt trọng tâm vào vấn-đề nào, vào vấn đề rút quân và Việt-nam-hóa hay vào vấn-đề hòa-đàm? Hay cả 2 vấn-đề đều được đặt quan trọng như nhau và bổ chính lẫn cho nhau.

Muốn trả lời được câu hỏi đó ta phải nhìn vào tương lai xem vấn-đề Việt-hóa và rút quân sẽ đưa đến đâu. Có 3 yếu-tố chính quyết-định sự thành bại của chính sách đó :

- 1) — Sự phản-ứng của Bắc-Việt và Mặt trận GPMN
- 2) — Sự vững ổn của chính quyền Saigon.
- 3) — Khả năng của chính phủ và quân đội VNCH có thể thay thế được quân Mỹ, đối phó với mọi biến chuyển ở miền Nam.

Không ai có thể biết trước một cách rõ ràng là Cộng-sản sẽ có những phản ứng như thế nào về phương diện quân sự khi Hoa-kỳ rút quân khỏi Việt-nam. Tháng 12-1969, Tướng Võ Nguyên Giáp đã đe dọa rằng Việt-nam-hóa chỉ là

một « tấn thảm kịch » cho Hoa-kỳ và Nam Việt-nam.

Chắc chắn là Cộng-sản mong muốn Hoa-kỳ rút quân càng sớm càng tốt. Phản ứng của họ như thế nào còn tùy thuộc vào sự đánh giá của họ đối với ý-định của Hoa-kỳ. Nếu Hoa-kỳ tỏ ý muốn rút rút quân nhanh chóng thì chắc chắn Cộng-sản sẽ phản ứng thuận lợi bằng cách đề mặc cho quân đội Hoa-kỳ ra đi mà không gây thiệt hại gì đáng kể. Nhưng nếu Hoa-kỳ chủ trương để lại một số quân ở miền Nam VN trong một thời gian nào đó — mà sự thực sẽ là như vậy — chắc chắn là Cộng-sản sẽ có kế hoạch đối phó với lực-lượng còn lại của Hoa-kỳ và quân đội Cộng-hòa Việt-nam. Cộng sản hy vọng sẽ tạo một bầu không khí bi quan gây nên những xáo trộn chính trị để làm áp lực buộc Hoa-kỳ rút quân. Tháng 4 vừa rồi, Hà-nội đã kêu gọi các lực-lượng cộng sản giết thật nhiều Mỹ vượt quá tỉ-số 100 người chết một tuần, tỉ-số mà họ cho là Hoa-kỳ có thể chịu được. Tỷ-số đó thực-tế đã bị vượt từ khi có cuộc hành quân qua Kampuchia.

Về vấn-đề vững ổn chính trị của miền Nam, cũng có nhiều yếu-tố rất khó lường trong một tình thế luôn luôn thay đổi. Theo một bản phúc-trình của Ủy-ban ngoại-giao Thượng viện Hoa-kỳ tháng 12-1969 (đã được phổ biến) thì T.T. Thiệu mỗi ngày một giống T.T. Diệm, độc đoán kín đáo và cô lập. Cũng như ông Diệm, ông chỉ muốn thu hẹp chính phủ trong thành-phần hiện tại, chứ không muốn mở rộng. Chính phủ càng phải gánh nhiều trách-nhiệm chiến tranh bao nhiêu, càng tỏ vẻ nghi ngờ các giới chính-trị bấy nhiêu.

Chế-độ của TT Thiệu có giải quyết được những vấn-đề của miền Nam

không, việc này cũng tùy thuộc vào khả năng quân sự và cai trị của chính phủ VNCH. Giới chức Hoa-kỳ tỏ vẻ lạc quan về những tiến-bộ của chương trình bình định nông-thôn. Nhưng một bản phúc-trình gửi Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện Hoa-kỳ lại cho rằng theo nhiều giới chức Mỹ thì những thắng lợi đó rất mỏng manh và còn tùy thuộc một phần lớn vào việc quân đội Việt-Nam Cộng Hòa có tiếp tục giữ vững được vùng quê khi quân đội Hoa-kỳ rút lui hay không. Năm ngoái, khi ước lượng về sự tiến bộ của quân lực Việt Nam Cộng Hòa người ta đã đưa ra 6 yếu-tố trong số đó 4 yếu-tố tùy thuộc vào Hoa-kỳ. Bốn yếu-tố đó là: khí giới, kế hoạch, yểm trợ hành quân và cố vấn. Hai yếu tố còn lại là: giới lãnh đạo quân đội và lòng tin. Khi bộ đội chiến đấu Mỹ rút hết, có thể phần lớn những yếu-tố yểm trợ đó vẫn còn trong một thời gian quá độ. Nhưng chắc chắn là đối với kế hoạch hành quân, vì Mỹ không còn trực tiếp điều khiển chiến trường nữa, ảnh hưởng của Hoa kỳ sẽ giảm đi. Cũng rất có thể là quân đội Việt-nam Cộng-hòa không thể sử dụng được đúng mức các thứ vũ-khí phức tạp của Hoa-kỳ để đạt được hiệu-năng tối đa trong các cuộc hành-quân.

Tình thế ở vùng 4 chiến thuật, mà bộ binh Hoa-kỳ đã rút hết, được coi là rất khả quan và chương trình Việt-nam-hóa đã tiến hành rất mỹ mãn. Sự yên tĩnh đó có thể là do Cộng sản đã yếu đi, nhưng cũng có thể là Cộng sản chủ trương nghỉ ngơi để xây dựng lực lượng và hạ tầng cơ sở, chuẩn bị chiến đấu sau này.

Ý kiến của đa số các tướng lãnh Hoa-kỳ và Việt-nam Cộng-hòa là Bắc-Việt không còn đủ sức đánh bại quân đội Việt-nam Cộng-hòa trong một cuộc tấn công quy mô nữa. Tuy nhiên vấn-đề có thể là

chưa được đặt ra một cách đúng mức. Từ năm 1954, giới quân sự Hoa-kỳ vẫn tin rằng những cuộc tấn công qui mô của Cộng-sản có thể là một mối nguy cho miền Nam.

Nhưng năm 1964, quân đội Việt-nam Cộng-hòa suýt lâm nguy không phải là vì Cộng-sản tấn công đại-qui-mô mà là vì Cộng-sản đã biết khai thác những rạn nứt chính-trị phối-hợp với những cuộc hành quân tiêu qui-mô.

Tổng thống Thiệu và các giới chức Hoa-kỳ ở Việt-nam đều rất thận trọng đối với chương trình rút quân của Hoa-kỳ chứ không dễ dàng lạc quan như các chính khách ở Mỹ.

Việc quân đội Hoa-kỳ và Việt-nam đánh qua Kampuchia đã làm đảo lộn nhiều dự tính. Trong ngắn hạn, cuộc hành quân có vẻ gây khó khăn cho Cộng-sản trong việc khuấy rối vùng đồng bằng sông Cửu-Long và khu vực Saigon. Nhưng trong dài hạn thì chưa có gì chắc chắn cả.

Sự can thiệp võ trang vào Kampuchia làm cho người ta có cảm giác là giải-pháp quân-sự lại được chú trọng hơn và làm cho Cộng sản thêm nghi ngờ về việc rút quân của Mỹ và sẽ không có những hành động xuống thang thích ứng, thuận lợi cho việc rút quân. Kinh nghiệm cho biết là Cộng sản sẽ tìm cách phản ứng lại bằng một cuộc tấn công vừa chính trị vừa quân sự.

Ý-niệm "quét sạch" Cộng sản khỏi "vùng thánh địa" của họ ở Kampuchia thoạt đầu nghe có vẻ hấp dẫn. Nhưng kinh nghiệm cho biết là "quét sạch" rồi phải luôn luôn quét lại, nếu không thì Cộng sản sẽ trở về ngay sau khi quân đội Việt Mỹ rút lui.

Tình hình ở bên Lào cũng vậy, luôn luôn phải giữ vững áp lực trong

vùng "cán song" ngay từ hồi Tổng thống Kennedy. Vì "hành-lang Lào" còn quan trọng hơn là "Thánh-địa Kampuchia". Ngày nay người ta lại không chú trọng đến vấn đề đó bằng vấn đề Kampuchia. Sau khi quân Mỹ rút lui khỏi Kampuchia rồi, quân đội Việt-nam còn có thể tiếp tục những cuộc hành quân đại quy-mô ở đó không? Trong lâu dài, giữa hai bên Việt-Miên liệu có những khó khăn chính-trị gì xảy ra không? Việc đó có buộc Hoa-kỳ phải gánh thêm trách-nhiệm để bảo vệ sự sống còn của chính quyền Lonol không? Việc đó có ảnh hưởng gì đến việc Mỹ rút quân khỏi Việt-Nam?

Khi đề cập đến vấn đề Việt-nam-hóa và Mỹ rút quân, người ta có thể trừu tượng ba giai-đoạn của sự rút quân; việc rút quân đó lại phải ăn khớp với chính-sách hòa-đàm và chương-trình Việt-nam-hóa mà Hoa-kỳ đang thực hiện.

Giai đoạn 1 — Rút hết phần lớn các lực lượng bộ binh chiến đấu — trừ các lực lượng cần thiết để bảo vệ các căn cứ và cơ sở hậu cần. Lúc đó sẽ còn chừng 225.000 quân Mỹ ở Việt-Nam. Phần lớn là các lực lượng yểm trợ hậu cần, phi pháo và đại bộ phận cố vấn đoàn. Có lẽ đó là mức rút quân tối đa đã được dự liệu. Hồi tháng 3 chương trình rút quân đó dự tính sẽ được thực hiện cho tới giữa năm 1971. Nhưng rồi tình thế thay đổi, ngày 20-4, TT Nixon chỉ loan báo rút 150.000 quân vào mùa xuân năm 1971. Đồng thời Hoa-kỳ cũng muốn giữ lại hầu hết các lực lượng phi quân-sự ở Việt-nam: như các tổ chức viện trợ, tình báo, thông-tin để yểm trợ các hoạt-động không có tính cách quân-sự hoặc chỉ có tính cách bán quân-sự

như đối phó với tình thế khẩn-trương.

Cái hiểm họa lớn nhất mà chính phủ Mỹ dự-liệu là Cộng sản có thể tấn công mạnh vào các lực lượng Hoa-kỳ khi đang rút quân hoặc khi đã hoàn thành cuộc rút quân rồi, nhất là khi Hoa-kỳ lại chưa có dự tính gì về việc rút số quân còn lại.

Cuộc tấn công của Cộng-sản cốt để chứng minh rằng việc rút quân một phần đó là nguy hiểm và để làm giao-động tinh-thần quân đội Việt-nam Cộng-hòa. Đao quân còn lại đó chỉ đủ để giữ các căn-cứ và tự-vệ. Còn những cuộc hành quân lớn phải trông vào lực lượng Việt-nam Cộng-hòa.

Nếu Cộng-sản tấn công, họ có thể e ngại là Hoa-kỳ sẽ leo thang chiến tranh trở lại chăng? Có thể là họ sẽ cho rằng Hoa-kỳ không đem quân trở lại và cũng không muốn tái oanh tạc Bắc-Việt vì việc oanh tạc đó không chắc gì đã có một ảnh hưởng quyết định đến diễn tiến của cuộc chiến.

Những bước leo thang khác như phong tỏa cửa biển Hải-phòng, đổ bộ lên Bắc-Việt hay dùng vũ khí nguyên tử đều không phải là những thứ mà Hoa-kỳ mong muốn vì tổn kém rất nhiều mà giá trị quân-sự rất hạn chế. Ví dụ như đổ bộ Bắc Việt sẽ có hậu-quả lôi kéo Trung Cộng vào cuộc chiến. Còn việc dùng vũ khí nguyên tử thì có lẽ Hoa-kỳ chỉ sử dụng để bảo vệ đất nước mình thôi, ngoài ra việc đó chỉ có thể là một đe dọa để chấm dứt cuộc chiến. Hơn nữa những sự leo thang chiến tranh sẽ gây phản ứng mãnh liệt ở Hoa-kỳ và còn tạo nên vấn đề nan giải là leo thang rồi thì sẽ làm thế nào để xuống thang. Vì tính toán như vậy nên Cộng-sản có thể tin

là họ tấn công mà không sợ Hoa-kỳ leo thang trở lại. Nhưng họ cũng có thể chọn đường lối khác là không tấn công các lực lượng còn lại của Hoa-kỳ mà chỉ tập trung hết mũi dùi của họ tấn công vào lực lượng Việt-nam Cộng-hòa và các đoàn dân-sự-vụ Việt-nam, mục đích để làm lung lay tin tưởng là Việt-nam Cộng-hòa có thể đứng vững một mình. Cho tới nay việc rút quân của Hoa-kỳ chưa làm mất lòng tin đó vì nó chưa đạt tới một mức độ đáng ngại và có thể là chính phủ Việt-nam Cộng-hòa vẫn còn chưa tin là Hoa-kỳ có thể rút lui hết các đơn vị chiến-đấu trong tương-lai.

Đối với Cộng sản, tấn công mạnh vào các lực lượng Việt-nam Cộng-hòa có lợi hơn là tấn công thẳng vào các lực-lượng Hoa-kỳ. Nó có thể làm lay chuyển tin-tưởng của Hoa-kỳ vào chương-trình Việt-hóa và làm cho Hoa-kỳ leo thang trở lại và sa lầy thêm. Nhưng điểm chính là nó sẽ làm cho tình hình chính trị ở miền Nam thêm xao động.

Rất có thể, Cộng sản chọn một đường lối thứ ba là sẽ tấn công mạnh ở Lào. Việc này cho thấy là Hoa-kỳ sẽ khó lòng rút quân ở Đông-Nam-Á chỉ bằng đường lối Việt-nam-hóa, mà phải giải quyết toàn bộ vấn-đề Đông-Dương bằng điều-đinh. Đánh mạnh ở Lào sẽ làm rung chuyển tới Thái. Mà Thái-lan thì lại muốn Hoa-kỳ bảo vệ vùng biên-giới sông Cửu Long của mình để đối lại với việc cho Hoa-kỳ sử-dụng các căn cứ và gửi quân Thái qua Việt-nam. Nếu Hoa-kỳ can thiệp bằng bộ binh ở Lào thì lập tức sẽ có những hậu quả quốc nội và quốc tế trầm trọng. Hoa-kỳ sẽ đành phải án binh bất động để ngồi nhìn Lào bị xâm chiếm, trước sự phản đối của Thái-lan sao? Cuộc đánh sang Kampuchia

làm cho Hoa-kỳ dù muốn dù không cũng phải nhận lãnh trách nhiệm bảo vệ chế độ Lonnoi. Để né tránh dư luận Hoa-kỳ đã phải giao phó nhiệm-vụ bảo vệ đó cho chánh quyền Việt-nam Cộng-hòa. Sự can thiệp của Mỹ từ nay chỉ có tính cách gián tiếp mà thôi.

Tóm lại hành động của Cộng-sản ở Kampuchia và ở Lào đã làm cho Hoa-kỳ khó có thể rút chân ra khỏi Việt-nam và thực hiện ngoại lãnh chương-trình Việt-nam-hóa.

Giai đoạn 2 : *Rút các lực lượng yểm trợ hậu cần* — Bước sang giai-đoạn thứ 2 tất cả bộ binh và các lực lượng hậu cần sẽ rút lui hết. Chỉ còn lại cơ phi-pháo yểm trợ và một cố-vấn-đoàn chừng từ 25.000 tới 50.000, kể cả quân sự lẫn dân-sự. Con số đó xét ra cũng đủ vì khi rút khỏi quân-khu IV Mỹ còn để lại 23.000 cố vấn quân sự và dân chính. Việc để lại phi pháo yểm trợ sẽ có hiệu quả làm tăng cường sức chiến đấu của quân đội Việt-nam Cộng-hòa và giữ vững uy tín của đoàn cố-vấn trong mọi hoạt động quân sự và phi quân-sự.

Nhưng nếu tiếp tục yểm trợ phi pháo, Hoa-kỳ phải tiếp tục ném bom ở miền Nam Việt nam và tiếp tục gay ra những vụ thảm sát không phân biệt, một việc mà nếu ta cứ kéo dài chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng tâm lý không tốt.

Nếu chỉ để lại các cố-vấn thôi thì chắc cũng không giải quyết được gì. Hoa kỳ lại lộn lại con đường 5 năm trước đã đi và đưa đến sự bắt buộc phải can thiệp sâu hơn.

Nếu Cộng-sản đề mặc cho Hoa-kỳ rút lui tới mức độ đó tất nhiên họ đã lý-luận rằng Hoa-kỳ càng rút mau bao nhiêu, chương trình Việt-hóa càng khó thực hiện bấy nhiêu và Cộng-sản sẽ có nhiều hy vọng thắng.

Đến khi Hoa-kỳ ngưng lại ở mức độ tối thiểu (lực lượng cố vấn với phi pháo yểm trợ) và dự-trữ sẽ lưu lại một thời gian vô-hạn-định, tình thế sẽ biến chuyển. Cộng sản có thể sẽ gây áp lực mạnh cả về phương diện quân-sự lẫn chính-trị hướng thẳng vào quân đội và chính quyền Việt-nam Cộng-hòa khiến cho Mỹ phải đứng trước một tình trạng không thể nào tiếp tục áp dụng mãi đường lối cũ của mình. Cộng-sản sẽ triệt để khai thác tình trạng yếu kém về quân sự do cuộc rút lui tạo lên, ảnh hưởng đến tinh thần quân đội. Họ cũng biết rằng Hoa-kỳ không thể nào phản hồi bằng cách đưa quân trở lại.

Chính phủ Việt-nam Cộng-hòa có đủ khả năng đối phó với tình thế không? Thực ra cũng khó ma đoán trước được. Nhưng kẻ bi quan cho rằng chính phủ Việt-nam Cộng-hòa chắc sẽ gặp nhiều khó khăn mặc dầu chương trình Việt-hóa có thể thành công. Nhiều người khác cho rằng về phương diện quân sự, Việt-Nam Cộng-hoa có thể ứng phó được thẳng lợi nhưng về phương-diện chính-trị, chính phủ của Tổng-tnông Thiệu sẽ phải đối phó với nhiều khó khăn. Một hiện tượng mâu thuẫn có thể xảy ra, Việt-hóa thành công sẽ có an-ninh quân-sự, nhưng chính sự an-ninh này lại làm cao cuộc tranh đấu chính-trị thêm gay gắt và Cộng-sản chắc chắn sẽ cố gắng khai thác để làm cho tình trạng suy sụp.

Nếu tình trạng suy sụp xảy ra thực, cố vấn đoàn Hoa-kỳ sẽ bị đặt trước nhiều vấn đề nan giải. Nếu tình-hình chính-trị suy sụp, rất có thể Hoa-kỳ sẽ ủng hộ bất cứ một nhóm nào chống Cộng nhất.

(Xem tiếp trang 73)

BANQUE

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

B Á C H

K H O A

Số 330 ngày 1 - 10 - 1970

VIỆT PHƯƠNG <i>chương trình Việt-nam-hóa dưới mắt một học giả Hoa-kỳ (thuật theo ROBERT H. JOHNSON)</i>	05
TRẦN VĂN TÍCH <i>thuốc tây thuốc ta</i>	15
XUÂN QUANG <i>nhận xét về một cuốn sách viết bằng tiếng Việt về Yoga</i>	23
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG <i>hát từ địa phương</i>	31
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>tiếng đoạn trường</i>	37
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>viết trong mùa thi 70</i>	41
TÂN FONG HIỆP <i>nhân mùa trăng sáng, đi thăm các nhà xuất bản sách thiếu nhi : Loại Tuổi thơ của Khai Trí, Loại Sách hồng và Truyện Nhi-đồng in ốp-sét của Sống Mới</i>	45
TỪ TRÌ <i>cái chết của François Mauriac</i>	51
DOÃN DÂN <i>đọc thư (truyện)</i>	57
HỒ MINH DŨNG <i>giữa rừng (truyện)</i>	65
SINH - HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	77
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 50đ Công số : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trun^g
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Tục thờ cúng của ngư-phủ Khánh-hòa** biên khảo của Lê quang Nghiêm, do tác giả xuất-bản và gửi tặng. Sách đã được giải nhất biên-khảo năm 1969 của Trung-tâm Văn-bút Việt-Nam, mà Bách-Khoa đã trích đăng một vài đoạn. Giới thiệu trước đây. Dày 210 trang gồm 3 chương trình bày những tục thờ cúng chung của các ngư-phủ tại Trung phần, và tục thờ riêng tại Khánh-hòa, rồi tục thờ đặc biệt của 10 sở đầm đặng. Có phụ-lục: Nghề lưới quây tại Khánh-Hòa... Rất nhiều hình ảnh. Giá 200đ.

— **Thần thoại** (Việt - nam - Trung-hoa) quyển 3 b trong « Tuyền-tập Văn-chương Nhi-đồng » do Doãn quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật, Sáng Tạo xuất-bản và soạn-giả gửi tặng. Sách dày 168 trang, trong phần thần thoại Việt-Nam có cả thần thoại Mường, Thái, Khá, Lô Lô... Bản đặc biệt.

Sứ trình Bút ký của Cao Tiên do Nam-Chi-Tùng thư xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 54 trang, in và trình bày rất đẹp, ghi lại một chuyến công du Đài-loan của tác-giả từ núi Tung Sơn đến Nhật-Nguyệt Đàm, Cẩm đề của Vũ Hoàng Chương, Bạt của Lăng Nhân. Bản đặc biệt Giá 100đ.

— **Nghiêm - Phục, Cô Hồng Minh, Lương Khải Siêu, Hồ Thích** tiểu-truyện danh nhân của Cổ-nhi-Tân do Cơ sở Phạm-quang-Khai xuất

bản và gửi tặng. Sách dày trên 130 trang, viết rất sáng sủa, lời cuốn. Bản đặc biệt. Giá 80đ bản thường.

Nhớ thương của Toan Ánh do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 220 trang với nhiều hình ảnh do tác giả viết rất cảm động, hoàn thành trong gần 3 tháng « tác giả dành biểu các bạn bè quyến thuộc để kỷ-niệm cái tang đau đớn của mình và để tri ân tất cả thân bằng quyến hữu đã giúp đỡ, chia buồn, phúng viếng hoặc đưa đám nội nhân mình ».

Tuyển truyện sáng tạo của 7 tác giả do Mai Thảo chọn và giới thiệu, Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm bài « Đứng về phía những cái mới » của Mai Thảo và các truyện ngắn của : Duy Thanh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Trung Linh, Phạm Nguyên Vũ, Song Linh, Thao Trường, Thạch Chương. Giá 50đ.

Bóng tối đi qua Tập 2, Hồi ký của Vũ Hùng, sinh viên luật khoa đã sống 1.287 ngày trong Bộ chỉ huy tối cao của Mặt trận GPMN, do Kim Nhật cái biên Hoa Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 270 trang. Giá 250đ.

Phù Sinh truyện dài của Phạm quốc Hùng do Khai Phóng Xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 158 trang, tác phẩm thứ 3 của tác giả. Bản đặc biệt.

Dung nhan tập thơ của Phan Việt Thủy do Kim Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, gồm 27 bài thơ. Bìa của Hồ Hữu Thủ, Phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật và Nguyễn Khai. Bản đặc biệt.

Hương chiều tập thơ của Hiên Hưu do Hồng Lĩnh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, gồm 42 bài thơ. Giá 80đ

CÁO - LỖI

Vì lý do kỹ thuật đến phút chót phải dành lại đến kỳ tới bài phỏng vấn Nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm về Hội chợ Osaka và Nhật bản,

Xin trân trọng cáo lỗi cùng ông Nguyễn Cao Đàm và quý bạn đọc.

Tòa Soạn BÁCH KHOA

Chương trình Việt - nam hóa dưới mắt một học giả Hoa - kỳ

Ông Robert H. Johnson là Giáo-sư môn Bang-giao Quốc-tế tại trường Đại-học Colgate Hoa-kỳ, từng tham gia Ủy-ban hoạch-định chính-sách của Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ từ năm 1962 đến năm 1967. Ông đã phân-tích rất tỉ-mỉ vấn-đề Việt-nam hóa dưới mọi khía cạnh và dưới đây là phác lược những ý-kiến của ông.

Trong bài diễn văn ngày 3-11-1969 T.T. Nixon cho rằng chính-sách Việt-Nam-hóa có thể giúp Hoa-kỳ rút chân ra khỏi chiến tranh Việt-nam mặc dầu cuộc thương thuyết có thể thất bại. Để thực hiện chính sách đó ông đã hạ thấp cấp bậc cuộc hòa-đàm. Nhưng rồi đến ngày 20-4, khi tuyên bố rút thêm 150 000 quân, ông lại phải công nhận rằng tuy vậy hòa-đàm vẫn là con đường ngắn nhất đi tới Hòa-bình. Rồi 10 ngày sau, khi can thiệp vào Kampuchia, ông lại có vẻ đặt cao vấn-đề Việt-nam-hóa và giải thích rằng Hoa-kỳ phải đem quân qua Kampuchia là để có thể tiếp tục rút quân và tiếp tục Việt-hóa cuộc chiến.

Lúc rút xong quân khỏi Kampuchia vào cuối tháng 6, ông lại đặt nặng vấn-đề thương-thuyết bằng cách cử Đại-sứ David Bruce cầm đầu phái đoàn Hoa kỳ tại cuộc Hội-đàm Paris. Rồi đến hạ tuần tháng 8 ông lại cử Phó Tổng-thống Agnew đi một vòng 5 nước Á châu để hâm nóng "học-thuyết Nixon", chuẩn bị cho Mỹ rút khỏi châu Á để cho người châu Á tự lực chống Cộng với sự giúp đỡ của

Hoa-Kỳ. Vậy vấn đề được đặt ra ở đây là: T.T. Nixon đặt trọng tâm vào vấn-đề nào, vào vấn đề rút quân và Việt-nam-hóa hay vào vấn-đề hòa-đàm? Hay cả 2 vấn-đề đều được đặt quan trọng như nhau và bỏ chính lẫn cho nhau.

Muốn trả lời được câu hỏi đó ta phải nhìn vào tương lai xem vấn-đề Việt-hóa và rút quân sẽ đưa đến đâu. Có 3 yếu-tố chính quyết-định sự thành bại của chính sách đó :

1) — Sự phản-ứng của Bắc-Việt và Mặt trận GPMN

2) — Sự vững ổn của chính quyền Saigon.

3) — Khả năng của chính phủ và quân đội VNCH có thể thay thế được quân Mỹ, đối phó với mọi biến chuyển ở miền Nam.

Không ai có thể biết trước một cách rõ ràng là Cộng-sản sẽ có những phản ứng như thế nào về phương diện quân sự khi Hoa-kỳ rút quân khỏi Việt-nam. Tháng 12-1969, Tướng Võ Nguyên Giáp đã đe dọa rằng Việt-nam-hóa chỉ là

một « tấn thảm kịch » cho Hoa-kỳ và Nam Việt-nam.

Chắc chắn là Cộng-sản mong muốn Hoa-kỳ rút quân càng sớm càng tốt. Phản ứng của họ như thế nào còn tùy thuộc vào sự đánh giá của họ đối với ý-định của Hoa-kỳ. Nếu Hoa-kỳ tỏ ý muốn rút quân nhanh chóng thì chắc chắn Cộng-sản sẽ phản ứng thuận lợi bằng cách đề nghị cho quân đội Hoa-kỳ ra đi mà không gây thiệt hại gì đáng kể. Nhưng nếu Hoa-kỳ chủ trương để lại một số quân ở miền Nam VN trong một thời gian nào đó — mà sự thực sẽ là như vậy — chắc chắn là Cộng-sản sẽ có kế hoạch đối phó với lực-lượng còn lại của Hoa-kỳ và quân đội Cộng-hòa Việt-nam. Cộng sản hy vọng sẽ tạo một bầu không khí bi quan gây nên những xáo trộn chính trị để làm áp lực buộc Hoa-kỳ rút quân. Tháng 4 vừa rồi, Hà-nội đã kêu gọi các lực-lượng cộng sản giết thật nhiều Mỹ vượt quá tỉ-số 100 người chết một tuần, tỉ-số mà họ cho là Hoa-kỳ có thể chịu được. Tỷ-số đó thực-tế đã bị vượt từ khi có cuộc hành quân qua Kampuchia.

Về vấn-đề vững ổn chính trị của miền Nam, cũng có nhiều yếu-tố rất khó lường trong một tình thế luôn luôn thay đổi. Theo một bản phúc-trình của Ủy-ban ngoại-giao Thượng viện Hoa-kỳ tháng 12-1969 (đã được phổ biến) thì T.T. Thiệu mỗi ngày một giống T.T. Diệm, độc đoán kín đáo và cô lập. Cũng như ông Diệm, ông chỉ muốn thu hẹp chính phủ trong thành-phần hiện tại, chứ không muốn mở rộng. Chính phủ càng phải gánh nhiều trách-nhiệm chiến tranh bao nhiêu, càng tỏ vẻ nghi ngờ các giới chính-trị bấy nhiêu.

Chế-độ của TT Thiệu có giải quyết được những vấn-đề của miền Nam

không, việc này cũng tùy thuộc vào khả năng quân sự và cai trị của chính phủ VNCH. Giới chức Hoa-kỳ tỏ vẻ lạc quan về những tiến-bộ của chương trình bình định nông-thôn. Nhưng một bản phúc-trình gửi Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện Hoa-kỳ lại cho rằng theo nhiều giới chức Mỹ thì những thắng lợi đó rất mỏng manh và còn tùy thuộc một phần lớn vào việc quân đội Việt-Nam Cộng Hòa có tiếp tục giữ vững được vùng quê khi quân đội Hoa-kỳ rút lui hay không. Năm ngoái, khi ước lượng về sự tiến bộ của quân lực Việt Nam Cộng Hòa người ta đã đưa ra 6 yếu-tố trong số đó 4 yếu-tố tùy thuộc vào Hoa-kỳ. Bốn yếu-tố đó là: khí giới, kế hoạch, yểm trợ hành quân và cố vấn. Hai yếu tố còn lại là: giới lãnh đạo quân đội và lòng tin. Khi bộ đội chiến đấu Mỹ rút hết, có thể phần lớn những yếu-tố yểm trợ đó vẫn còn trong một thời gian quá độ. Nhưng chắc chắn là đối với kế hoạch hành quân, vì Mỹ không còn trực tiếp điều khiển chiến trường nữa, ảnh hưởng của Hoa kỳ sẽ giảm đi. Cũng rất có thể là quân đội Việt-nam Cộng-hòa không thể sử dụng được đúng mức các thứ vũ-khí phức tạp của Hoa-kỳ để đạt được hiệu-năng tối cao trong các cuộc hành-quân.

Tình thế ở vùng 4 chiến thuật, mà bộ binh Hoa-kỳ đã rút hết, được coi là rất khả quan và chương trình Việt-nam-hóa đã tiến hành rất mỹ mãn. Sự yên tĩnh đó có thể là do Cộng sản đã yếu đi, nhưng cũng có thể là Cộng sản chủ trương nghỉ ngơi để xây dựng lực lượng và hạ tầng cơ sở, chuẩn bị chiến đấu sau này.

Ý kiến của đa số các tướng lãnh Hoa-kỳ và Việt-nam Cộng-hòa là Bắc-Việt không còn đủ sức đánh bại quân đội Việt-nam Cộng-hòa trong một cuộc tấn công quy mô nữa. Tuy nhiên vấn-đề có thể là

chưa được đặt ra một cách đúng mức. Từ năm 1954, giới quân sự Hoa-kỳ vẫn tin rằng những cuộc tấn công qui mô của Cộng-sản có thể là một mối nguy cho miền Nam.

Nhưng năm 1964, quân đội Việt-nam Cộng-hòa suýt lâm nguy không phải là vì Cộng-sản tấn công đại-qui-mô mà là vì Cộng-sản đã biết khai thác những rối ren chính-trị phối-hợp với những cuộc hành quân tiêu qui-mô.

Tổng thống Thiệu và các giới chức Hoa-kỳ ở Việt-nam đều rất thận trọng đối với chương trình rút quân của Hoa-kỳ chứ không dễ dàng lạc quan như các chính khách ở Mỹ.

Việc quân đội Hoa-kỳ và Việt-nam đánh qua Kampuchia đã làm đảo lộn nhiều dự tính. Trong ngắn hạn, cuộc hành quân có vẻ gây khó khăn cho Cộng-sản trong việc khuấy rối vùng đồng bằng sông Cửu-Long và khu vực Saigon. Nhưng trong dài hạn thì chưa có gì chắc chắn cả.

Sự can thiệp võ trang vào Kampuchia làm cho người ta có cảm giác là giải-pháp quân-sự lại được chú trọng hơn và làm cho Cộng-sản thêm nghi ngờ về việc rút quân của Mỹ và sẽ không có những hành động xuống thang thích ứng, thuận lợi cho việc rút quân. Kinh nghiệm cho biết là Cộng-sản sẽ tìm cách phản ứng lại bằng một cuộc tấn công vừa chính trị vừa quân sự.

Ý-niệm "quét sạch" Cộng-sản khỏi "vùng thánh địa" của họ ở Kampuchia thoạt đầu nghe có vẻ hấp dẫn. Nhưng kinh nghiệm cho biết là "quét sạch" rồi phải luôn luôn quét lại, nếu không thì Cộng-sản sẽ trở về ngay sau khi quân đội Việt Mỹ rút lui.

Tình hình ở bên Lào cũng vậy, luôn luôn phải giữ vững áp lực trong

vùng "cán song" ngay từ hồi Tổng thống Kennedy. Vì « hành-lang Lào » còn quan trọng hơn là « Thánh-địa Kampuchia ». Ngày nay người ta lại không chú trọng đến vấn đề đó bằng vấn đề Kampuchia. Sau khi quân Mỹ rút lui khỏi Kampuchia rồi, quân đội Việt-nam còn có thể tiếp tục những cuộc hành quân đại-qui-mô ở đó không? Trong lâu dài, giữa hai bên Việt-Miên liệu có những khó khăn chính-trị gì xảy ra không? Việc đó có buộc Hoa-kỳ phải gánh thêm trách-nhiệm để bảo vệ sự sống còn của chính quyền Lonol không? Việc đó có ảnh hưởng gì đến việc Mỹ rút quân khỏi Việt-Nam?

Khi đề cập đến vấn đề Việt-nam-hóa và Mỹ rút quân, người ta có thể trừ liệu ba giai-đoạn của sự rút quân; việc rút quân đó lại phải ăn khớp với chính-sách hòa-đàm và chương-trình Việt-nam-hóa mà Hoa-kỳ đang thực hiện.

Giai đoạn 1 — Rút hết phần lớn các lực lượng bộ binh chiến đấu — trừ các lực lượng cần thiết để bảo vệ các căn cứ và cơ sở hậu cần. Lúc đó sẽ còn chừng 225.000 quân Mỹ ở Việt-Nam. Phần lớn là các lực lượng yểm trợ hậu cần, phi pháo và đại bộ phận cố vấn đoàn. Có lẽ đó là mức rút quân tối đa đã được dự liệu. Hồi tháng 3 chương trình rút quân đó dự tính sẽ được thực hiện cho tới giữa năm 1971. Nhưng rồi tình thế thay đổi, ngày 20-4, TT Nixon chỉ loan báo rút 150.000 quân vào mùa xuân năm 1971. Đồng thời Hoa-kỳ cũng muốn giữ lại hầu hết các lực lượng phi quân-sự ở Việt-nam: như các tổ chức viện trợ, tình báo, thông-tin để yểm trợ các hoạt-động không có tính cách quân-sự hoặc chỉ có tính cách bán quân-sự

như đối phó với tình thế khần-trương.

Cái hiểm họa lớn nhất mà chính phủ Mỹ dự-liệu là Cộng sản có thể tấn công mạnh vào các lực lượng Hoa-kỳ khi đang rút quân hoặc khi đã hoàn thành cuộc rút quân rồi, nhất là khi Hoa-kỳ lại chưa có dự tính gì về việc rút số quân còn lại.

Cuộc tấn công của Cộng-sản cốt để chứng minh rằng việc rút quân một phần đó là nguy hiểm và để làm giao-động tinh-thần quân đội Việt-nam Cộng-hòa. Đạo quân còn lại đó chỉ đủ để giữ các căn-cứ và tự-vệ. Còn những cuộc hành quân lớn phải trông vào lực lượng Việt-nam Cộng-hòa.

Nếu Cộng-sản tấn công, họ có thể e ngại là Hoa-kỳ sẽ leo thang chiến tranh trở lại chăng? Có thể là họ sẽ cho rằng Hoa-kỳ không đem quân trở lại và cũng không muốn tái oanh tạc Bắc-Việt vì việc oanh tạc đó không chắc gì đã có một ảnh hưởng quyết định đến diễn tiến của cuộc chiến.

Những bước leo thang khác như phong tỏa cửa biển Hải-phòng, đồ bộ lên Bắc-Việt hay dùng vũ khí nguyên tử đều không phải là những thứ mà Hoa-kỳ mong muốn vì tốn kém rất nhiều mà giá trị quân-sự rất hạn chế. Ví dụ như đồ bộ Bắc-Việt sẽ có hậu-quả lôi kéo Trung Cộng vào cuộc chiến. Còn việc dùng vũ khí nguyên tử thì có lẽ Hoa-kỳ chỉ sử dụng để bảo vệ đất nước mình thôi, ngoài ra việc đó chỉ có thể là một đe dọa để chấm dứt cuộc chiến. Hơn nữa những sự leo thang chiến tranh sẽ gây phản ứng mãnh liệt ở Hoa-kỳ, và còn tạo nên vấn đề nan giải là leo thang rồi thì sẽ làm thế nào để xuống thang. Vì tính toán như vậy nên Cộng-sản có thể tin

là họ tấn công mà không sợ Hoa-kỳ leo thang trở lại. Nhưng họ cũng có thể chọn đường lối khác là không tấn công các lực lượng còn lại của Hoa-kỳ mà chỉ tập trung hết mũi dùi của họ tấn công vào lực lượng Việt-nam Cộng-hòa và các đoàn dân-sự-vụ Việt-nam, mục đích để làm lung lay tin tưởng là Việt-nam Cộng-hòa có thể đứng vững một mình. Cho tới nay việc rút quân của Hoa-kỳ chưa làm mất lòng tin đó vì nó chưa đạt tới một mức độ đáng ngại và có thể là chính phủ Việt-nam Cộng-hòa vẫn còn chưa tin là Hoa-kỳ có thể rút lui hết các đơn vị chiến-đấu trong tương-lai.

Đối với Cộng sản, tấn công mạnh vào các lực lượng Việt-nam Cộng-hòa có lợi hơn là tấn công thẳng vào các lực-lượng Hoa-kỳ. Nó có thể làm lay chuyển tin-tưởng của Hoa-kỳ vào chương-trình Việt-hóa và làm cho Hoa-kỳ leo thang trở lại và sa lầy thêm. Nhưng điểm chính là nó sẽ làm cho tình hình chính trị ở miền Nam thêm xáo động.

Rất có thể, Cộng sản chọn một đường lối thứ ba là sẽ tấn công mạnh ở Lào. Việc này họ thấy là Hoa-kỳ sẽ khó lòng rút quân ở Đông-Nam-Á chỉ bằng đường lối Việt-nam-hóa, mà phải giải quyết toàn bộ vấn-đề Đông-Dương bằng điều-định. Đánh mạnh ở Lào sẽ làm rung chuyển tới Thái. Mà Thái-lan thì lại muốn Hoa-kỳ bảo vệ vùng biên-giới sông Cửu Long của mình để đối lại với việc cho Hoa-kỳ sử-dụng các căn cứ và gửi quân Thái qua Việt-nam. Nếu Hoa-kỳ can thiệp bằng bộ binh ở Lào thì lập tức sẽ có những hậu quả quốc nội và quốc tế trầm trọng. Hoa-kỳ sẽ đành phải án binh bất động để ngồi nhìn Lào bị xâm chiếm, trước sự phản đối của Thái-lan sao? Cuộc đánh sang Kampuchia

làm cho Hoa-kỳ dù muốn dù không cũng phải nhận lãnh trách nhiệm bảo vệ chế độ Lonol. Để né tránh dư luận Hoa-kỳ đã phải giao phó nhiệm-vụ bảo vệ đó cho chánh quyền Việt-nam Cộng-hòa. Sự can thiệp của Mỹ từ nay chỉ có tính cách gián tiếp mà thôi.

Tóm lại hành động của Cộng-sản ở Kampuchia và ở Lào đã làm cho Hoa-kỳ khó có thể rút chân ra khỏi Việt-nam và thực hiện nơon lãnh chương-trình Việt-nam-hóa.

Giai đoạn 2 : *Rút các lực lượng yểm trợ hậu cần* — Bước sang giai-đoạn thứ 2 tất cả bộ binh và các lực lượng hậu cần sẽ rút lui hết. Chỉ còn lại cơ phi-pháo yểm trợ và một cố-vấn-đoàn chừng từ 25.000 tới 50.000, kể cả quân sự lẫn dân-sự. Con số đó xét ra cũng đủ vì khi rút khỏi quốc-khu IV Mỹ còn để lại 23.000 cố vấn quân sự và dân chính. Việc để lại phi pháo yểm trợ sẽ có hiệu quả làm tăng cường sức chiến đấu của quân đội Việt-nam Cộng-hòa và giữ vững uy tín của đoàn cố-vấn trong mọi hoạt động quân sự và phi quân-sự.

Nhưng nếu tiếp tục yểm trợ phi pháo, Hoa-kỳ phải tiếp tục ném bom ở miền Nam Việt nam và tiếp tục gay ra những vụ thảm sát không phân biệt, một việc mà nếu ta cứ kéo dài chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng tâm lý không tốt.

Nếu chỉ để lại các cố-vấn thôi thì chắc cũng không giải quyết được gì. Hoa kỳ lại lộn lại con đường 5 năm trước đã đi và đưa đến sự bắt buộc phải can thiệp sâu hơn.

Nếu Cộng-sản để mặc cho Hoa-kỳ rút lui tới mức độ đó tất nhiên họ đã lý-luận rằng Hoa-kỳ càng rút mau bao nhiêu, chương trình Việt-hóa càng khó thực hiện bấy nhiêu và Cộng-sản sẽ có nhiều hy vọng thắng.

Đến khi Hoa-kỳ ngưng lại ở mức độ tối thiểu (lực lượng cố vấn với phi pháo yểm trợ) và dự-trữ sẽ lưu lại một thời gian vô-hạn-định, tình thế sẽ biến chuyển. Cộng sản có thể sẽ gây áp lực mạnh cả về phương diện quân-sự lẫn chính-trị hướng thẳng vào quân đội và chính quyền Việt-nam Cộng-hòa khiến cho Mỹ phải đứng trước một tình trạng không thể nào tiếp tục áp dụng mãi dương lối cũ của mình. Cộng-sản sẽ triệt để khai thác tình trạng yếu kém về quân sự do cuộc rút lui tạo nên, ảnh hưởng đến tinh thần quân đội. Họ cũng biết rằng Hoa-kỳ không thể nào phản hồi bằng cách đưa quân trở lại.

Chính phủ Việt-nam Cộng-hòa có đủ khả năng đối phó với tình thế không? Thực ra cũng khó mà đoán trước được. Nhưng kẻ bi quan cho rằng chính phủ Việt-nam Cộng-hòa chắc sẽ gặp nhiều khó khăn mặc dầu chương trình Việt-hóa có thể thành công. Nhiều người khác cho rằng về phương diện quân sự, Việt-Nam Cộng-hòa có thể ứng phó được thắng lợi nhưng về phương-diện chính-trị, chính phủ của Tổng-tổng Thiệu sẽ phải đối phó với nhiều khó khăn. Một hiện tượng mâu thuẫn có thể xảy ra, Việt-hóa thành công sẽ có an-ninh quân-sự, nhưng chính sự an-ninh này lại làm cho cuộc tran đấu chính-trị thêm gay gắt và Cộng-sản chắc chắn sẽ cố gắng khai thác để làm cho tình trạng suy sụp.

Nếu tình trạng suy sụp xảy ra thực, cố vấn đoàn Hoa-kỳ sẽ bị đặt trước nhiều vấn đề nan giải. Nếu tình-hình chính-trị suy sụp, rất có thể Hoa-kỳ sẽ ủng hộ bất cứ một nhóm nào chống Cộng nhất.

(Xem tiếp trang 73)

BANQUE

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Thuốc Tây thuốc ta

Cảo thơm làn dử (1)

Nhân được rảnh, ta cùng một bằng hữu đi chơi phía tây núi Lương-sơn, và vào nghỉ trọ ở nhà một vị lương-y lão-thành. Vừa ghé chân, đã có một người đàn-bà trong làng đến kể bệnh xin thuốc. Qua đối đáp của đôi bên, ta được biết nữ bệnh nhân bệnh dể đã đến mười năm, không những đã uống thuốc của vị lão đồng-nghiệp, mà còn cất công lên kinh tìm thầy chữa trị. Vì thấy bệnh không thuyên, người thầy thuốc già có ý từ chối, không muốn chữa.

Nhìn người đàn-bà, ta thấy thân hình béo tốt, *thịnh ở ngoài hư ở trong*, sắc mặt đỏ hồng, chắc là *âm hư ở dưới mà dương phù ở trên*... Ta có cảm-tưởng người đồng-nghiệp già tuy trong quá-khứ đã biện-luận có vẻ hữu-lý, nhưng dường như chỉ thấy được ở bì-phụ mà thôi.

Ta liền nói : « Tôi vốn nhà nho, có biết chút y-lý, nhân đi chơi núi, ghé lại tiên-sinh, đã từng nghe tiếng tiên-sinh dám xin cho biết nguồn gốc bệnh như thế nào, mà linh-đơn đã dùng vẫn chưa công-hiệu ? ».

Bạn chưa kịp đáp, người đàn bà đã mừng rỡ thưa rằng : « Tôi lấy chồng năm 18 tuổi, sinh một con. Năm 25 tuổi chồng mất, 26 tuổi nhiễm bệnh, đến nay đã tám năm. Gặp lúc mưa nắng bất thường thời hoa mắt ù tai, *đầu đau như bõ*, ngồi không yên đứng cũng không yên, chiều tối mới bớt. Đến nay bệnh càng tăng, giữa vùng ngực thường bị nóng như lửa đốt. Mỗi lúc lên cơn sốt, thấy rất khó chịu, muốn mửa nhưng

không mửa được, nước bọt ở miệng chảy ra, nhờ mãi không hết. Tiêu-tien đi luôn, đại-tien táo bón, đã năm năm không có kinh-nguyệt... »

Âu mạch, ta thấy sáu bộ mạch đều phù đại, đi không thứ tự, tả xích rất vi, hữu xích huyền cấp, hữu thốn lại càng huyền cấp hơn. Căn cứ theo đó ta suy ra *thủy suy không chế được hỏa*, mà thiếu hỏa, đã biến thành tráng hỏa. Bởi hỏa khắc kim, nên khí do đó bị uất (2). Khí càng uất, hỏa càng đốt. Và lại, thiếu-phụ này góa chồng, mỗi tình uất-kết trong lòng. ù tai, mắt hoa là biểu-hiện của chứng thận hư. Vùng ngực nóng bởi hỏa uất ở trung tiêu, hun đốt dạ-dầy nên nước bọt ở miệng ra luôn. Đầu đau như bõ là *chân âm thủy kiệt*, không sinh được huyết, chỉ một mình hỏa nung-nấu nội-thể. Hỏa tà nung nấu ở phần âm, về đêm mới dễ chịu, đó là do *ban đêm thuộc âm, âm gặp âm thì có sự giúp-đỡ*...

Người lương-y già trình-bày đã cho bệnh-nhân uống bài tứ vật (3) gia tri-mẫu hoàng-bá, bội xuyên-khung đương-

(1) Hải-Thượng Lân-Ông. — Hiệu phòng tân phương (Y tôn tâm lĩnh). Đơn này chỉ là lược và phỏng dịch.

(2) Xin nhắc lại : «phế chủ khí, thuộc kim» (BK số 327, trang 27).

(3) Bài tứ vật là một phương thang kinh-diện của Đông-Y, và giới Đông-Y thường nói : Tứ quân bổ khí, tứ vật bổ huyết, hoặc nam tứ quân, nữ tứ vật. Tứ vật gồm 4 vị thực-địa, quy-thân, bạch-thược, xuyên-khung quen gọi tắt là «khung quy thực thược» hay «địa thược khung quy.»

quy... Ta nghĩ bụng đây chỉ mới *chữa ngọn*, chứ chưa phải *chữa gốc*. Giờ ta phải lập ra một phương thuốc, có sức mạnh vạn mã thiên-bình, khiến cho người bệnh đau ốm mười năm, bỗng được chữa lành trong giây phút...

Thấy người thầy thuốc già rất tốt, ta không ngần-ngại bèn bốc :

Thực-địa	8 lạng
Đương-quy	6 lạng
Ngưu-tất	2 lạng (dùng sống)
Xuyên-khung	3 lạng (sao 2 lần với đồng-niêu)
Ngũ-vị	1 lạng (nghiền dập)

Giao cho thiếu-phụ, với lời dặn nếu về nhà thấy có vường sốt thì đem thang thuốc này đồ mười bát nước sắc còn năm bát, chia ra nhiều lần mà uống. Nên nằm nghỉ trên giường. Một ngày một đêm phải uống cho hết. Mỗi lần uống xong, nhớ ăn thêm một bát cháo lỏng nóng để giúp cho vị khí.

Sau mấy hôm, người đàn-bà trở lại, hoàn-toàn khỏi bệnh, mang theo lợn, nếp, rượu, tiền để trả ơn...

Người thầy thuốc già, trong lúc thấy ta kê đơn, vị thuốc thì ít, lượng thuốc thì nhiều, quân thần tá sử không phân-minh, tuy chẳng nói ra, nhưng chắc chắn vẫn cười thầm trong bụng. Cho nên mới hỏi ý ta.

Ta trả lời : « Làm nghề thuốc không cần cố-chấp về phương, cho nên thường nói : ý tức là ý (1). Tôi thấy bệnh người đàn-bà, chân âm suy-kiệt, hư hỏa hun đốt, đúng là chứng *âm hư đầu thống*, cho nên quyết lấy thực-địa làm quân (2) để bổ chân thủy, lấy đương-quy làm thần để vận-hành tý khí, bổ làm dưỡng can-huyết, lấy xuyên-khung để tá để khai âm-uất, sao với nước tiểu để giáng hư hỏa, lấy ngưu-tất làm sử để dẫn hoá

hạ hành cho nhanh, cùng ngũ vị để ức khí tàng nguyên ..

Lục chông báo mới.

Một bé gái sơ sinh 19 ngày được di-tản đến bệnh-viện Nhi-Đông Columbus, Ohio (Hoa-Kỳ) ngày 28.12.1969. Mới chào đời 11 ngày, bé đã bị mọc mụn nước ở một nửa ngực phía trái. Đồng thời bé, khóc quấy nhiều, lắm khi mê sảng, bú rất ít, sốt 101 °F. Bệnh càng ngày càng nặng, và lúc nhập viện thì bé đang làm kinh.

Khám xét bệnh-nhân thấy thân-nhiệt 101°F, mạch đập 160 một phút, nhịp thở 40 lần mỗi phút. Bé nặng 1.94 gm. Da xanh tái, điểm những mụn bóng, phân-phối ở khoảng liên sườn trái thứ sáu. Mắt lay trông liên miên. Bại-liệt thần-kinh mặt phía phải và dưới.

Thử nước não-tủy thấy đường 33mg^o/o; prôtêin 540mg^o/o; 111 hồng-huyết-cầu và 105 bạch-huyết-cầu trong mỗi millimét khối.

Tổng-trạng càng ngày càng suy-đổi, đến nỗi phải cho uống sữa qua một ống thông dạ dày.

Ngày thứ năm nằm bệnh-viện, chích kim qua đầu, vào thùy thái-dương của bán não phải để lấy não thử-nghiệm. Qua kính hiển-vi, thấy não bị *hóa-nhuễn trầm-trọng, tế-bào thoái-hóa*.

Ngày thứ bảy, bắt đầu dùng trị-liệu kháng siêu-vi-trùng với *idoxuridin (IDU)* bằng đường tĩnh-mạch. Ngày hôm sau, tình-trạng bệnh-nhân cải-thiện. Thuốc được dùng trong bảy ngày thì phải ngừng vì thử máu thấy số tiểu-

(1) Ý dả ý dã.

(2) Vì vậy trong đơn thuốc, Lân-Ông dùng thực-địa đến 8 lạng, đương-quy có 6 lạng, ngưu-tất chỉ 2 lạng (xin xem lại BK số 327 trang 25).

cầu còn có 70 000 mỗi millimét khối. Hai ngày sau khi ngưng thuốc, số tiểu cầu lên được 140 000 và ngày kế tiếp đếm được 280 000.

Những ngày sau đấy, bệnh-nhân thỉnh-thoảng làm kinh, lắm khi không chịu bú, thượng chi thẳng đờn. Chụp ảnh não-thất sau khi bơm hơi cho thấy hai bán-cầu não bị hủy-hoại rộng lớn...

Xuất-viện, bé vẫn được tiếp-tục điều-trị bằng gacdenan và diazepam..., với chẩn-đoán viêm não do siêu-vi-trùng herpes gây dư-chứng tổn-thương não xảy ra trước khi trị-liệu.

Đây là bệnh-nhân thứ bảy trên khắp thế-giới và trong lịch-sử y-học bị viêm não do siêu-vi-trùng herpes được trị-liệu bằng IDU. IDU được dùng trong mục-đích này từ năm 1966... (1)

Ông G. 32 tuổi, công-nhân lò heo, nhập viện vì sốt khoảng 38-39°C từ một tuần nay, kèm theo tháo mồ-hôi và nhừ các khớp xương.

Khám xét chỉ thấy lá lách hơi lớn. Thử máu thấy bạch-huyết-cầu trung-tính giảm còn 42%. Ông G. vừa nghỉ mát ở Bretagne về. Trong lúc ra miền bờ, ông có ăn sò nướng.

Như vậy, có thể nghĩ đến 2 bệnh: thương-hàn hoặc bệnh nhiễm *Brucella*. Nhưng bệnh cảnh lâm-sàng có vẻ hợp với chẩn-đoán thứ hai hơn.

Nhờ phòng thí-nghiệm cấy máu, đồng thời làm huyết-thanh chẩn-đoán *Widal* và huyết-thanh chẩn-đoán *Wright* (2)

Sau 4 ngày cấy máu, thấy xuất-hiện vi-trùng *brucella melitensis*, đồng-thời huyết-thanh chẩn-đoán *Wright* dương 1/160, trong khi huyết-thanh chẩn-đoán *Widal* âm.

Bệnh-nhân được cho uống *Hexacycline*, 2 g mỗi ngày, trong một tháng, kèm

theo các men lactic.

Sau 4 ngày, hết sốt, lá lách nhỏ lại, mồ hôi hết (3).

Dược-thư Đông Tây.

Những bệnh-án vừa trình-bày đã được rút ra từ các tài-liệu có thể xem là đại-biểu của hai nền y-thuật và nói lên những điểm dị đồng chính-yếu giữa quan-niệm bệnh-lý, phương-thức dụng dược bên phương trời Tây và dưới gầm trời Đông, mà kẻ viết sẽ xin cố-gắng phân-tích và quy-nạp sau đây.

Xin đề-cập trước tiên đến các tài-liệu dược-học. Dược-thư Đông Tây dĩ nhiên có rất nhiều, nhưng căn-bản để tham-khảo là những bản thảo đối với Đông-Y và những dược-diễn đối với Tây-Y.

Ngay khi đọc những thư-liệu này, đã thấy có sự khác biệt căn-bản: thư-liệu của Đông-Y càng cò càng quý, thư-liệu của Tây-Y càng mới càng hay. Đành rằng không phải Đông-Y chỉ có những tài-liệu phát-hành từ thuở khai-đoan, nhưng đối với môn-đệ của y-học cổ-truyền, sách thuốc càng xưa càng có giá-trị; ngược lại, Tây y-sĩ và Tây dược-sĩ mỗi năm lại phải mỗi tốn tiền mua sách thuốc mới!

Trong bài thứ nhất của loạt bài này (4), kẻ viết, tôn-trọng quan điểm của y-thuật Đông-phương, đã gọi là tập *Thần-Nông bản-thảo* được soạn ra từ năm 2838

(1) E.L. Charnock and H.G. Cramblett. — 5-iodo — 2' — deoxyuridine in neonatal herpes virus hominis encephalitis. *The Journal of Pediatrics* Vol 76 Marc. 1970 N°3 (dịch rất sơ-lược).

(2) Đề xác-định bệnh thương-hàn và bệnh nhiễm *Brucella*.

(3) J. Guibert. — Traitement de la brucellose. *Concours Médical*. N° 26. 27 Juin 1970 (dịch rất sơ-lược).

(4) B.K. số 326, trang 10.

trước dương-lịch. Nhưng niên-đại này hết sức đáng ngờ.

Trước hết, Thần Nông là một nhân-vật có tính-chất hư cấu. Theo truyền-thuyết, Thần-Nông có công dạy dân nghề làm ruộng, nghề thủ công và nghề dùng cây cỏ chữa bệnh. Tuy nhiên, *đấy không phải là nhân-vật có thực*. Lại nữa, khoảng 2900 năm trước Thiên-Chúa giáng-sinh, Trung-Hoa chưa có chữ viết. Chữ Hán kiểu cổ nhất là lối ký-hiệu tượng-hình ghi trên mai rùa, gọi là *giáp-cốt văn-tự*, mới xuất-hiện từ đời Thương (thế - kỷ XVII đến XI trước Tây-lịch kỷ-nguyên). Còn giấy thì mãi đến đời Hán (đầu Công-nguyên) *Thái-Luân* mới phát-minh. Trước đó, ngay cả đời Khổng-Tử, ở Trung-Hoa còn viết vào thẻ tre, xâu lại thành sách. Những thư-tịch cổ nhất của Trung Quốc còn lại ngày nay, chẳng hạn Kinh Thi cũng chỉ xuất hiện khoảng 5, 6 thế-kỷ trước Thiên-Chúa giáng-sinh.

Như vậy, thời Thần-Nông và mãi về sau nữa, chưa có và không thể nào có sách và dĩ nhiên càng không thể có quyển Bản-thảo do Thần-Nông soạn ra. Trường-hợp của một số thư-liệu kinh-điền khác, như Nội-Kinh của Hoàng-Đế cũng vậy (1) Căn-cứ vào sự kê-cứu ngôn-ngữ, vào lối hành-văn, cũng như căn-cứ vào một số khái-niệm và ý-niệm khoa-học ghi trong sách, các nhà khảo-cổ-học cho rằng cuốn Bản-thảo Thần-Nông chỉ xuất-hiện vào đời Hán (khoảng đầu Tây-lịch kỷ-nguyên), do nhiều tác-giả tổng-hợp những tri-thức và kinh-nghiệm các thời trước mà soạn ra. Nhưng Đông-Y đã đặt tên sách như vậy chính là để phần nào tưởng niệm thủy-tổ nghề thuốc và nhất là tăng vẻ linh-nghiệm cho bản thảo.

Trở lại với dược-điền Tây-Y. Xin đan-cử dược-điền Pháp 1965 — bộ

dược-điền Pháp mới nhất mà người viết có đề tham khảo — làm ví-dụ. Về bố-cục đại-cương, dược-điền gồm rất nhiều chương-mục. Bên cạnh những chương-mục thông thường như tên thông-dụng của thuốc, bảng liều-lượng thuốc, thuốc chữa bệnh cho cây-cối (phytopharmacie), các chuyên-luận về thuốc thú-y, còn có những mục thuốc chữa theo phương - pháp vi - lượng (homéopathie), mục các chất dùng trong kỹ-nghệ rượu vang (oenologie (2)), mục các chất dùng để nhuộm màu các dược - phẩm, mục các chất dùng để bảo-quản dược-phẩm, mục chai bình và phụ-liệu (récipients et accessoires). So với những lần xuất-bản trước, có những chuyên-luận bị rút đi và những chuyên-luận mới ghi thêm. Từ trước đến nay, dược-điền Pháp đã được in tất cả tam lần và bảy lần in trước là vào những năm 1818, 1837, 1866, 1884, 1908, 1937, 1949. Như vậy, ta thấy cự-ly thời-gian giữa hai lần in dược-điền khá lớn : y-giới vẫn có nhận xét nhịp-độ biên-soạn dược-điền của Pháp, cách nhau ít nhất 12 năm hay hơn nữa, không phù-hợp với nhịp-độ phát - triển của công-tác nghiên - cứu thuốc men trong thời-đại hiện nay, và vì vậy, người Pháp đã đưa ra quan-niệm về sự « sáng-tạo liên-tục » (création continue) trong việc biên soạn dược-điền.

Dược-điền có thể đề vài năm, mười năm mới ấn-hành. Nhưng các loại từ-điền biệt-dược Âu-Mỹ thì mỗi năm

(1) P. Huard and M. Wong. — Chinese Medicine. World University Library. Mac Graw. Hill Book Company. New York Toronto, 1968.

(2) Trong lời tựa của dược-điền, người ta giải-thích sở-dĩ có mục này là vì người dược-sĩ Pháp là những cố-vấn được quần-chúng nghe theo trong các vùng trồng nho !

phải có ít nhất một ấn-bản mới : Y-sĩ Việt-Nam quen thuộc nhất với cuốn Vidal của Pháp và cuốn PDR (1) của Mỹ. Dĩ-nhiên, muốn có đầy-đủ tên các dược-phẩm đặc-chế, năm nay y-sĩ phải có bộ Vidal hay bộ PDR 1970. Bộ sau này, mỗi năm ra một lần chưa đủ mới, còn ấn hành thêm một phụ-bản (supplement) nữa !

Dược-liệu tân-cổ

Cách đặt tên cổ-dược khác hẳn cách đặt tên tân-dược. Điều ấy hai bài khảo-luận trước đây đã nêu rõ. Nhưng thiết tưởng nên nói thêm là một tên thuốc Đông-Y có thể tương - ứng với nhiều dược-liệu, điều này khiến việc nghiên cứu khoa-học nhiều khi rất khó-khăn. Ma-hoàng là bộ-phận trên mặt đất phơi khô của cây Thảo-ma-hoàng (hay Xuyên-ma-hoàng) *Ephedra sinica* Stapf hoặc cây Mộc - tặc ma - hoàng *E. equisetina* Bunge hoặc các cây có chứa êphêdrin thuộc họ Ma-hoàng (Ephedraceae), gồm rất nhiều loại, kể cả những loại mọc ở Âu-châu, Phi-châu, Mỹ - châu, như *Ephedra helvetica*, *E. antisiphilitica*, *E. vulgaris* v.v... Vị Ô-dầu phụ-tử bao gồm hàng chục loại mọc khắp nơi trên thế - giới : *Aconitum napellis* L., *A. lycoctonum* L., *A. anthora* L., *A. septentrionale* Koelle, *A. Stoerkianum* Reichb, của châu Âu; *Aconitum japonicum* Thunb, *A. fisheri* Reichb, *A. spicatum* Lam, *A. Balfourii* Stapf, *A. sinense* Sieb của Trung-Hoa và Nhật-bản ; *Aconitum ferox* Wall, *A. palmatum* DCN, *A. chasmanthum* Stapf, *A. semigaleatum* Pall, *A. heterophyllum* Wall của Việt-Nam và Ấn-độ v.v...

Có những vị thuốc được Đông-Y xem là thần thảo, diệu-dược, thì lại không hoặc ít được Tây-Y biết đến. Hà-thủ-ô là một thứ thuốc ở Việt-Nam ta có rất nhiều, được Đông-Y xem là có công-năng bổ can thận, dưỡng huyết liễm-

khí, mạnh gân xương, đen râu tóc, chủ trị di-tinh, đái-hạ, đầu gối đau nhức, âm hư sốt rét lâu ngày không lành. *Thỏ-phục-linh* là chuyên-dược của y-lý cổ-truyền để chữa chứng giang-mai, được dùng ít nhất cũng từ thời Lý-thời-Trần, có thể trị dứt mọi chứng giang-mai của bất cứ đàn ông, đàn bà, trẻ con, mới phát hay kinh-riên. Hai dược-liệu này, mặc dầu đều có tên khoa-học (*Polygonum multiflorum* L. và *Smilax glabra* L nhưng không được nền tân-dược lưu-ý nhiều. *Thanh-hao* (*Artemisia opiacea* Hance hoặc *A. thunbergiana* Maxim), *Sử-quân-tử* (*Quisqualis indica* L. *Q. villosa* Roxb., *Q. pubescens* Burn. v.v...) *Long-nhân* (*Euphoria longana* Lamk) v.v... cũng chỉ đặc-dụng đối với Đông-Y.

Đây là chưa kể những vị thuốc được tiền-nhân đề-cập đến trong các bản thảo, nhưng vì bản-chất tương-đối ngộ nghĩnh, kỳ-quặc nên không thấy nền dược-học hiện-đại ghi nhận như tích lịch (lưỡi tầm sét), côn đàng (đũng quắn) : theo Đông-Y thì « tích lịch » có công-dụng trấn kinh, an-thần, sát được trùng lao, chữa được chứng lậu ; « côn đàng » là thần-dược chủ-trị chứng phạm phòng nguy-cấp, chỉ còn đợi chết, nhưng nam bệnh-nhân phải dùng đũng quắn phái nữ, nữ bệnh-nhân phải dùng đũng quắn phái nam.

Cũng đặc-trung không kém là sự hiện - diện trong dược - thư những phế-vật : phế-vật của người (nhân-trung-hoàng, nhân-trung-bạch) cũng như của súc-vật (hầu thi, loa thi, lộc phần, lư niệu, mã thông...) Tuy nhiên, nền y-học cổ-truyền có lẽ không phải là không hữu-lý khi xem những phẩm-vật này là dược-chất, vì rất có thể phân người phân thú là những nguồn khoáng-

(1) PDR : Physician's Desk Reference Book.

sản, chứa cả : muối calci, natri và nhất là kali, có tác-dụng nhiều khi rất quan-trọng đối với các chức-năng của cơ-thể. Và lại khi dùng vị nhân-trung-hoàng thì có lẽ Đông-Y vô hình chung đã muốn lợi-dụng công-năng của khí amônhiac, như trong phương-pháp bào-chế mới ngày nay (1).

Nhưng dầu sao đi nữa, và do bởi tính-chất quá kinh-diễn của các thư-liệu căn-bản, Đông-Y nhiều khi dụng dược theo một quan-niệm rất chất-phác, thô-sơ, mơ-hồ, thần-bí. Khi con người đã đặt chân lên nguyệt-cầu, chắc không ai khỏi buồn cười lúc nghe y-lý cổ-truyền khuyên đem mũi hổ (hổ tị) treo trước cửa buồng hoặc dùng hùng-hoàng đeo ở cổ để dụng-phụ mới có thai hai tháng sau này sẽ đẻ con trai ! (2) Hoặc cho uống thuốc bằng bột mũi hổ thì sẽ sinh quý tử (3) : như vậy, năm tới, các liên-danh ứng-cử Tổng-Thống chắc phải lo lưu-tâm để-phòng con cháu các nhà sản-bản lạc-hộ !

Nhưng cũng có những dược-liệu, nhất là dược-thảo, rất quan-trọng đối với Tây-Y lại không được Đông-Y — vốn chuyên dùng dược-thảo — biết đến. Không kể những cây thuốc quý canhkina, ipêca, côca... vì có nguồn gốc ở Nam-Mỹ nên Đông-Y không biết mà dùng đến là chuyện dĩ-nhiên, còn có những cây thuốc mà Tây-Y rất đề-cao như Strophantus, Digitalis, Belladonna, Valériane, Datura.. thì Đông-Y không hề hoặc rất ít biết tới, dầu rằng các cây này không phải là không sinh-trưởng nơi miền nhật-vực.

Lại có những dược-liệu được cả Tây lẫn Đông-Y dùng, nhưng về mặt công-dụng thì mỗi bên y-lý lại quan-niệm mỗi khác. Tây-dược thường chỉ dùng cam-thảo (*Glycyrrhiza glabra*) làm tá-dược trong thuốc viên, chế các rượu

mùi, thêm vào các thuốc có vị khó uống, và mới đây, dùng chữa đau dạ-dầy. Đông-Y dùng cam thảo chữa rất nhiều bệnh : bệnh thương-hàn, bệnh lao, giải-độc cho trẻ con và người lớn, trẻ con đá ra máu, gầy, mới đẻ không tiểu tiện đợc, xích bạch ly. Ngoài ra, còn dùng trong vị nhân-trung-hoàng, như đã nói ở trên. *Viễn-chí* (*Radix polygalae*) đã được y-học cổ-truyền gọi tên như vậy là vì đây là một thứ rễ cây phơi khô mà tiền-nhân cho rằng uống vào có tác-dụng làm cho bền trí, nhớ lâu ; trái lại, tên polygala của tân - dược do chữ poly là nhiều, gala là sữa, vì bò ăn cây này cho nhiều sữa. Trong thực-tiến trị-liệu, Đông-Y cho rằng viễn-chí có công-hiệu ích tinh tráng dương, bổ trung hư, định tâm khí, còn Tây-Y thì thường pha polygala với các vị khác để bào-chế những biệt-dược giảm ho long đàm, vì đã chứng-minh viễn-chí có tác-dụng làm tăng sự bài-tiết niêm-dịch phổi, kích-thích khí-quản. Xưa kia, Tây-Y hay dùng xạ-hương để làm thuốc kích-thích, trấn kinh, điều kinh, cường dương, chữa mê sảng trong bệnh thương-hàn, sưng phổi ; nhưng hiện nay không dùng làm thuốc nữa mà chỉ dùng trong kỹ-nghệ

(1) Nhân-trung-hoàng được bào-chế một cách khá đặc-biệt ; tán nhỏ rễ cam-thảo thành bột. Đổ bột ấy vào trong một ống tre, nút chặt lại. Đến mùa đông chôn ống tre vào một thùng phân, tới lập xuân lấy ra đem treo ở chỗ râm mát và có gió. Sau đó, chẻ ống tre, lấy cam-thảo sấy khô, dùng làm thuốc chữa các chứng cuồng-nhiệt, trúng độc, ác sảng v.v...

(2) Đông-Y cho rằng lúc mới có thai 2 tháng thì nam nữ chưa phân-định. Theo Tây-Y thì giống của thai-nhi được quyết-định ngay lúc tinh-trùng gặp noãn.

(3) Đào-hoàng-Cảnh. — Bản-thảo tạp-chú.

nước hoa, vì mùi thơm mạnh và bền (1). Trái lại, Đông-Y xưa và nay còn rất hay dùng xạ-hương làm thuốc chữa bệnh suy-nhuộc thần-kinh, trúng phong, mê man, choáng váng. Xạ-hương là cơ-sở của các bài *Lục-thần-hoàn*, *Nhân-đan*, *Thái-ất tử kim-đĩnh*. (2) Quả *Đình-lich* (*Capsella bursa pastoris*) được kê trong Bản-thảo cương-mục của Lý thời Trần với danh-từ *Tễ* có công-năng lợi tiểu-tiện, thông bàng-quang, theo y-học cổ-truyền, mới đây đã được dược-học thái-tây chứng-minh có chứa các chất béo, tinh dầu diosmin, hyssopin, cholin, acetylcholin... và được Âu-Tây dùng cả cây làm thuốc cầm máu trong những trường-hợp băng-huyết sản-khoa.

Tử-hà-xa, Anh-túc-xác, Ma-hoàng, Đại-hoàng, Phan-tả, Thường-hơn, Mã-tiền... là những dược-liệu được cả hai nền tân cổ dược cùng dùng và cùng cho là có công-hiệu giống nhau. Trong trường hợp này, đa số các dược-liệu được Đông-Y dùng trước, rồi Tây-Y bắt chước theo, đem khoa dược-học tân-tiến phân-tích, kiểm-nghiệm để áp-dụng vào trị-liệu. *Ma-hoàng* (*Ephedra sinica*) chẳng hạn, được dùng ở Trung-hoa từ trước đây 5000 năm, đã được kê trong Thần-Nóng bản-thảo. Nhưng mãi tới thế-kỷ thứ 19 (1887) hai nhà bác-học Nhật-bản *Nagai* và *Hamanashi* mới phân-tích ra được chất alcaloid êphêdrin. Từ đó, *Ma-hoàng* được dùng phổ-biến ở Âu-Châu. Tuy nhiên vì *Ma-hoàng* các nơi khác hoặc không có alcaloid, hoặc có những alcaloid ít tác-dụng điều-trị, cho nên chỉ có *Ma-hoàng* Á-Đông được thế-giới công-nhận dùng làm thuốc và được đem về trồng ở các nơi. Trong khi nghiên cứu một số dược-liệu có tác-dụng tây và nhuận-tràng như *Phan-tả*, *Lô-hội*, *Đại-hoàng*, *Tschirch* và các công-sự-viên

(1899-1900) đã đi tới kết-luận rằng tính-chất tây của những vị ấy là do các chất oxymethylanthraquinon hoặc ở thể tự-do hoặc ở thể kết-hợp dưới dạng glucôsid (anthraglucosid). Từ đấy đến nay, y-học hiện-đại đã áp-dụng kinh-nghiệm quý-hóa này.

Cuối cùng, độc-tính của dược-vật cũng đã được so-sánh khi nghiên-cứu hai nền y-lý cổ-truyền và khoa-học. *Ba đậu* (*Croton tiglium*), *Ban miêu* (*Cantharis vesicatorio*), *Mã tiền* (*Strychnos nuxvomica*), *Nhân ngôn* (*Arsenicum*), *Ô đầu phụ tử* (*Aconitum*) đều được các thư-liệu kinh-điển Đông-Y ghi là có đại-độc, và đồng-thời, cũng được Tây-Y xếp loại vào bảng A, bảng các độc-chất. Lý-thời-Trần chẳng hạn, đã xếp phụ-tử vào

(1) Xạ-hương là một chất đặc, lờn-nhòn trong hạch ở sát dương-vật của một thứ cây hương đực từ 3 tuổi trở lên *Moschus moschiferus* L. họ *Cervidae*.

(2) Tại chợ trời Tôn-tả-Đạm, tỉnh-thoảng có thấy bán 3 vị này, do Trung-Cộng sản-xuất tại Thượng-Hải, Đệ Thất Y Dược Công Xưởng (có lẽ là mang lén-lút từ Kămpuchia về). Riêng *Nhân-đan* thì các dược-phòng ở Chợ lớn cũng có sản-xuất. Bài thuốc *Lục-thần-hoàn* gồm Tây-ngưu-hoàng 1,50g, Châu-phân 1,50g, Xạ-hương 1g, Minh-hùng-hoàng 1g, Băng-phiến 1g, Thiềm-tô 1g. Năm vị trên tán nhỏ thêm Thiềm-tô tầm rượu, viên bằng hạt cải to, lấy nhỏ nôi (Bách-thảo-sương) làm áo thuốc viên. Trị bệnh sốt cấp-tính, trúng-độc, mê-loạn, tâm-trạng suy-nhuộc. *Thái-ất-tử kim-đĩnh* gồm Sơn-từ-cổ 80g, Hồng nha đại-kích 60g, Thiên-kim-tử 40g Ngũ-bội-tử 40g Hùng-hoàng 12g Chu-sa 12g Xạ-hương 12g. Chế thành thuốc thời nặng 4g một gọi là *kim-đĩnh*. Chỉ-định trong các trường-hợp trúng-độc do thức ăn, sang, thũng, hôn-mê, ngã-quay, chết-đuối, tự-tử thất cổ mà quả tim còn ấm. *Lục-thần-hoàn* được các "dược-sĩ chợ trời" quảng-cáo là thuốc đại-bổ Hồng-Kông! *Nhân-đan* là thuốc ho cảm rất phổ-thông, viên bằng hạt cải, mùi thơm, vị cay tho.

hàng độ - thảo Nhưng bán-hạ đa -hoàng, thương-lục của Lý tiên-sinh lại không có tên trong bảng A của nền dược-học tân-tiến. Dĩ nhiên, cùng công-nhận là độc-chất không có nghĩa là cùng đồng-ý về chỉ-định, chủ-trị : sâu ban-miêu chẳng hạn, cường dương theo một số

học-giả Tây-phương, không được Đông-Y biết đến đặc tính này.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Bác sĩ TRẦN VĂN-TÍCH

Kỳ tới : Bào chế phục dược — Nguyên tắc trị liệu.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài "Lược khảo về dược liệu Đông Y" của Bs. Trần Văn Tích đăng trên BK số 326 (1-8-70), trang 13, cột 2, hàng 4 đếm từ dưới lên có thiếu một đoạn xin sửa lại cho đúng như sau :

« được tha nhân mách một vị thuốc uống khỏi, dất trâu đến tạ ơn, nên, đề ghi lại...»

Trong bài « Lược khảo về dược liệu Tây Y » cũng của Bs. Trần Văn Tích, trên BK số 328 (1-9-70) trang 41 cột 2, hàng 15 đếm từ dưới lên, có in là: «50% mới đáng kể» nay xin sửa lại cho đúng là: «5% mới đáng kể».

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả hai bài trên đây và quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH-KHOA

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Nhận xét về một vài cuốn sách viết bằng tiếng Việt về YOGA

XUÂN - QUANG

Phần lớn những sách viết về Yoga bằng tiếng Việt là những sách dịch những tác-phẩm về môn này của người Tây-phương, hay của người Ấn-độ đã được dịch ra một ngôn - ngữ Tây-phương. Tùy theo xuất xứ, những sách ấy mang tính-chất hoặc Tây-phương hoặc Đông-phương, như chúng tôi đã trình bày trong một bài trước nhan đề: « Nhận-xét về một vài cuốn sách do người Tây-phương viết về Yoga » (1).

Yoga là một môn thuần-túy Đông-phương cho nên tác phẩm nói về Yoga của người Tây-phương — nghĩa là người Tây-phương trình bày Yoga theo quan-điểm của họ, chứ không phải dịch một tác phẩm của người Đông-phương — các tác - phẩm ấy, tuy có giúp cho chúng ta biết được rành rẽ những khía cạnh những chi - tiết về Yoga, nhưng không cho thấy được cái tinh-túy và sự thuần - nhất của Yoga.

Điểm nhận xét trên, chúng ta sẽ thấy khi đọc tác-phẩm «Yoga thực-hành» của Ông Võ-Lang, dịch theo bản «Yoga Pour Tous» của Desmond Dunne, do Nhà xuất-bản «Loại sách tu-dưỡng» ấn hành.

Cuốn « Yoga thực - hành » của ông Võ-Lang thật hữu ích đối với người bắt đầu muốn hiểu biết về Yoga. Sách này trình bày hầu như đủ các khía cạnh, các chi-tiết về Yoga, như mục-lục của sách đã cho ta thấy. Đặc

biệt trong Chương II, Phần 4, tác-giả đã trình bày «Sự tập trung hô hấp vào các trung-tâm thần-kinh» (chakra), một cách luyện-tập có tác-dụng tăng-cường vượt bậc tinh-lực của cơ-thể, ít được thấy trong phần nhiều các sách khác.

Về khuyết-điểm, cuốn «Yoga thực-hành», cũng vấp phải những thiếu sót tìm thấy trong cuốn «Yoga Pour Chacun» của Philippe de Méric, đã được trình-bày trong một bài trước, tức là không thấy những liên-quan mật thiết giữa 8 giai-đoạn của Raja-Yoga. Vấn-đề trình - bày trong-cuốn «Yoga thực-hành» hẳn là Raja - Yoga vì Dharana, thuộc Raja Yoga, đã được nêu lên ở trang 210

Raja Yoga gồm 8 giai-đoạn là :

1. Yama (giới)
2. Niyama (luật)
3. Asana (các tư-thế)
4. Pranayama (điều khí)
5. Pratyahara (thoát trần, ly thể)
6. Dharana (thiền)
7. Dhyana (định)
8. Samadhi. (tuệ)

8 giai đoạn này có liên quan mật-thiết với nhau, giai-đoạn này tiếp tục và tăng cường kết quả đạt được trong giai-đoạn trước và chuẩn bị cho giai-đoạn sau, và vì lẽ đó mà trật tự các giai-đoạn không thể thay đổi. Nếu thay

(1) Đăng trên báo Bách-Khoa số 525 và 326 ra ngày 15 và 30 tháng 7 năm 1970.

đòi thì sự luyện tập sẽ gặp nhiều khó-khăn và kết quả đạt được bị hạn chế. Trái lại, cứ tuần tự theo đúng trật tự này mà tiến hành tập luyện, những kết quả kỳ diệu sẽ lần lượt đến mà người tập không thấy mình lúc nào phải mệt nhọc quá sức.

Những điểm vừa nêu ở trên không thấy nổi bật trong cuốn « Yoga thực hành ». Trái lại, trật tự các giai đoạn đã bị đảo lộn và gián đoạn :

Chương Pranayama được trình bày trước chương Asana, rồi sau đó rất xa Dharana mới được nêu lên, bỏ qua Pratyahara.

Người ta có cảm-giác tác-giả « Yoga thực hành » giống như một người đứng trước một xâu chuỗi ngọc. Xâu chuỗi ấy gồm nhiều hạt ngọc khác nhau, hạt nào cũng rất xinh đẹp, nhưng sợi dây luồn các hạt với nhau đã bị đứt. Người yêu ngọc gom tất cả các hạt lại nhưng không biết phải xâu những hạt ấy theo một trật tự nào để cấu tạo thành một xâu chuỗi liên-thành.

Riêng trong Chương II về các môn luyện tập hô-hấp, tức là Prânayama, mà Ô. Võ Lang trình bày trước hết, ông đã đưa ra những 11 cách tập. Người mới bước vào ngưỡng cửa Yoga mà gặp ngay 11 cách tập này, ắt phải choáng váng mặt mày. Người ta không thể không tự hỏi : « Không rõ chính Ông Võ Lang đã tập qua những cách này chưa ? Bởi vì một người đã có kinh nghiệm về Prânayama nhất định thấy rằng trong cuốn sách viết cho những người mới tập, không cần và cũng không nên đưa ra quá nhiều cách thở.

Trong cuốn « Les Yogas pratiques » Nawami Kevakananda chỉ đưa ra 3 cách: 1 cách thở sâu thẳm và 2 cách thở

một lo mũi. Philippe de Méric, trong cuốn « Yoga Pour Chacun », chỉ trình bày 5 cách, và ông có một nhận định về những cách tập này khá chính xác như sau :

« Có khá nhiều cách tập thở, khiến người ta phải ngần-ngợ, hoặc giả vì lẽ các vị sư tổ giảng dạy đã sửa đổi đoạn này hay đoạn khác, hoặc giả vì những điều bí-truyền được tiếp nhận hay chuyển đạt, đã tuân theo một số quy-tắc đặc-biệt hay đáp ứng lại những nhu cầu cá-nhân chính xác, nhưng không được giải-thích rõ ràng. »

Đúng như vậy, có một số phương-pháp hô-hấp căn bản, mà người yogi nào cũng phải tập, như lối thở sâu thẳm lối thở một lỗ mũi, lối thở hầu; ngoài ra phần nhiều là những cách thở thích-hợp cho từng cá-nhân, do từng cá-nhân yogi phát minh ra để giải-quyết những nhu-cầu đặc-biệt của riêng mình và truyền lại cho những người cũng ở trong những trường-hợp như mình, và về phương-diện này, còn nhiều cách thở nữa chớ không phải chỉ 11 cách mà thôi.

Về Asana cũng thế, có một số asana căn bản mà người yogi nào cũng phải tập để tăng cường sinh-lực, làm cho thân thể dẻo-dai; ngoài ra, còn số lên đến hàng ngàn nếu kể hết những asana đặc biệt mà từng cá nhân yogi phát-minh ra để giải-quyết những nhu-cầu cá-nhân của mình.

Để soi sáng thêm phần này, xin phép nêu lên một điểm có thể nói là kỳ-diệu của Yoga.

Những người yogi tin-tưởng rằng mỗi người kiên-thì luyện-tập môn này, được một sư-phụ ở ngay bên trong người họ để hướng-dẫn họ tập luyện có

hiệu-quả. Su-phụ môn Yoga, tiếng Phạn gọi là Gourou.

Nghe nói như vậy, những người có óc khoa-học, thường có thái-độ dè-dặt đối với cái vô hình, không khỏi ngờ-vực. Tuy nhiên, người yogi khi nói thế không phải vì họ mê-tín, dị-đoan, mà đã dựa vào những cảm-giác và kinh-nghiệm thực-tế.

Mọi người ai cũng nhìn nhận rằng lục-phủ ngũ tạng và cả bộ thần-kinh con người là một bộ máy cực-kỳ tinh-xảo, huyền-diệu. Khi con người sống, khoẻ mạnh, bộ máy ấy luôn luôn chạy điều-hòa; một bộ máy cực-kỳ phức-tạp, cực-kỳ tinh-vi mà luôn luôn chạy điều-hòa, ắt phải được điều-khiển bởi một kỹ-sư tài-ba. Vị kỹ-sư tài-ba ấy là ai?

Bộ máy bên trong cơ-thể, chúng ta tuyệt nhiên không biết mảy may gì. Cái thức của chúng ta luôn luôn hướng ngoại: việc gì xảy ra bên ngoài thân thể, chúng ta biết rất rành rẽ, nhưng cái gì xảy ra bên trong, chúng ta tuyệt-nhiên mù tịt.

Vì thế, để giải-thích toàn bộ đời sống con người về hai phương-diện xã-hội (bên ngoài) và sinh-lý (bên trong) cần phải nhìn nhận sự liên-hữu trong mỗi người của 2 cái «thức»: một cái chuyên hướng ngoại, một cái chuyên hướng nội.

Hai cái «thức» này hoạt động song song với nhau, nhưng cái «thức» hướng ngoại, hoạt-động tích-cực ban ngày, giúp con người hòa-hợp bản-thân với sinh-hoạt xã-hội; cái «thức» hướng nội, tích-cực ban đêm, có nhiệm-vụ điều-hòa các bộ-phần, các khí-quan trong cơ-thể để bảo tồn và phát-triển sự sống. (Xin phép ngưng tại đây về vấn-đề 2 cái thức để khỏi đi lạc vào lĩnh-vực triết-học).

Cái «thức» bên trong, có nhiệm-vụ bảo-tồn và phát-triển sự sống nói trên chính là sinh-lực, «Prana» của Yoga. Cho nên người kiên-trì tập Yoga, khiến cho «Prana» trong người họ dồi dào, sung mãn, tức là tăng-cường cái «thức» bảo vệ cơ-thể của họ, và sau một thờ-gian kiên-trì luyện tập đúng phép, người yogi cảm thấy có một luồng tinh-lực chạy trong người họ, giống như một luồng-điện; rồi thỉnh-thoảng cảm thấy bên trong có một sự thúc-giục họ làm một số động-tác mới để rồi kết-hợp thành một tư-thế mới, mà kết-quả là chữa cho họ một chứng-bệnh nào đó, hoặc tăng cường tinh-lực của họ lên rất nhiều.

Cứ như thế, sau một thời-gian lâu dài (6 tháng, một năm), người yogi nhận thấy họ đã tiến-bộ rất nhiều, biết thêm những tư-thế mới, tinh-lực tăng gia dồi dào mà, trong thời-gian ấy, họ không nhờ ai chỉ dẫn điều gì, mà chỉ nghe theo sự thúc-giục ở bên trong. Điều thú-vị là nhiều khi, tư-thế mà họ cảm thấy tự mình phát-minh ra, do sự thúc-giục ở bên trong, họ lại thấy trình bày trong một cuốn Yoga nào đó.

Trên đây là nói về sự xuất hiện của những tư-thế đặc-biệt và sự xuất hiện của những cách hô-hấp đặc-biệt cũng thế. Cho nên ngay lúc đầu, tác-giả «Yoga thực-hành» đưa ra cho người mới tập những 11 cách hô-hấp là không cần-thiết và cũng không hợp-lý nữa, hợp với cái lý nội-tại của Yoga.

Cái lý ấy đòi hỏi mỗi giai-đoạn luyện-tập phải nằm ở vị-trí thích-nghĩ của nó, và mỗi tư-thế cũng như mỗi cách hô-hấp chỉ có thể xuất-hiện trong một giai-đoạn nào đó. Theo đúng cái lý nội-tại ấy người yogi cảm thấy từ từ tiến-bộ-một cách dễ-dàng, nhẹ-nhàng, không mệt nhọc. Trái lại, đi trái với cái ý nội-

tại ấy, người mới tập cảm thấy rất nhiều khó khăn, dễ sinh ra chán-nản.

Chẳng hạn, theo thứ tự các giai-đoạn trình bày trong cuốn « Yoga thực hành » người đứng ở ngưỡng cửa Yoga chưa tập Asana để tăng cường khí lực mà phải tập những lối thở đòi hỏi phải kéo dài hơi thở, phải nín hơi lâu v.v... tức là tiến vào giai-đoạn Pranayama (Prana là sinh-lực, yama là điều chỉnh; Prana chưa tăng cường, chưa thông suốt, lấy gì điều chỉnh), người mới tập bị đòi hỏi nhiều cố gắng quá sức. Rồi từ đó lại tiến đến tập Dhâraṇa (tập trung tư tưởng) mà không qua giai-đoạn Pratyahara, đây lại đi ngược với cái lý của Yoga nữa.

Muốn tập-trung tư-tưởng, trước hết phải tách mình khỏi thế-giới bên ngoài. Chính những hình-ảnh tạp-nhập của thế-giới bên ngoài cản trở sự tập-trung tư-tưởng.

Tập qua giai đoạn Pratyahara (ly thể, xuất trần), người yogi có khả năng chế ngự những hình ảnh của thế-giới bên ngoài, đuổi chúng ra khỏi tâm-thức. Từ đó tiến qua Dhâraṇa (tập-trung tư-tưởng) là một sự dễ dàng, hợp-lý. Nếu bỏ Pratyahara mà tiến vào Dhâraṇa, người mới tập sẽ gặp những khó-khăn đặc biệt. Vừa nhắm mắt thì bao hình ảnh của thế-giới bên ngoài, một số trong quá khứ, đa số trong hiện tại, xuất-hiện, chế ngự tâm-thức, làm sao tập-trung tư-tưởng được.

Tóm lại cuốn « Yoga thực-hành » của Ô. Võ-Lang là một công-trình sưu-khảo có thể giúp cho người muốn biết về Yoga có một ý-thức sơ-đẳng về môn này với các khía-cạnh của nó, nhưng sách ấy không thể hướng dẫn người ta tập Yoga một cách hấp-dẫn và mau kết-quả.

Nhà Xuất-bản « Tri-Thức », Saigon đã cho ra một cuốn sách nhan đề « Yoga và Thề-dục », tác-giả là Nawami. Dịch-giả không giới-thiệu tác-giả và cũng không tự giới-thiệu, tuy - nhiên với danh-hiệu Nawami cũng có thể đoán tác-giả là một tu-sĩ Ấn-độ. (Chúng tôi loại ra giả-thuyết tác-giả là một người Việt-Nam mà lấy tên Ấn-độ.)

Do một tu-sĩ Ấn-độ soạn, cho nên cuốn « Yoga và Thề-dục » phảng phất tính chất Đông-phương nghĩa là súc-tích, tập trung. Sách này cũng phạm vào cái khuyết điểm đã thấy trong cuốn « Yoga thực hành » của Ô. Võ-Lang là trình bày chương Prânayama trước chương Asana, cho nên những ý-kiến của chúng tôi về điểm này, đã trình bày trên kia, có thể lặp lại ở đây.

Một ưu-điểm đáng nêu trong danh-sách này là tác-giả đã linh-hội được phần nào tinh-t túy của Yoga, khi viết ở trang 38, như sau :

« Mỗi Asana đều tập luyện 3 trạng-thái cùng một lúc là :

- 1) luyện thân thể (thề dục)
- 2) luyện hơi thở (luyện khí)

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CỒ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

3) luyện trí, gom thần lực ».

Luyện thân thể là Asana, luyện hơi thở là Prânayama và "luyện trí" là Pratyhara.

Nhận-định được như vậy tức là thấy rằng mỗi giai-đoạn tập luyện, ngoài việc tập-trung vào trọng-tâm của nó, còn chuẩn-bị cho những giai-đoạn sau, do đó, như đã trình bày trên kia, các giai-đoạn tập luyện, cùng nhau có những liên-hệ mật-thiết, chặt-chẽ.

Tác-giả « Yoga và Thề - dục » thêm rằng : « Tập như thế mới mong thu-lượm được kết-quả đầy-đủ. Kết-quả ấy rất xác-thực và nhiệm-mầu, không lường được .. »

Đã nhận định như vậy, nhưng tác-giả lại khuyên người tập : « nên luyện riêng về thân thể thôi... và gác lại phần luyện khí và luyện trí về sau.»

Lạ thay, sau khi đã nhận định cách tập hợp với cái lý nội-tại của Yoga, cách tập mà sẽ đưa đến những kết-quả nhiệm mầu, tác-giả lại khuyên người ta đừng tập theo lối ấy. Lý-do chỉ vì tác-giả nắm không đúng mức phần Prânayama và Pratyhara phải thực hiện trong khi tập Asana.

Thực ra khi tập Asana, trọng tâm là thề-dục, luyện khí và luyện trí mới manh-nha ; manh-nha nhưng phải có, nếu không thì tập-luyện thân-thể đây không phải là Yoga mà là làm trò xiếc.

Có một khuyết điểm không thể bỏ qua, vì tuy là nhỏ, nhưng làm giảm giá-trị cuốn sách không ít, đó là ở trang 31, từ-ngữ « Ngũ tạng » được giải-thích là : mắt, mũi, lỗ tai, miệng, da thịt, trong khi Ngũ tạng là : Tâm (tim Can (gan). Tì (bao tử). Phế (phổi) Thận (trái cật). Còn mắt, mũi, lỗ tai,

miệng, da thịt là Ngũ-quan. Cộng thêm với ý-thức nữa, Phật-giáo gọi là Lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý).

Các bạn mới bắt đầu tập Yoga mà ập cuốn « Yoga » của O. Trần-văn Kha là gặp được của quý. Sách này xuất bản từ năm 1966. Tác-giả phần lớn, căn cứ vào cuốn « Les Yogas pratiques » của Nawami Kavekananda, một vị Đại-sư Yoga, rồi bỏ bớt những điều quá rộng, quá sâu, chỉ trình-bày lại những điểm vừa tầm mức người mới ập. Mặc dầu vậy, tác-giả cũng đã đi quá nhiều về phần đại-cương, đồng-thời liên-kết với các vấn-đề tôn-giáo, chánh-trị, cho nên cuốn sách thiếu tập trung vào phần hướng dẫn tập-luyện thiết-thực.

Vì thế, chương Prânayama, được tác-giả đặt đúng vị-trí của nó, sau chương Asana, nhưng không được tác-giả nhấn mạnh nhiều.

Yoga là một môn rất xưa và rất mới, rất xưa đối với nhân-loại nói chung vì nó ra đời từ bao ngàn năm trước Công - nguyên, cùng với những ngành triết - học cổ nhất của Ấn độ. Rất mới đối với người Việt-Nam, vì Yoga được phổ-biến ở đây chỉ trong vòng trên dưới nửa thế-kỷ. Điều khiến người ta ngạc nhiên là từ xa xưa, các tu-si Ấn-độ đã có một nhận định rất chính-xác về phần vô hình trong cơ-hệ con người, điều này được chứng minh qua những kết quả kỳ-diêu mà người tập đạt được nếu tập luyện đúng phép.

Yoga là một môn tập luyện dựa trên một triết-ly rất dồi-dào, sâu sắc, cho nên sách viết về môn này không sơ sỏ về mặt này cũng sơ sỏ về mặt kia. Tuy-nhiên, mọi cố gắng để phổ biểu môn luyện-tập huyền-diệu ấy đều đáng được hoan nghênh.

Ghi chú: Trong bài « Nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây-phương viết về Yoga », đăng trên Bách-Kho, số 35, ra ngày 15 tháng 7 năm 1970 chúng tôi có viết :

« Thuật Yoga gồm 8 giai-đoạn mà người tập phải kinh qua .. 4 giai đoạn đầu, phần thấp, gọi là Hatha-Yoga... »

Nhận định này, một số người không đồng ý, cho rằng Hatha-Yoga là một môn Yoga độc lập; vậy xin có những lời giải-thích dưới đây :

Hiện nay đang được phổ-biến một môn tập-luyện, được gọi là Hatha-Yoga, chú trọng đặc biệt vào việc đạt đến một sức khỏe dồi-dào, làm cho người tập sống lâu và đó là mục-đích chính yếu của môn tập luyện này.

Swami Vivekananda, một tu-sĩ nổi tiếng, góp phần tích-cực vào việc phổ biến Yoga ở Bắc Mỹ, đã viết trong cuốn « Les Yogas pratiques » của ông, trang 47, rằng : « Xin các ngài nhớ rằng, *giải-thoát linh hồn* là mục-đích của tất cả các môn Yoga. »

Theo tinh thần của nền triết-lý Ấn-độ thì linh hồn chưa được giải-thoát khi nào còn kẹt trong thân xác và trong không-gian, thời-gian, tức là cái vũ-trụ hữu-hình này. Linh-hồn chỉ được giải-thoát khi kết-hợp, đồng nhất với bản-thể Chân-như và mục-đích của Yoga là thực-hiện sự kết-hợp đồng nhất ấy; đó là ý-nghĩa của từ-ngữ Yoga.

Như vậy, căn cứ vào lời nhắc nhở nói trên của S. Vivekananda, môn tập luyện gọi là Hatha-Yoga, mà mục đích đóng khung vào việc bảo-tồn và duy-trì thân-xác không đưa đến sự giải-thoát linh hồn thì không thể gọi là Yoga. Môn luyện-tập này chỉ có thể gọi là Yoga khi được kết hợp vào một môn luyện-tập khác mà mục-đích là giải phóng linh-hồn theo ý-nghĩa của nền triết-lý Ấn-độ.

Mặt khác Raja-Yoga là một ngành Yoga thật sự, lấy thiền-định làm phương-tiện giải-thoát. Việc ngồi thiền đòi hỏi một thân thể cường tráng, dồi dào sinh-lực cho nên Raja-Yoga khởi sự bằng cách luyện-tập hơi thở, nhằm tăng cường sinh-lực trong con người.

Dựa vào những nhận-định chính-xác về phần vô-hình cấu tạo nên cơ-thể con người, hai giai-đoạn Asana và Prânayama của Raja-Yoga đã đề ra những cách tập rất hiệu nghiệm. Mọi phương pháp luyện tập thân thể, muốn đạt được những kết-quả mỹ-mãn, khó tách rời những cách tập căn bản của Asana và Prânayama là phần dưới của Raja-Yoga và đó là trường-hợp của môn tập luyện gọi là Hatha-Yoga, như được chứng minh trong hai ví-dụ sau đây.

Cuốn « Yoga và Thể-dục » của Nawami do Nhà Xuất-bản Tri-thức, Saigon, ấn-hành, đã viết ở trang 12 :

« Tập pháp-môn Hatha-Yoga, hành-giải phải trải qua 4 giai-đoạn :

- 1) Yama
- 2) Niyama
- 3) Prânayama
- 4) Asana ».

Như các bạn đã nghiên cứu Yoga đều biết : 4 giai đoạn này là phần đầu của Raja-Yoga.

Ông Trần-văn-Kha trong cuốn « Yoga » xuất bản năm 1966, khi trình bày về Raja-Yoga, đến mục Asana, đã viết : « Các cách tập cho người được khỏe đã chỉ dẫn trong Hatha-Yoga ». Như thế giữa Asana và môn gọi là Hatha-Yoga khó có sự khác biệt.

Trên thực tế, môn tập gọi là Hatha-Yoga hiện nay rất được phổ-biến, nhất là ở Tây-phương vì mục-đích của môn này, nhằm đạt đến một thân thể khỏe mạnh sống lâu rất phù-hợp với tư tưởng của người Tây phương cho rằng tất cả phương tiện và cứu-cánh của đời sống con người đều ở trọn vẹn trong cuộc đời này, khác hẳn với tư-tưởng « sanh ký tử quy » của người Đông-phương. Mặt khác, người Việt-Nam chúng ta hiện nay làm quen với Yoga qua sách do người Tây-phương viết, đồng thời chịu ảnh hưởng của nền văn-minh Tây phương, phần đông cũng chấp nhận nhân-sanh-quan của người Tây-phương.

Trong những điều kiện như vậy, rất có thể tiến đến tình-trạng mà khi nói đến Yoga người ta chỉ nghĩ đến môn tập luyện gọi là Hatha-Yoga, trong khi về thực-chất, tinh-t túy, môn này không thể gọi là Yoga. Đó là hiện tượng mà trong một bài trước chúng tôi gọi là Yoga bị Tây-phương-hóa và biến chất.

Cho nên khi gọi Hatha-Yoga là phần đầu của Raja-Yoga, đó là một vấn-đề chánh-danh vậy.

XUÂN-QUANG

ASPRO



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.6Y7



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCQP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chi Bách - Khoa.
160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539

Hát từ địa phương

TẠ - CHÍ ĐAI - TRƯỜNG

Gởi anh bạn Du-ca Bình-Thuận không quen biết.

Chỉ cách có một con đường dốc dài 2 cây số có hơn, mà thành phố của Anh và khu vực của tôi, khi trời vừa sụp tối, đã thành 2 nơi cách biệt, có khoảng ngăn lúc bình thường là những oan hồn trong đám mả lô nhô, lúc rối loạn, như hôm nào, là một tràng đạn lẻ loi nào đó. Cái an-ninh tương đối của phố phường nảy sinh ra nhiều mặc-cảm đặc biệt. Đó là sự sợ hãi những khu vực nằm ngoài bóng sáng che chở của đèn điện, của hỏa-châu, đưa đến cảm-giác tù túng, bức bối cùng ý-thức phản-kháng muốn tung, muốn phá, hành hạ thân xác mình, hung hăng với người xung quanh. Đó là mặc-cảm tội lỗi những lúc lương tâm người thành phố thức dậy, xua đuổi cái không-khí thanh-bình giả dối chung quanh mình để cúi xuống đọc một cái tin chiến-sự mà lòng thấy xúc-động hơn.

Chắc chắn là đám trưởng-già tuổi tác đang hưởng-thụ những quyền-lợi quá lớn không thể nào thấy rõ điều đó. Chỉ có những người tuổi trẻ dù muốn dù không cũng bị cảnh máu lửa đe dọa trực tiếp — chiến-ranh nào không là lò thiêu xác thanh-niên? — nên mặc những lời chê bai của bọn-có-sắc-chỗ-núp, cứ tiếp nổi phản-kháng chiến-tranh. Nhất là khi chiến-tranh không được gán cho một lý-tưởng lôi cuốn được nhiều người, thì người ta lại dễ dàng tin rằng phản chiến là một lý-

tưởng. (Chính những bộ mặt phản chiến ngây thơ là của những người này chứ không phải của những người coi phản chiến là một hình thức tranh đấu để chiến thắng).

Rốt lại, thành phố cũng hứng chịu sự bất ổn của chiến tranh : ngoài vài chuyển đột kích, vài trận pháo kích, còn có những khuấy động chính trị trên đường phố nối tiếp từng cơn. Những xáo trộn này lại tiếp tục thức tỉnh người thanh niên trí thức về nhiệm-vụ của mình đối với quốc-gia, với những tầng lớp xấu số cụ thể, dân chúng thôn quê. (Ý-thức theo chiều-hướng nào thì còn tùy sức hấp dẫn của các đối phương). Có ai, vì hoàn cảnh nào đó thúc đẩy thì tiến lên con đường bạo động, chịu đựng những đe dọa thân xác. Có ai chân bước lại được thì tự an ủi bằng con đường cải cách đỡ nguy hiểm hơn. (Cho dù nếu đặt vấn-đề có một thể lực muốn giải-tỏa bạo-động bằng cách đề xướng đường lối này, sự việc vẫn nguyên là có những người chấp nhận, theo đuổi). Trong khuynh hướng đó, có những người thanh niên đang tham gia vào các công tác phát triển xã hội, cứu trợ..., ủy lạo người mà cũng xoa dịu lương tâm mình bằng câu ca, tiếng hát.

Anh bạn du-ca của tôi! Không biết nguyên nhân nào thúc đẩy anh đặt mình vào tập thể, nhưng làm người thị-dân, chắc anh cũng chia xẻ chút ý-

thức lọt lọt đó của các thanh niên trường-giả ở Thủ-đô. Chớ có ngại gì về việc tôi vạch ra một khuynh hướng chính-trị ẩn tàng bên trong một trào lưu ca nhạc. Chính trị nào chẳng là cách bày tỏ một thái độ sống? Và cuộc sống nào, dù chọn lựa hay không, lại không bị ràng buộc vào chính-trị ít hay nhiều? Phong trào ca hát tập thể những bài hùng mạnh chẳng phải là một phản kháng bằng âm điệu những sinh hoạt quá cá-nhân ở các đô-thị đang hưởng lợi chiến tranh? Chẳng phải là một cố gắng hơi lạc quan, nhằm cứu vớt một xã-hội ủy mị, nhằm đem chút sinh khí cho một vùng cư dân đang suy đồi, rời rã đấy ư? Sự kiện một thành phần của phong trào không chịu dừng lại ở âm nhạc để nhảy vào các hoạt động tích cực hơn, đủ làm chứng cho lời tôi. (Bởi vậy tôi không đồng ý với một ký giả kỳ cựu của báo Tiền-tuyến muốn đem chữ « du ca » về lại ý nghĩa của một nhạc sĩ bô-hê-miê trong khung cảnh kháng chiến lãng mạn những năm 1947 đối với một số người: từ-ngữ phải được biến chuyển với thời gian và phải được hiểu với nội dung sinh động của nó, ở đây, bây giờ).

Nưng không phải vì sự việc luôn luôn ở vào thế tương quan mà chúng ta không thể tách rời mỗi khu vực biệt lập được. Trái lại là khác. Tôi và anh tạm quên chính trị đi — cũng là để bớt phập phồng lo sợ — mà nhìn vào *phương thức trình diễn* của đoàn-thể Anh. Nói « đoàn thể Anh » cho gọn ghẽ, cho có tinh chất tiêu biểu, chứ thực ra là nói bao gồm cả phong trào ca hát cộng đồng được chấp nhận ở những hoạt động thanh niên như một phương tiện huấn luyện, không phải như một phương-tiện kích động chính trị.

Đại khái, một đặc điểm của phương-thức trình-diễn đó là nhằm mục đích hòa hợp người xướng và khán giả, nhằm xóa bỏ sự tách biệt giữa kẻ nghe và người hát, Phong trào lan đến quân đội trong nguyên tắc: « Binh xướng, Binh diễn, Binh nghe ». Không có kẻ đến mua vui và người bán rao tiếng hát. Tiếng hát tập thể mời gọi, lôi cuốn người đứng riêng rẽ, để tạo nên một sự đồng nhất tinh thần đã vắng bóng từ lâu. Phải nói như vậy vì đây cũng là con đường rời bỏ cá nhân chủ nghĩa đã du nhập trên khung cảnh thuộc địa.

Tất nhiên rơi rớt của quá khứ vẫn còn ngay trên phong-trào, bởi vì ý nghĩa của tiếng hát, lời ca, khung cảnh hoạt động vẫn chứng tỏ một sự lạc quan quá vượt trên thực-trạng đau khổ của quốc-gia, của các tầng lớp thôn quê hay thành thị bậc dưới. Con đường phát triển cũng vẫn theo chiều hướng hạ: từ Thủ-đô về đến tỉnh, người ta hát những bài ca của các nhạc sĩ còn thấy tầng lớp mình có ưu-thế để bày tỏ chút hào-hùng bi-đát: « Xin nhận nơi này làm quê hương đấu cho chiến tranh... » (1).

Không nên quên chiều hướng ngược lại do ý-thức dân-tộc đã kích thích người ta ca hát những âm điệu thu

(1). Chẳng phải như khi họ thấy lao động trí thức bản xứ — hình ảnh tương lai của họ — lâm vào ngõ cụt trước « khí thế đang lên » ở ạt của những người liên can vào các dịch-vụ với ngoại-quốc. Tập-thể họ lẻ loi biều tình, lẻ loi đi quân trường, vào nhà tù trong khi giới công nhân nghiệp-đoàn đầy đủ, há h, im lặng trước lời họ kêu gọi hợp-tác, chống đối. Công nhân thỏa mãn đến đôi khi cần tranh đấu cho một bộ phận, Nghiệp-đoàn thấy không đủ lực lượng, phải kêu gọi đến sinh viên ủng hộ. Vụ báo chí vừa qua cũng là một bản q cơ khác.

nhất ở địa phương : người ta gạn lọc trong những « dân ca » của Phạm-Duy lấy ra những bài hát có tính cách tập-thề nhất. Chính ở đây cho ta thấy phân biệt được hai thời du-ca : người du ca của thế-hệ ký - giả Lô-Răng là người thị-dân bơ vơ, lạc loài trong khối quần chúng nông thôn, phải chịu đựng một chế-độ chính trị bất họ tự phủ-nhận bản-chất của họ, trái lại nhóm du-ca ngày nay tưởng đã tìm được cho mình một sứ mạng, một lý-tưởng, và ý-thức này tuy ngăn ngại nhưng cũng đủ cho họ có chút lạc quan, tự tin đề tự nguyện biến-cải mình, đã phá cái nề nếp sinh hoạt lẻ tẻ của xã-hội thị-thành thuộc-địa mà hướng về nếp sống tập-thề của nông-nghiệp.

Nếp sống được đề xướng thật ra cũng chỉ là hình bóng của nếp sống nông nghiệp đích thực vì nó chỉ được bắt chước qua lăng kính của người thị-dân thôi. Không thể đòi hỏi họ hơn. Chúng ta bằng lòng dừng lại ở một khía cạnh của lãnh vực ca hát thì thấy có sự tương đồng: âm nhạc đối với cả hai tập đoàn không phải chỉ là sự hưởng thụ mà là yếu-tố lao-động. Hát đồng thời với làm việc, hát để làm việc. Khác biệt: căn bản nằm trong vị trí của hai tập-thề đối với việc làm : người lao động nông nghiệp làm việc của họ cực nhọc từ đời đời kiếp kiếp, còn người thanh niên thị thành đến chia xẻ công việc của người khác - tất nhiên với thiện ý là hòa nhập vào công việc, coi đó là việc của mình. Nhưng đến như vậy thì khác biệt căn bản hẳn nhiên vẫn còn. Cho nên, tiếng hát của người lao động trong những nghề nghiệp cổ truyền có kèm những động tác phối hợp nhịp nhàng với việc làm; còn phong trào ca hát cộng đồng dù có bắt chước những điệu hát trong nghề cũng xử dụng

chúng như những bài hát chung, không cần đặt trong hoàn cảnh xuất hiện cũ : toàn người họp bạn đang "hò lơ" kia đâu có cần phải lênh đèn trên sông nước Đồng-Nai?

Cho nên, khi hoàn cảnh làm việc quá gay gắt thì người lao động nông nghiệp chẳng hạn cứ cầm đầu làm việc mà không hát nữa và người bạn thanh niên lại tiến tới chỗ hát cho vui mà không cần phải làm việc.

Thực ra, sự thối lui này cũng là hợp với sinh hoạt của thị-dân : sự phân công gay gắt đòi hỏi thời gian và lãnh vực giải trí tách ra khỏi thời gian và lãnh vực lao tác. Nhưng mà sự co rút nói trên cũng đe dọa cắt đứt luôn mối liên lạc của thành phố lớn với các khu vực cổ truyền để cho âm điệu và dáng điệu Tây-phương đang tràn ngập lại càng thêm đặc thế. Đề cứu vãn, những nhóm du ca nhỏ ở các tỉnh lẻ có thể gắng một bước phát triển các âm điệu địa-phương. Điều tôi đề nghị cũng không có gì là mới. Bản Vọng cổ, các điệu hò Huế, ca Bắc... vẫn nghe ra rả hàng ngày trên đài phát thanh. Nhưng như đã nói, những âm điệu này hoặc ngay từ lúc đầu đã mang bản sắc cá nhân lẻ loi, hoặc đã được người trình diễn ở đô thị chỉ giữ lại tính chất cá nhân mà loại trừ dấu vết tập thề của chúng đi.

Đẳng khác, nói đến địa phương không phải chỉ là những địa phương có ưu thế gần các khu vực tập trung dân cư lớn. Thói quen lãng mạn đã đưa người ta đi dò tìm các điệu ca vũ miền Thượng. Nhưng người ta quên đề ý đến những khu vực nhỏ ở dưới đồng bằng, nơi vẫn có những sinh hoạt ca vũ riêng biệt. Tôi chỉ nhắc đến điệu « hò hê » của người dân Bình-định trong những khi tát nước, cấy

lúa, giã gạo... Tôi nhớ đến tiếng hò đệm « hụi hụi hụi hò khoan » mạnh mẽ của người dân xứ Quảng. Và từ điểm này, tôi nhắc cho Anh, anh bạn ở xứ-Quảng-thứ-hai này một điệu ca vũ ngay bên cạnh đề Anh khai thác : lối hát Chèo Ông.

Anh biết rồi, « Ông » là Cá Voi (đực). Việc thờ cúng cá voi riêng biệt cho đám dân chài dọc bờ biển Đông hình như là một nối tiếp ảnh hưởng của Chàm. Tôi không có đủ tài liệu nên không thể quyết xác được hơn. Cabaton tìm được một bài « thánh ca » của người Chàm nhắc đến Thần Cá Voi, tôi thấy trong Dinh Vạn Thủy tú một sắc thần của bà Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi lẫn lộn với các sắc « Bà », « Cô » (cá voi), không biết vì sắp xếp sai lầm hay vì mối liên quan nào khác.

Sự tin tưởng rất là sâu đậm và có căn bản đến nỗi ảnh hưởng tới một nhóm tôn giáo vẫn được coi là cứng rắn nhất : đám di cư Ba làng đã chế riều đám di cư Quảng bình đến đã lâu, là « dân tối thượng », sáng lạy Cá voi. Xung đột giữa Công giáo và Công giáo còn có Cha xứ giảng hòa, còn xung đột giữa dân di-cư Công-giáo và dân chài không Công giáo ở địa phương thì chỉ có vai xạc chết mới làm ngưng nghỉ. Chuyện bắt đầu kể cũng giản dị : có một sớm nào đó một anh chàng di cư tình cờ câu được con cá voi đem vào bãi. Dân chài địa phương đem tiền đến cầu cứu, đưa về Dinh sĩ sụp lễ bái. Anh di cư biết thóp được chỗ yếu của người bạn đồng nghiệp khờ dại, nên phác giác ra được một nghề mau giàu : anh không chịu đi câu thứ gì khác mà cứ chăm chăm câu cá voi ! Tất nhiên dân Vạn hễ tiền cầu được thì phải dùng đến biện pháp mạnh : họ vác gậy gộc giáo mác đi « chuộc » xác Thần của họ về.

Sức mạnh nằm ở lòng tin của họ ; tin tưởng gắn liền với cơm áo, xác

thân của họ : người đi biển trên những ghe chài mỏng manh so với sức mạnh của phong ba bão táp, tuy có trang bị một mớ kiến thức về thiên văn, nhưng vẫn không thể đề phòng được bất ngờ. Đời sống bấp bênh của họ nằm trong câu ví : « Ăn đàng sóng, nói đàng gió ». Những lúc sóng dập, gió dồn như vậy, họ thường thấy có những con cá voi nổi lên, dựa vào ghe, đẩy lặn ghe vào bờ. (1) :

Ông là bực thánh hiền linh,

*Quản trong Nam hải thịnh thịnh
muôn đời.*

Ai mà bị rớt chơi voi,

Ông đưa đến bến tấp dờ lên khô.

Ghe nào chìm đắm mấp mô,

Ông liền đến cứu đưa vô tới bờ...

Bài hát « Chèo Ông »

Mặc kệ ai giải thích lẽ nào (cá cũng đang tìm chốn tựa, tránh sóng gió...), đời đời nối tiếp vẫn có nhiều người sống sót sau hiện tượng đó, nên mỗi khi cá « lỵ » (lụy) thì người ta rước về Dinh cúng lễ, chôn cất. Người Vạn nào thấy trước, « Ông » (Bà, Cô) chịu về Vạn ấy.

Trong những lễ cúng linh đình, người thầy trước làm con trai trưởng ; có khi phải cần một cuộc đọ đồng đề tô điểm thơ mộng cho cái chết của Thần : Ông cũng có thể đã tự tử vì một cuộc tình duyên trắc trở nào đó. Ở Dinh Vạn ba ngày, người ta kêu hát bội, tụng kinh cầu siêu lấy chậu hứng nước mưa trong miệng ra, thấm giấy vàng bạc làm nước phép

(1) Câu chuyện cá voi cứu người có vết tích tận xứ Hy Lạp : thi sĩ Arion bị ném xuống biển được một cá voi nghe ngâm thơ bèn tới cứu ! Còn chuyện truyền kỳ trở thành một tín ngưỡng như ở ta thì hẳn phải là do nghề nghiệp thúc đẩy.

chữa bệnh. Đám tang phải đi rảo ngoài bãi một vòng.

Một phần nằm trong khuôn Dinh Vạn đề 3 năm sau, người ta bới ra, dùng rọu rửa sạch xương cá, đặt vào các vại sành, sắp chồng chất trong bệ thờ. Vạn Thủy tá có hàng trăm «ngọc cốt» như vậy. Vạn Hưng long còn giữ bộ xương sống dài trên 4 thước — nghe nói cách đây 8, 90 năm, lúc Ông vào, người ta không khiêng lên bờ được mà phải đóng cọc « thủy táng » tại chỗ, chờ thịt rã mới rước cốt về xây Dinh vạn thờ. (1)

Mùa cá ở đây mở màn vào tháng 5 âm lịch và mãn vào tháng 8. Các « lệ » 20-5, 20-6, 20-7, 20-8 có kèm những cuộc cúng kiếng, rước sắc... Lâu lâu lại có những đám lễ tạ linh đình, có hát bội, làm chay. Người Phan-Thiết chắc không quên cuộc lễ của các Vạn họp lại vào khoảng trung tuần tháng 7-1969. Tôi chú ý nhất không phải là cuộc đua thuyền trên sông, mà là lối trình diễn của Bạ Chèo.

Bạ chèo là một hội tư, cuộc trình diễn có dự khán của ông Tỉnh trưởng. nhưng quả không phải là để giải trí. Nội dung lời ca chứng tỏ cả một ý nghĩa tôn giáo. :

Ủy ! Ông ơi là Ông ơi !
Cầu ông bố đức dân sanh,
Cho làm ngư nghệ thịnh hành muôn năm.
Các nghề bôn Vạn thành tâm.
Khàn cầu thủy tộc, lịnh Ông hộ trì.
Dưới trên lịch sáng chứng tri,
Chứng cho bôn vạn lễ nghi khàn cầu.

Các lối hát hầu như chỉ có 4 : nói lối — hát nam — ngâm — hò. Thành thử bắt chước lối múa hát này quả tương đối dễ. Chưa nói đến nhà

các động tác để cô đọng thành một môn vũ dân tộc độc đáo. Hãy nói đến những người có chút ý thức thấy ngay mình có bôn phận phải giữ gìn cho khỏi mai một và tìm cách đem trình diễn ngoài địa phương mình và tất nhiên không phải tùy thuộc vào lễ tiết.

Việc làm này cũng không phải là mới lạ. Phần lớn, nếu không nói là hầu hết các điệu ca vũ dân tộc đang được khai thác khắp nơi đều có nguồn gốc tôn giáo cồ sơ và dùng để làm một hình thức nghi lễ hơn là một thứ giải trí cho người thường (ngay đến như hát bội đã trở ra hí trường rồi mà cũng phải lộn vào các sân đình để hát cho Thần coi) Tất nhiên đưa vào hí trường thì những màn trình diễn này phải biến cải ít nhiều. Ngay trong lúc còn dùng trong lễ tiết, các bạ chèo còn đòi lời ca về tình tiết hoạt động của điệu chèo-ông thành các bản « chèo cô hồn », « chèo đưa linh phụ mẫu ». Gần đây, người ta đã đưa lên sân khấu thủ đô điệu chèo đồng bóng của cửa phủ, sân Đền. Và không đợi những nhà chuyên môn tài danh mới làm được việc biến cải ấy. Trong ca dao, có những biến đổi về tình ý, nhịp điệu và lời thơ mà ông Sơn-Nam đã gọi là « bẻ câu hát ». Ví dụ, ai ở Miền Trung thì hướng về Nam mà hát :

Sài gòn dễ ở khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con.

Ai lênh đênh trên đất Chùa Tháp
thì ngâm nga u uất :

(1) Y. Clayer (*L'Annamite devant la mer*, tạp chí Indochine số 131) thấy nơi Chùa Ông ở Lý hòa (Bắc Đồng-hới) có 15 cốt Ông. Ông cũng cho biết hội mở mùa cá ở Lý-hòa vào tháng 4 âm lịch, ở Nha-trang vào tháng 3

*Nam-vang dễ ở khó về,
Trai theo bạn hiền, gái về tào kè.*

Nói khác đi, người nghệ-sĩ cổ truyền hoặc ngẫu hứng, hoặc chuyên môn đều đã có lần đem sáng kiến của mình vào việc biến cải các âm điệu, tình tiết cũ sao cho hợp với hoàn cảnh mới mà không thắc mắc mình có cần tốt nghiệp ở một trường dạy ca vũ Tây phương hay theo lối Tây phương nào không. Việc những người đó làm được sao anh bạn xứ Bình-thuận của tôi không thử xem sao? Tôi, tôi bị bó gọn nhiều trong chiến tranh, trong ràng buộc của nghề nghiệp bắt buộc, không thể biết nhiều hơn đề liệt kê những ví dụ cùng khắp. Nhưng anh, anh bạn xứ Bình-định có thể cho mọi người biết điệu múa mục đồng (nghe nói) ở Phù-cát không? Anh, anh bạn của thành phố Nha-trang có tìm lại được điệu « múa bóng » dưới chân Tháp-Bà không? Anh, anh bạn xứ... có giới thiệu được một điệu ca vũ còn thấy ở xứ anh nông? Sao tôi cứ thấy mấy cái môn xoay quay, uốn ẹo lâu ngày phát chán quá vậy (Chuyện có vẻ của thời thanh bình, nhưng nếu muốn, lúc nào làm chẳng được?).

Những người tôi mời gọi đừng có ngần ngại. Cứ giới thiệu đi và nếu không thể tiến xa thì cứ bằng lòng với việc giới thiệu. Những cái tiến về sau sẽ có người tiếp nối. Khung cảnh mới sẽ đòi hỏi và cung cấp hình thức mới.

Hãy xem bài Vọng-cổ lúc đầu như tiếng kêu than của đám lưu dân nơi cùng tịch, như lời đáp ứng của đoàn tá canh, phu đồn điền cùng khổ của những người ý thức được tình cảnh mất nước cùng sự đổi thay xã hội gay gắt vượt khỏi tầm tay mình. Hãy xét thêm bài Vọng cổ về thành: ở đó theo đòi hỏi của những người hưởng thụ nhiều, nó phải kéo dài ra, dài mãi. Không khí thể lương của thời « vắng vắng tiếng chuông chùa... » không còn nữa mà chỉ có ánh đèn sáng trưng, xe cộ rầm rập, nên có dịp nó đã khoác một hình thức mâu thuẫn với ngay bản chất: các bài vọng cổ vui với tiếng hát Văn-Hương đã đua nhịp cùng với tiếng còi điện, tiếng máy chạy, chen giữa dòng người như thác lũ.

Những điệu ca vũ địa phương mà tôi muốn được nghe giới thiệu cùng khắp sẽ có đời sống như thế nào không phải là điều ta có thể bận tâm tới được. Chưa tới lúc. Tôi chỉ muốn bồi đắp một thiếu sót. Dân ca ta được nghe chỉ là một thứ dân ca què quặt. Bởi vì, như đã nói, người dân hát để làm việc nên ít nhiều nhịp điệu phải ảnh hưởng bởi động tác của việc làm. Ca phải có bộ. Và trong mớ nhịp điệu khuấy lạp ở địa-phương nếu đưa lên bình diện quốc gia có gây thêm một phong trào ca vũ dân-tộc thì thiết tưởng những người hát ca ở địa-phương cũng có thể tự mãn được rồi vậy.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG
27-6-70

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Tiếng đoạn trường

Tiếng đoạn trường là nhan-đề Đỗ Đình đã dùng cho bản dịch truyện *La Porte étroite* thay vì dịch *Cửa hẹp*. Bản dịch xuất bản tại Hà Nội năm 1938, có tựa của Phạm-Quỳnh và một bài giới-thiệu André Gide của dịch-giả. Đỗ Đình nổi tiếng vào khoảng đó và với những công trình tiếp theo sau này, tên tuổi được biết đến nhiều, cả ở nước ngoài.

Tại những nước có được một văn-nhân Léopold Senghor làm quốc-trưởng như ở Sénégal hay một thi-sĩ Aimé Césaire lãnh-đạo tinh-thần như ở Martinique, hạng người thông-thái như Đỗ Đình có thể vui lòng là một Chủ-tịch Hội-đồng Văn-hóa hay một Trung-tâm Nghiên-cứu Văn-học. Nhưng trở về miền Nam một nước rối loạn về nhiều phương-diện, vì có hạng người khác thích hợp hơn. Học-giả Đỗ Đình không đủ khả-năng tinh-thần hay phương-tiện bá-đạo để giữ được lâu lâu ghế giáo-sư Đại-học với mục-đích tầm thường là sinh-sống, chưa nói chuyện được trao phó một nhiệm-vụ xứng đáng với tài năng cho phép thực hiện một vài công việc rạng danh cho xứ sở. Một người như Đỗ Đình, lúc tuổi đã cao, phải trôi bạt vào làm Chủ-bút tập-san *Đối Thoại* của ban Văn-hóa Hoa-kỳ, kẻ cũng đáng tiếc. Công việc giới-thiệu và thông-dịch bài vở tác-giả ngoại-quốc không hẳn là vô ích. Đỗ Đình đã làm phận-sự mình một cách tận-tâm. Tôi đọc lại bản tiếng Việt bài *Ars Poetica* của Archibald Macleish (*Đối Thoại*, số 5 — 1969), Đỗ

Đình có những câu diễn đạt thật hay :

Bài thơ phải như

... hòn đá im lặng tay áo làm mòn

Ở cửa sổ ngày nay rêu mọc

Như chim bay không tiếng

Bài thơ không lời

Im lặng trong cõi ngày tháng

Như vầng nguyệt đang lên trời

.....

Bỏ nhớ này tới tiếc kia

Rơi vào im lìm quên bẵng.

Nhưng thứ việc ấy không tận dụng tất cả khả-năng sẵn có để hiến cho quê-hương hay cho đời những tác-phẩm, Đỗ Đình chắc hẳn đã vẽ lược-đồ và hằng mong thực hiện. Cơ-hội không còn nữa. Một cáo-pho của gia-đình vừa cho biết ông Pierre Đỗ-đình-Thạch đã tạ thế ngày 15-7-1970 tại Bệnh-viện Đồn-Đất, Sài Gòn. Như người lịch-sự rón rén cáo-tử, Đỗ-Đình từ-giã xã-hội này một cách nhẹ nhàng êm thắm, không dám phiền hà những người bạn đánh giặc, lo săn sóc gà đá sắp sửa thi đua, những người phập phồng vì cơm ăn áo mặc, lo sợ chiếm đất chiếm nhà, hay những người mãi bâng khuâng vì giá-xuất chuyền tiền đi ngoại-quốc, người đang nghĩ chuyện trốn xâu lậu thuế, hay những người mắc thi-hành chương-trình văn-hóa cải-lương... Không có chính-đảng hay hội-đoàn, không phải biểu-hiệu làm duyên-cớ đấu tranh, Đỗ-Đình có thể âm thầm « rơi vào im lìm quên bẵng ». Người từ

lâu rồi đã linh-hội được *Thái-bình* chắc hẳn không còn mong gì hơn.

Tôi đoán chừng và ước mong trong những phút cuối cùng Đỗ-Đình không tỏ chút than oán hay thất vọng nào. Tánh tình cao quý, anh đã làm tròn nghĩa-vụ. Những bạn của anh biết anh đã hy-sinh nhiều vì một ý muốn đẹp đẽ, là về nước để sống bên cạnh hiền-mẫu. Trở về với mẹ cũng là trở về với đất mẹ, với quê hương dân-tộc, trong khi riêng rẽ anh có thể dựng lên sự nghiệp vẻ vang hay, ít ra hoặc quý hơn, anh sống được đời phóng khoáng thích hợp với tâm hồn giải thoát. Đỗ-Đình là thí dụ điển hình của số người tha-hương đã trở về chia mùi cay đắng cùng gia-đình cùng đồng bào, không quan tâm đến những hệ-lụy, chẳng thiết gì bao điều mình từ bỏ.

Ai đã sống tại Pháp, ai đã thấy Đỗ-Đình sống tại Ba-Lê, có thể hiểu được điều gì một người như anh, trải ba bốn mươi năm ở nước ngoài, hưởng-thụ mọi tự-do, và trước nhất tự-do phát-biểu tư-tưởng, đã từ bỏ để về dạy học tại một kinh-thành đìu hiu, bên tiếng súng đạn, trong không khí nghi-ky hận-thù, với lương tiền nghèo nàn, thiếu phương-tiện học hỏi và làm việc, thiếu cả bạn bè và người cởi mở. Tại Ba-Lê, trước kia, Đỗ-Đình sống ở số 20, đại-lộ Dode de la Brunerie, quận 16. Khi Thế-chiến thứ hai bùng nổ, Đỗ-Đình đã tình-nguyện tòng quân chống Quốc-xã. Georges Proux, tác-giả cuốn *Couleurs du Guéret*, có cho biết sự xúc-động khi nháo ra, nơi trại huấn-luyện ở Carcassonne, nhà trí-thức hào hoa phong nhã! ng tưng trong bộ đồ nhà binh. Chúng ta thử tưởng-tượng một Tân-Đà gặp anh với bông-lai tiên-cảnh, bị động-viên và lạc lối trong trại

Quảng-Trung! Mấy năm sau, khi Pháp được giải phóng, Đỗ-Đình trú ngụ tại Hôtel du Pas-de-Calais, đường Saints-Pères, quận 6, nơi vùng được thế-giới biết đến nhiều vì là quê-quán của phong-trào và chủ-nghĩa hiện-sinh, vùng bao gồm nhà thờ Saint-Germaindes Prés, những quán Lipp, Flore, Deux-Magots, vùng gặp gỡ hầu như thường-xuyên của những chính-khách, văn-nhân, nghệ-sĩ suốt nhiều năm hậu-chiến, trước khi để chỗ cho du-khách, và đời trở lại lên Montparnasse.

Ở Ba-Lê, nếu không biết tánh, thì điện-thoại cho Đỗ-Đình là việc vô ích. Mười giờ sáng, mười hai giờ trưa, hai giờ chiều, anh có tại khách-sạn, nhưng còn ngủ. Ba bốn giờ chiều, anh mới dậy, nếu thật cần. Tôi đến nơi nhà anh một buổi xế. Phải chờ lâu để anh sửa soạn. Năm giờ mới ra khỏi nhà trọ. Đi một quãng đường St-Germain, thỉnh thoảng phải dừng chân lại để cho Đỗ-Đình bắt tay, chào hỏi, nói chuyện với người quen. Mà anh quen nhiều quá. Anh là một dân kỳ cựu của vùng. Anh biết tên mấy người hầu bàn và họ đều biết tên anh. Chào ông Pierre. Chào Firmin, chào François. Vào Brasserie Lipp, chỗ anh thường ghé, để giải-khát, lại phải chào hỏi nhiều chính-khách. Câu chuyện tay đôi trở thành tay ba tay tư. Khởi đầu biết một người đàn bà quen được nhiều người. Đi từ một ván-đề, ta đã vòng quanh nhiều chuyện, giàu thêm một số tin-tức, ý-nghĩ. Khung cảnh ung-đức biết bao cảm-hứng và dự phóng. Chúng tôi đi chơi một hồi rồi đến một quán cơm ở đường Dragon. Nơi đây cũng thế. Chào ông Pierre. Người đi chụp hình dạo cũng biết. Chào Raphaël. Từ tiệm ăn đến rạp hát, từ rạp hát đến quán nước, Đỗ-Đình là một người hướng dẫn lão luyện, anh là một kho tàng

hiều biết, hiểu người, hiểu cảnh, hiểu sự việc. Đỗ-Đình không phải là người của công chúng. Lời nói và tác-phong của anh không phải của người hùng-biện, hò hét hô hào để gây những phản-ứng cảm-xúc. Anh là người quen nói nhỏ, nói vừa nghe, với một giọng tâm-sự, nói cho một số ít người, biết nghe, muốn nghe. Anh có tài nói chuyện, hằng giờ hằng buổi, luôn luôn duyên dáng về lời, phong phú về ý-tứ, thái-độ khiêm tốn, không cần tự-cao tự đại, nói không phải để khoe khoang có học có đọc, cần nói để trao đổi sở biết và kinh nghiệm, để tìm tòi hiểu biết thêm, để thoả-mãn nhu-cầu tri-tuệ. Nghe Đỗ-Đình nói chuyện bao giờ cũng học thêm được một điều gì, về văn-học, về chính-trị, về triết-lý. Đêm nào cũng hai ba giờ sáng mới về, và cứ như thế suốt đời ở đất khách. Tỉnh thoảng khi cao hứng, anh viết một bài đăng trên một tờ báo lớn (như *Le Monde* chẳng hạn) mà tiền nhuận-bút đủ cho anh sống thoải mái trong mười lăm ngày. Nếu gặp một bạn Mạnh-thường-quân nào rủ anh đi lên Tô-cách-lan hay qua Trưng-Khánh chơi, anh sẽ bằng lòng ngay, chẳng có gì ràng buộc anh cả. Người như vậy lại phải trở về giam cầm trong lệ luật ngày giờ của một phân-khoa đại-học, sống lẻ loi trong một phòng cư-xá gần nhà ga Huế, mà anh mỗi tối phải lo gài đống nhiều lã, vì nghi kỵ, vì sợ!

Những người bạn của Đỗ Đình cứ mãi tiếc anh không chịu khó sáng tác cho nhiều. Đỗ Đình không tự xem mình là một nhà văn chuyên-nghiệp, không cần xem mình là nhà văn nữa. Chắc hẳn anh không viết để « hiện diện », hay vì chút danh-vọng hão huyền. Anh chỉ viết khi nào cần nói một điều gì và nói được

một cách chắc chắn. Vì dè dặt, vì thận trọng, vì bận ổng, Đỗ Đình viết rất ít. Nhưng bất cứ bài nào viết, kể cả những bài đã lâu đời rồi, vẫn không mất giá-trị. Vì muốn đạt cho được sự toàn-bảo, vì lương-tâm trí-thức nghiêm ngặt, Đỗ Đình có những tác-phẩm bỏ dở, không nói lên tất cả tài-năng sẵn có của mình. Những công-trình rải rác trên nhiều báo chí cũng không được ghép lại thành sách, bình như Đỗ Đình chẳng quan tâm gì đến nữa.

Tên Đỗ Đình, thi-sĩ được M. Durand đề cao trong *Histoire des Littératures*. 1 (Encyclopédie de la Pléiade, Paris 1955). Đến năm 1958, Đỗ Đình mới cho xuất bản cuốn *Confucius et l'humanisme chinois* (Seuil, Paris), sách Đại-cương Triết-học Trung-quốc của Giản-Chi và Nguyễn-hiến-Lê (Cảo-Thơm, Sài-gòn, 1966) đã dùng nhiều sấp-đồ trong sách của Đỗ-Đình. Trước thế-chiến, Đỗ Đình đã viết nhiều bài vở trên các báo chí, như trong *Bulletin de de la Société d'Enseignement Actuel* của Nguyễn-văn-Tố ở Hà nội (*Fantômes et fées-Le Grand Tranquille*, tháng 6, 1937) trong *Les Cahiers de la Jeunesse* ở Nha-trang (*Psychanalyse de l'Annamite — Le symbolisme anamite — Méditation à Solesmes.. 1937 - 1938*), trong *La Vie Intellectuelle* ở Paris (*Annam, mon pays — Perspectives historiques-Poésie populaire — Nouvelles voix de la douleur*, 1938) hay trong sách *L'homme de couleur* (Plon, Paris 1939 — *Les conditions d'un véritable accord*). Sau khi Đỗ Đình về nước, thấy có những bài trong tạp-chí Đại-Học Huế (*Nghĩa chữ văn-minh ở trong tâm-lý người Pháp*, 1962 — *Tư-tưởng Ấn-độ lúc sơ-thủy — Quan-niệm về Lễ* trong *Kinh Phệ-Đà*, 1962 — *Đạo Lão Trang*, 1963 — *Lão Trang nổi iếp*, 1964).

Bao nhiêu tiêu-đề đó cũng nói lên một phần nào những mối băng khuâng của Đỗ-Đình.

Có người nông cạn và hẹp hòi đã chê cười tên tây của Đỗ-Đình. Phải chi viết Phê-rô Đỗ-Đình cho có Việt-âm. Lại có người khinh miệt Đỗ-Đình đã theo « đạo Tây », vì đã từ bỏ đạo Khổng của Trung-Hoa hay không theo đạo Phật của Ấn-Độ, và như thế là vong-bản. (Đây nói theo kiểu Hayakawa, chỉ là sai lầm từ-nghĩa — semantic error). Đúng, Đỗ-Đình đã theo đạo Thiên-Chúa. Và đã chọn tên thánh Pierre, may mắn là một chữ như tên Thạch của mình. Do đó mà không dùng Pierre Thạch, mà Pierre Đỗ-Đình. Còn việc trở đạo của một người nào, bất luận đạo gì, là một việc riêng tư, chẳng can hệ đến một ai cả. Nhưng nỗi chia sẻ của tâm hồn mình, con đường tôn-giáo của mình, Đỗ-Đình đã thành thật diễn lại trong một bài thơ tiếng Pháp *Le Grand Tranquille* (Thái Bình), nếu không nói đến nội-dung chan chứa cảm xúc, cũng đã là thành-công về âm-điệu và hành-văn. Năm 1938, tạp-chí *Les Cahiers de la Jeunesse* do Raoul Serène và tôi chủ-trương đã xin được bản-quyền tuyệt-phẩm ấy. và có ấn-hành 30 (ba mươi) bản đặc-biệt với giá năm đồng bạc (5\$) một tập cho ba mươi (30) bạn đặt mua trước mà thôi. (Khi nào việc xuất bản sách ở Việt-Nam được tự-do, chúng tôi sẽ cho tái-bản tài-liệu đáng giá ấy).

Tư tưởng của Đỗ Đình có phải thứ tư tưởng « vong-bản » không? Một người vô tư nghiên-cứu những tác phẩm của Đỗ Đình hẳn không phê phán vội vã như thế, Đỗ Đình là người biết đến truyền thống và biết vạch chùng con đường nối tiếp của truyền thống.

Không phải mới đây, mà trên ba mươi năm rồi, năm 1937, trong bài *Psycho-analyse de l'Annamite*, Đỗ Đình đã viết :

«... Vậy nên làm gì? Phải nối lại với đời, nối lại với điều sống trong dĩ-vãng, như ở Tây phương, thời Phục-Hưng đã nối với thời xưa, nhưng với một tâm-tình mới, một can-đảm mới, như thể bình-minh tươi sáng dựa vào màn đêm.

« Thời cổ của chúng ta là thời cổ Trung Hoa, thời cổ của những thi-nhân tương-sĩ Việt-Nam, một thời cổ trở nên hoàn toàn mới mẻ và đang tiếp tục trong hiện-tại cái nhiệm-vụ đời đời là sáng-tạo. Không có nghĩa nào khác cho chữ truyền thống.

« Vì đời sống ấy còn đó, gần chúng ta. Nhờ những lối chuyển thông xưa, của tiếng nói ta và tiếng Trung-Hoa, đời sống sẽ trở lại, sẽ tràn ra đại-dương, để ngạc nhiên và vui mừng đưa đi những ý-tưởng mà thế-giới mới đã sinh ra, như đưa những cánh bướm nhẹ nhàng trên bề rộng.

« Bồn-phận đám thượng-lưu, nếu có thượng-lưu, là ý-thức về tình-cảnh lịch-sử, trong Sử Tây và Sử Đông có những tương-đồng. Dù sao, cũng là một đại-sự khi được sống một cách ý-thức một thời Trung-Cổ, như đại-đế Othon xưa kia đã ăn lánh trong tu-viện để chép lại những sách thiêng-liêng về sở-biết thời cổ, trong khi cảnh dã-man tràn ngập chung quanh. »

Đỗ-Đình đã nói như thế, và đã cố gắng làm như vậy. Nhưng trong cảnh dã-man tràn ngập và thẳng thẽ mỗi ngày, lời hy-vọng nghe lên cũng nào nùng như một « tiếng đoạn-trường ».

Nha-trang, 18-7-1970.

CUNG GIỮ NGUYỄN

Viết trong mùa thi 70

NGUYỄN TRỌNG VĂN

• Giám thị và thí sinh

Có một biến đổi trong tương quan Giám thị và Thí sinh. Những vụ đón đánh, bạt tai, chửi bới Giám thị ngày một giảm và được thay thế bằng những nụ cười cầu tài, cử chỉ làm quen, nhờ chỉ dẫn. Hình như thí sinh nhận ra rằng đánh thầy không có lợi mà hậu quả còn nguy hại trông thấy : bị cấm thi 2,3 năm. Nghĩa là phải đi lính. Có những nhà giáo chọn nghề dạy học để tránh đi lính, nên cũng có những thí sinh trở nên ngoan ngoãn để khỏi phải vào quân trường sớm.

Thái độ sốt sắng làm biên bản, lên mặt thầy đời, sỉ vả thí sinh gian lận... cũng ít còn thịnh hành. Rất ít vị còn sự nhiệt thành, tin tưởng khi thi hành nhiệm vụ. Lợi đâu chẳng thấy, chỉ chuốc thêm phiền phức, rắc rối, thái độ chung là làm cho qua chuyện. Không bê bối lộ là nhưng không sốt sắng, nhanh nhẹn, nhất là những người đã ra trường lâu năm nghĩa là đã thấy sự thật, đã chán nản và mất tin tưởng. Cố gắng thiện chí tới đâu cũng phải nản, trước sự đái ngộ bạc bẽo của Bộ. Khi tiêu chuẩn đánh giá không còn là khả năng, tư cách mà là bè phái, nịnh bợ và tiền bạc thì chẳng ai muốn sốt sắng làm gì. Ai sao tôi vậy, tà tà cho xong chuyện là tốt rồi!

Không những không khó khăn với thí sinh, người ta đi thêm một bước nữa : dễ dàng với thí sinh. Dễ dàng

trong khi coi thi, trong khi làm thang điểm trong khi chấm... Giám thị dễ là làm lơ, hình thức chủ nghĩa, che chở cho thí sinh và tuyệt đỉnh là chỉ cho học sinh. Mình không muốn đi lính tại sao lại dồn chúng nó đi thay? Tại sao không dễ dãi với học trò của mình trong khi ở đâu thiên hạ cũng che chở cho đàn em, kể cả khi đàn em của họ làm những điều xấu xa thô bỉ nhất? So với những tên bán nước, những tên thay mặt dân mà tư cách không quá 3000.000đ những tên đại bịp trong văn học, trong chính trị, trong giáo dục, trong bộ áo nhà tu hay cha cố..., những thí sinh ngồi kia có tội tình gì đâu?

Còn nhiều lý do nhưng nói chung các Giám thị, giám khảo thường làm sự như vậy, nhất là mấy bà mấy cô. Sự kiện trên tương đối mới mẻ nhưng không phải là hiếm có, nó là một hiện tượng phổ biến. Tại Huế, tại Saigon người ta dễ dàng nhận ra hiện tượng Giám thị gà cho thí sinh. Cậu nói như vậy có sợ Bộ trừ Giám thị không? Giỡn hoài! Mấy cha nội tại Bộ còn gửi gắm và nhờ xem điểm gấp vạn người thường ấy chứ! Sự chuyển hướng tình cảm và vai trò của giám-thị phản ảnh sự mất tin tưởng vào quy tắc trường thi và luật-pháp quốc-gia. Nói cách khác vào chính nghĩa. Thế nhưng, tôi hỏi thật nghe, có phải chỉ Giám thị mới mất tin tưởng không?

● Cô dễ thương quá !

Nữ giám thị thường hiền hơn nam giám thị nhất là các cô mới ra trường. Các cô thường xúc động, mắc cỡ trước cái nhìn van lơn chọc ghẹo một cách tuyệt vọng của thí sinh. Những nụ cười làm quen, những câu nịnh đầm rề tiền không phải là kiểu hiệu quả : *cô đẹp quá! Cô hiền quá! Cô này đẹp hơn cô hôm qua!* v.v. khi nữ giám thị cúi xuống đưa tờ giấy hoặc lúi búi ký tên người ta nghe thấy những lời khen thật nhỏ và dịu dàng. *Cô dễ thương quá! Cám ơn cô!* Các cô biết tại thí sinh đang bắt đũa mình, các cô cũng biết rằng những lời dịu ngọt đó chỉ có nghĩa là : *tui em sắp phải đi lính rồi, cô đề tui em dễ dàng nghe cô, tội nghiệp...* nhưng các cô cũng đỏ mặt, e ngại sửa vạt áo dài hoặc mở tóc như các nữ sinh mỗi khi bị người ta chọc ghẹo.

Thái độ của thí sinh với nữ giám thị thường không phải là thái độ xàm xỡ, mất dạy mà là một câu nguyên van lơn, có thể là giả dối nhưng cũng có thể là thật tình. Trước kia giám thị hiền bị coi là bạc nhược, hèn nhát, sợ thí sinh, nay thái độ dễ dãi của giám thị được coi như một sự độ lượng tha thứ. Thí sinh hỏi han nhau nhưng không có vẻ ngang bướng, trịch thượng, trái lại chúng có vẻ biết ơn, thông cảm với giám thị rõ ràng. Tương quan khắt khe đối nghịch trở thành tương quan thân ái hoặc giúp đỡ.

Đó là với những giám thị *dễ thương, đẹp hơn hôm trước*, với những nam nữ giám thị *khó thương, xấu hơn hôm trước* chúng có thái độ khác, không phải chúng hỗn láo, thách đố. Trái lại chúng có vẻ, tuyệt vọng. Nét buồn hiện trên mặt, trong cái nhìn,

trong ánh mắt hay trong vẻ đăm chiêu lơ đãng. Chúng không đe dọa hoặc đón đánh nhưng thông báo cho nhau, chọc quê vị giám thị đó. Tương tự đàn anh của chúng đã thay thế việc làm bằng lời nói, lời hứa, diễn văn, tuyên cáo, thí sinh cũng thay thế sự hành hung bằng những lời chọc quê. Khi một *hung thần* đi qua, vị đó sẽ nghe sau lưng mình tiếng xì xào hoặc tiếng cười rúc rích :

« *Ác dữ ! Chắc đề con không lỗ đi quá !* »

● Bộ Võ Rừng

Có hai Bộ thường được nhắc tới nhiều nhất là Bộ Giáo dục và Bộ Kinh tế. Bộ Kinh tế được nhắc tới vì thành tích xiết cổ dân chúng còn Bộ Giáo dục thì nổi tiếng vì các thể võ rừng của mình. Xét ra Bộ Giáo dục còn hách hơn bộ Kinh tế : trong khi Bộ Kinh tế luôn biện hộ miễn cưỡng và lỗ bịch cho việc chặt cổ dân chúng thì Bộ Giáo dục có cái can đảm nhận rằng mình chẳng có đường lối gì hết.

Đó là thành thực, chẳng khác gì sự thành thực của một ông cố đạo thẳng thắn tuyên bố mình đã bỏ ra mấy triệu bạc in sách triết nên không thể có vấn đề sửa đổi chương trình được. Sự thành thực của ông cố đạo có vẻ thương mại còn sự thành thực của Bộ giáo dục có vẻ tuyệt vọng và bi đát. Hơn ai hết có lẽ các ông lớn trong Bộ thấy rõ sự bất lực của mình, giáo chức có thể thông cảm điều đó. Tuy nhiên ngoài cái điểm đáng khen trên, Bộ Võ Rừng bị thiên hạ chê là nếu không có kế hoạch giáo dục sâu rộng và hữu hiệu thì ít ra cũng phải có những biện pháp cải thiện đời sống giáo chức. Đảng này chẳng được cái gì cả ! Hay là các ông cho rằng giáo dục

là đồ bỏ thì giáo chức cũng là đồ bỏ luôn! Nếu người ta quên giáo dục, giáo chức mà quên luôn cả cái ghế của mình thì cũng đỡ đàng này quên tất cả đề chỉ nhớ cái ghế thì cũng khó coi. Không có giáo chức thì ngành giáo dục bị tê liệt ngay nhưng không có cái ghế thì guồng máy giáo dục vẫn tiếp tục như thường.

Giám thị, Công tố viện và Cảnh sát dã chiến

Đi lại trên dãy hành lang dài để giữ trật tự, tự nhiên tôi nghĩ tới vai trò của công tố viện và cảnh sát dã chiến. Giám thị, Công tố viện và Cảnh sát dã chiến đều có một điểm giống nhau là cùng muốn duy trì trật tự, công bình cho xã hội.

Không biết khi mấy ông công tố viện gân cổ buộc tội, khi mấy cha cảnh sát dã chiến thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình đòi quyền sống của Sinh viên học sinh... thì họ đã nghĩ gì nhưng tôi, đi lại trên hành lang phòng thi, tôi tự hỏi mình duy trì trật tự và công bình nào? Có trật tự, công bình hay không mà duy trì? Trật tự công bình nào? Nếu không thì bảo vệ, duy trì cái gì? Tôi có đang làm trò hề như mấy cha Công-tố-viện, Giám-sát-viện, An-ninh-tư-pháp, Cảnh-sat-dã-chiến và Ủy-ban-bai-trừ tham-những hay không?

● Thầy trò và truyền thống sĩ phu

Nét buồn bã và lo lắng nơi học sinh chỉ là một khía cạnh, còn một khía cạnh khác là sự bất mãn, bùng nổ trong đám trẻ tuổi niên nay. Không ai có thể ngờ được rằng chính Sinh viên học sinh, với bàn tay trắng và sự đoàn kết, đã có thể làm đảo điên chính quyền trong mấy tháng trời liên tiếp. Không ai có thể

ngờ rằng trong cái chế độ ngột thở nặng nề như tế sinh viên học sinh có thể đòi hỏi xét lại các bản án bất công, đòi hỏi thả các bạn bè bị giam giữ một cách mờ ám, đòi hỏi tự trị đại học, đòi hủy bỏ chương trình Huấn luyện quân sự học đường, đòi bất tín nhiệm Tòa án Quân sự Mặt trận, đòi hỏi chánh quyền phải nhận lỗi là có tra tấn Sinh viên học sinh... Chỉ một việc đòi hỏi có kết quả việc trả tự do cho các sinh viên bị đưa đi quân trường đã là một thắng lợi lớn. Ai cũng thấy hệ thống quân-giai, hành-chánh, chèn ép... khủng khiếp của quân đội, thế mà những sinh viên đó đã được trả về đời sống bình-thường, với những bạn bè chân tình của mình. Họ đã thắng.

Bên cạnh sự giàu sang giã gạo nhờ ăn bám và tham nhũng là sự cùng quẫn bất công ngày càng trở nên tàn nhẫn thô bạo. Trong khung cảnh bị dồn vào chân tường, đòi hỏi quyền làm người là một đòi hỏi chính đáng, nó phân biệt con người với con vật. Sinh-viên học-sinh, công-nhân, thương-phế-binh, quả-phụ tử-sĩ, thân-nhân các người bị giam giữ trái phép... tất cả đã đồng loạt đứng lên đòi hỏi quyền sống tối thiểu của mình, đòi hỏi xóa bỏ trật-tự bóc lột, hiện tại. Còn tôi, với tư cách một giám-thị, tôi đang làm gì? Tôi cảm thấy lạc lõng, xa lạ đối với cộng đồng chẳng khác gì những thí sinh ngồi kia, lạc lõng xa lạ trong phòng thi, giữa đám bạn bè. Tại sao giáo chức. Hội phụ huynh học sinh, tập thể Sinh viên Học sinh không thể lập thành một khối để đòi hỏi những quyền sống xứng đáng tối thiểu? Nỗi khổ của giáo chức có khác gì nỗi khổ của Sinh viên học sinh trước hạn tuổi vào Đại học, trước

ngưỡng cửa Quân trường, nếp sống cơ cực của giáo chức có khác gì tương lai đen tối của Sinh viên học sinh, của thương phế-binh, của những người bị giam giữ oan uổng trái phép, tất cả những nỗi khổ đó có khác gì nỗi khổ của phụ huynh học sinh khi thấy con mình người không ra người, ngợm không ra ngợm trong xã-hội này...? Trước kia sĩ phu đi với cộng đồng dân tộc, ngày nay nhà giáo tách biệt khỏi cộng đồng rộng lớn đó, ngay cả với cộng đồng nhỏ bé, gần gũi nhất của mình là Sinh viên học sinh. Đất nước chỉ có một giọng Bến Hải nhưng trong lòng của mỗi người có hàng vạn hàng triệu Bến Hải, những Bến Hải của u mê, cố chấp và mặc cảm.

Trong các bản nhạc người ta thường ca tụng linh, trong những bài diễn văn phát phần thưởng chúng ta cũng thường đề cao nhà giáo. Nhà giáo được coi như tiếp nối truyền thống nhà nho trước kia, đó là những nhà trí thức tiêu biểu cho sự liêm khiết, sáng suốt, khí phách của thời đại, của dân tộc v.v.. Trước kia mấy ông giáo mới ra trường còn ảo tưởng đó nhưng nay chẳng ai muốn nhận mình là nhà nho, là trí thức nữa, ước vọng giản dị thấp tè như ngọn diều vương mắc ở cột đèn, ở ngọn cây, gặp nhau là hỏi dây tụt bao nhiêu giờ, kiếm thêm bao nhiêu tiền v.v... Ai cũng thấy sự thật của đất nước

và của chính thân phận mình, không còn ảo tưởng. Có nhà nho thi đậu làm quan và nhà nho ở trong làng dạy học, Nhà nho làm quan, tách biệt khỏi dân chúng và sau này đi với thực dân phản lại dân tộc, còn nhà nho ở làng dạy học, sống xa triều đình, hòa mình vào dân chúng, sau này cùng dân chúng nổi lên chống trật tự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp... Đây mới là những sĩ phu, những nhà n'ò danh tiếng được dân chúng kính trọng vì dám cùng dân chúng nổi lên chống sự đô hộ của ngoại bang. Khi so sánh giáo sư, giám thị với nhà nho thì hiểu là nhà nho nào? Trước kia chúng ta tưởng mình là sĩ phu nay mới nhận rõ rằng mình chỉ là một nhà nho quan lại, một tên quan lại nhỏ bé nhất, một công chức hạng bét. Trong trí óc, chúng ta tiếp nối truyền thống sĩ phu; ngoài thực tế, một số trong chúng ta đang phản bội truyền thống đó. Chính những sinh viên học sinh đang lao mình tranh đấu đòi quyền sống mới thực sự tiếp nối truyền thống Phan bội Châu, Huỳnh thúc Kháng, Nguyễn đình Chiểu... của dân tộc.

Vật vờ qua lại như một bóng ma trên dãy hành lang bạc bẽo, tôi đang làm gì và đang bảo vệ trật tự nào?

NGUYỄN TRỌNG VĂN

Saigon 31-8-1970

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Thăm các Nhà xuất bản Sách Thiếu nhi

« Ai xui gặp và nào ai toan tính
« Chuyện Trẻ con bàn tính với Lòng Sơn.
(Đài T.N.M.N.N.V.N., đông 1947)

Lời nói đầu.— Từ mười năm nay sách thiếu như tràn ngập những cỏ dại cây gai trái độc... đã làm giới phụ huynh học sinh và giáo giới cùng những ai hằng quan tâm đến thế hệ ngày mai không ngớt lo âu. Ngăn chặn lại, và tận diệt chúng, chỉ có chánh quyền là làm được. Nhưng Chánh quyền còn quá bận với bao việc "người lớn" mà chẳng ngó ngàng gì đến việc "trẻ con". Chỉ còn mong đợi ở tư nhân đem "hạt giống tốt đuổi xua hạt giống xấu". Đã có những cuộc hội thảo sôi nổi. Đã có những quyết định quyết liệt mà vì lẽ này lẽ nọ, không được thi hành, không dám thi hành. Nhưng gần đây, có vài triệu chứng đáng mừng. Vài nhà xuất bản, lớn có nhỏ có, vài nhà văn nhà giáo đứng riêng hay chung sức, đã ra hoặc chuẩn bị ra, những loại sách dành riêng cho thiếu nhi, hoặc tái bản sách hay thời tiền chiến.

Chúng tôi thấy có bốn phận thăm các nhà xuất bản này để giới thiệu với bạn đọc và tìm hiểu những dự định cùng những khó khăn mà họ gặp phải. Ấu là cũng một cách đóng góp nhỏ nhoi vào việc thấu góp kinh nghiệm cho những ai muốn « qua cầu » cùng việc « nhờ cỏ dại, cấy hoa thơm » cho Tương lai Đất nước.



Loại
TUỔI
THƠ
của nhà
Khai trí

câu hỏi về một số chi tiết cho anh đỡ mất thì giờ trong câu chuyện sau này.

7 giờ tối. Anh sẵn sàng « nhập cuộc », thì một người khách bất ngờ đến. Anh cười rệ, như đề xin lỗi, rồi đề trước mặt tôi một chồng sách « Tuổi thơ », và trước khi sang bàn bên, tiếp khách, chỉ cho tôi bla sau cuốn ra mắt.

Đó là lời của nhà sách Khai trí nói rõ mục đích loại sách nhi đồng « Tuổi thơ » của mình. Lời này, có đăng trên một số tạp chí, trong đó có *Bách khoa*, gần hai năm trước. Tôi xin chép một đoạn, vì nó đáp lại một trong mười câu hỏi của tôi ghi cho anh.

« Đề góp phần vào sự giáo dục trẻ em, nhà sách Khai trí cộng tác với một số nhà văn, nhà giáo tha thiết cần tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi

Không gặp anh lúc xế, tôi đề lại ít chữ, hẹn anh sẽ đến khi nhà sách sắp đóng cửa đang có thể dài dòng với nhau về « Tuổi thơ », kèm thêm mười

đồng TUỔI THƠ, một loại sách giải trí lành mạnh, viết đúng chánh tả, văn phạm, ấn lát rõ ràng, giá bán phổ thông. . . »

oOo

— Bây giờ, anh muốn bắt đầu bằng cái gì đây ?

Tôi mỉm cười.

— Bằng cái bắt đầu. Anh cho biết anh có ý định làm sách nhi đồng từ bao giờ.

Ba năm về trước. Lúc sách thiếu nhi nhảm nhí ò ạt ra đời. Tôi tìm mua tất cả sách bày bán, mỗi thứ một cuốn, rồi để một buổi tối xem cho hết. Tôi giựt mình. Những truyện trinh thám, kiếm hiệp, khiêu dâm, quái đản, cao bồi với hình với lời cầu thả, quả là những chất độc cho trí óc non nớt của trẻ em. Phải làm một cái gì để ngăn chặn lại ảnh hưởng xấu xa này, được bày nhiều hay bấy nhiêu. Để sau này, mình có cái vui đã góp chút công lao vào việc đào tạo một thế hệ thanh niên tốt, lành.

Tôi tiếp, như mình nói với mình mà cũng như mình nói với ai đây :

— Hay tự an ủi, khi thế hệ thanh niên ấy xấu, hư : mình đã cố làm hết sức mình trong phạm vi có thể. Mà anh, anh có gần đây đủ phương tiện trong tay.

— Cho nên tôi bắt tay vào việc ngay. Liên lạc với một số nhà văn nhà giáo có tên tuổi, có tấm lòng yêu trẻ để ra một loại sách nhi đồng lành mạnh, hấp dẫn, bìa xinh, chữ rõ, ấn dễ hiểu... giá bán rẻ để lần lần thay thế loại sách nhảm nhí in dơ, truyện bày nói trên. Anh coi, rồi, giá chưa bằng một lát xôi.

Rồi anh lật qua vài số « Tuổi thơ ».

— Anh cũng biết : có bao giờ mình bằng lòng việc mình làm đâu. Nhưng tương đối bề ngoài bìa cũng vui tươi, bên trong ruột in rõ ràng, nhiều chữ; truyện do những nhà văn có danh, như Bửu-Kế, Phan-Du, Nguyễn-Văn-Xuân, Nguyễn - Vỹ, Lưu - Nghi, Lê Tất-Điều...

Tôi gật đầu.

— Ai cũng nhận thấy loại sách nhi đồng do anh chủ trương được nhiều cây bút nổi danh cộng tác ; đó là một cách quảng cáo mạnh lúc ban đầu. Tôi nói lúc ban đầu, vì sau đó, phải dò xét phản ứng của đối tượng anh nhắm : lớp độc giả khoảng 10 đến 16 tuổi. Vì có những nhà giáo soạn sách giáo khoa có tiếng, có những nhà văn viết truyện nổi danh với... người lớn, nhưng khi viết cho trẻ em, trẻ em lại không thích. Bởi vì họ viết cho họ, chứ họ không viết cho trẻ em, nhất là viết cho trẻ em hiện giờ.

Rồi tôi kể hai nhà văn có tên tuổi và hai tác phẩm nhi đồng của họ.

— Đưa con tôi lên mười một, đọc xong, nói với tôi, một cuốn nó không hiểu người nói muốn nói gì, một cuốn làm nó càng... sợ ma ! Va tình cờ, hai cuốn này cũng bị con của một ông bạn tôi, một nhà văn phê bình có tên tuổi, chê là dở !

Anh hơi có chiều nghĩ ngợi. Tôi nói tiếp :

— Anh còn nhớ giai thoại Molière đọc hài kịch mình viết xong cho bà vú già nghe chớ. Đoạn nào bà ta chê hay không hiểu thì Molière viết lại hay sửa lại. Tôi nghĩ các nhà văn nhà giáo viết truyện cho trẻ em nên bắt chước gương này : trước khi gửi cho nhà xuất bản, hãy đọc cho con cháu mình nghe để biết ý kiến chúng.

Chợt thấy mình lạc đề, tôi bèn hỏi :

— Chẳng hay anh có đưa vài tiêu chuẩn gì cho các cộng tác viên của "Tuổi thơ" không ?

— Có, nhưng đại cường thối. Nội dung thì lành mạnh : hình thức giản dị. Mục đích : giải trí và giáo dục, còn thì tùy anh em chọn đề tài hay thể truyện : luân lý, phiêu lưu, lịch sử, dã sử, truyện xưa, truyện nay...

—...và truyện ma quỷ !

Anh cười

— À, quên nói lại với anh điều này anh em khen "Tuổi thơ" : nhuận bút hậu nhất : 10.000đ. mỗi quyền 32 trang. Có phải thế không ?

Anh đưa ngón tay trở ra, mỉm cười, không xác nhận mà cũng không phủ nhận.

Anh nói tiếp :

— Có lẽ anh em cho rằng truyện nhi đồng không phải là tác phẩm, là con ruột, nên mới bán đứt.

Đụng đến chuyện tiền chuyện bạc chuyện lợi chuyện quyền, làm đầu óc thêm mệt ! Tôi quay sang những con số không có tiếng đồng kèm theo.

— Theo ngày kiểm duyệt, thì "Tuổi thơ" "tung hoành" trong suốt năm 1969 đến số 47. Rồi hơn nửa năm nay, không ra nữa. Anh gặp gì trở ngại mà không xuất bản đều đều như trước.

Một thoáng buồn qua đôi mắt vốn vui vui.

— Tôi đã ngưng lại từ tám tháng nay. Từ ngày giá giấy vọt lên trên tám trăm một rằm. Cứ bán 10đ như cũ thì

nguy. Mình nói chuyện con số: nay, tiền giấy 2đ, tiền in 3đ, bìa 1đ, tác quyền 2đ. Cộng chung 6đ. Đề bán tại nhà sách mình. bán i giá, thì lời 2đ đ. Nhưng muốn được phổ biến khắp nước thì phải giao cho tổng phát hành ; họ đòi 40%. Mình phải lỗ 2đ. Mà gửi đi có bao giờ bán hết; sách trả lại thì dơ, rách bìa, mười phần may còn được ba. Kinh nghiệm tập san Sử Địa cho tôi biết : muốn bán 200 tập, phải gửi 1.000 tập, tổng phát hành mới nhận : 800 tập trả lại thật là tang thương.

— Anh có nghĩ đến việc tăng giá ? Hay là anh còn đợi ? Mà đợi đến bao giờ đây ?

Anh giơ bàn tay mặt lên, như đề trả lời : Nào ai biết được ?

Một câu hỏi tò mò chạy đến :

— Trong bốn mươi cuốn đã ra, có cuốn nào sẽ tái bản không ?

Anh lắc đầu :

Sách bán lai rai, không cuốn nào chạy lắm, mà cũng không cuốn nào ế.

— Thế anh còn bao nhiêu cuốn chưa in ?

— Trăm rưỡi cuốn. Và tôi trả tác quyền rồi (Anh bồng thờ dật) Tôi mong có nhà nào tin cậy đảm đang công việc này, để tôi giao lại, mà lo việc khác." Tôi nữa đùa nữa thiệt.

— Anh hùng đã thắm mệt rồi sao ? Nhưng cái vui là trăm hoa đua nở trong nhà đua tiếng. Và lại, phụ ai thì dễ, chớ phụ tuổi thơ thì chẳng dễ đâu?

Dường như anh cười xác nhận thì phải.

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỐI
BỐI BỔ CƠ THỂ
CO CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HOA-LAN



loại
SÁCH
HỒNG
của nhà
Sống
mới

Họ vốn hai người. Hai người anh em. Cùng đặt chương trình kế hoạch. Põn phân công. Kẻ lo phần tài chánh và tiếp xúc với người ngoài. Người lo tìm sách, tác phẩm, lo in, lo sửa bài. Và *Sống mới* là họ

Tôi được người sau tiếp trên cái gác làm việc phía sau nhà sách và xuất bản sách *Sống mới*, nơi làm việc của anh thứ nhì, là nơi đánh máy của một cô thợ kĩ, nơi một thầy cò đang cặm cụi trên bản gỗ.

— Nhà xuất bản của chúng tôi ra đời được 17 năm, thì năm thứ mười chúng tôi đã nghĩ và thực hiện việc củng cố môn ăn tinh thần lành mạnh cho các thanh thiếu niên. Một loạt sách phóng tác và dịch thuật để các em giải trí...

— Có phải loạt sách phiêu lưu, có mạo hiểm có pha kiếm hiệp thoát thai từ sách Pháp: *Le comte de Monte-Christo*, *Sans famille*, *vingt mille lieues sous la mer*, *Le vicomte de Bragelonne*... thì phải. Nhưng rồi thất bại, chúng tôi ngưng sau độ non mười cuốn.

— Thất bại, mà anh có tìm hiểu vì sao?

— Vì bị phá?

Tôi cười, nhìn gương mặt hồng hào tươi tắn của anh:

— Bị phá hay bị cạnh tranh... bất chánh?

Anh cũng cười, vui.

— Đó là anh nói, chớ chẳng phải chúng tôi đã nghe. Thật ra "người ta" đi sau, mà khôn hơn. Rút ngắn bớt lại những truyện chúng tôi dịch thuật, tỉ như chúng tôi in làm hai cuốn, mỗi cuốn 200 trang, thì họ rút lại còn một cuốn 250 trang chẳng hạn. Giá rẻ hơn mà câu chuyện thì cũng vậy. Ấy là chưa kể sau đó, họ đem bán xôn. Chúng tôi đành chịu thua.

— Chịu thua mặt sách cho thanh thiếu niên, để rồi bốn năm sau ra loại *Sách hồng* cho thiếu nhi.

Anh đề trước mặt tôi "*Cái lu chín vú*" của Dương-Trữ-La, 32 trang nhỏ, giá 10đ, giấy phép ngày 5-4-68, số thứ tự 13.

— Giá vốn 6 đồng rưỡi. In 5.000 cuốn. Chúng tôi nhờ kinh nghiệm trong nghề, và giao thiệp đặc biệt với nhà in, nên khó ai in mà giá rẻ hơn chúng tôi. Anh coi thế mà hơn năm sau, phải ngưng lại.

— Vì không được hoan nghinh?

— Có gì xuất sắc đâu mà được hoan nghinh, anh. Một vài nhà văn có ít nhiều tên tuổi: Ngọc-Linh, Thăm-Thệ-Hà, Hoàng-Trúc-Ly, Dương-Trữ-La... một số đông nhà giáo có tấm lòng thiết tha với trẻ, những quyển sách nhẹ nhàng, vui vui, hay rắc rối vừa vừa, giáo dục dlu dju, cầu được giáo giới và phụ huynh học sinh đứng thờ ơ với nó là quí rồi.

— Thế ra là "họ" nhờ ở với *Sách hồng Sống mới* à.

— Cũng không phải thế. Bán lại rai-chưa có quyền nào hết cả. Nhưng với giấy tăng vọt, thuế này thuế nọ, không thể giữ mãi cái giá 10đ mà tăng lên 20đ thì nó làm sao ấy. Anh đề ý, sách của nhi đồng của *Sống mới*, chưa hề có sự dán giá cũ, in giá mới. Mà giới các em thì tiền đâu có dư nhiều. Một trong những có thất bại của loại sách giải trí, phóng tác, dịch thật nói trên, là vì giá nó quá sức mấy em : phải xin tiền ba má ; còn giá 10đ thì các em có thể tự mua lấy.

— Lạ. Người thì "kẹt" cái vụ phát hành (1), *Sống mới* mà cũng sa lầy như thiên hạ sao ?

Anh lắc đầu.

— Anh hiểu lầm về *sống mới*. *Sống mới* không phải là nhà phát hành hay nhà tổng phát hành để mà làm mưa làm gió, hay là một thứ nhà thầu văn nghệ (đến đây, giọng anh lộ vẻ bất bình) tìm sách cùng loại để chỉ phát hành sách của mình. *Sống mới* vốn là một nhà xuất bản sách giáo khoa. Tôi xin lặp lại, một nhà xuất bản sách giáo khoa. Rồi mở rộng phạm vi hoạt động phần nào, chúng tôi cho ra loại sáng tác, rồi gửi kèm với sách giáo khoa cho các hiệu sách trong nước. Thấy thế, một số nhà xuất bản quen mới « gọi ké » cho chúng tôi một số sách : một công hai chuyện, *Sống mới* sống vì xuất bản sách giáo khoa, chứ không phải vì phát hành sách. Mà thao mà túng...

Giọng anh mất vẻ vui vui đều đều mà hơi gay gắt, như thể anh vừa bị ai làm bực.

Tôi liền xoay câu chuyện.

— Tác quyền loại Sách hồng này...

— Kể như không thành vấn đề.

Chúng tôi có ý định ra chúng đề giúp trẻ có món ăn tinh thần ngon ngon, bổ bổ. Một vài nhà văn và nhiều nhà giáo cũng có ý định ấy. Khi hai bên được biết ý định nhau, thì là nương nhau mà thực hiện điều mình mong muốn. Chúng tôi có phương tiện, các nhà văn nhà giáo ấy có sách viết rồi, đang viết hay sắp viết, chúng tôi hợp sức lại ; mỗi bên nhân nhượng một ít. Nghi đến tương lai các em sau này hơn là quyền lợi trước mắt.

Như thế cũng tạm đủ về loại Sách hồng. Ra đời năm 1968, qua giữa 1969 thì tạm ngưng, in được...

— Tôi không nhớ rõ con số, thôi thì anh cho gần bốn mươi cuốn đi.

— Ngưng vì không được giáo giới, phụ huynh học sinh tích cực giúp đỡ phổ biến, ngưng vì sinh hoạt, thuế má tăng. Và bây giờ thì đợi, mà đợi đến bao giờ ?

Làm sao mà biết được anh ? Chừng nào cơ hội thuận tiện thì tiếp tục,

— Các anh cũng bó tay mà chờ ! Không là làm cái gì để khai thông "nó" sao. *Sống*, lại *sống mới* mà cũng chịu "chết cứng" như ai, thì quả là : Anh hùng mạt lộ !

Tôi cười cười, còn anh thì lấy khăn tay chặm mồ hôi trán. Vì cái gác hẹp hay vì anh nói hăng ?

... và *Truyện Nhi đồng in ôp sê*

— Thưa mặt trận sách cho thiếu nhi từ 10 đến 16 tuổi, các anh mở mặt trận truyện nhi đồng viết theo sách Pháp, in chữ đẹp, giấy láng, hình nhiều màu in ôp sê từ cuối 1969, bắt đầu

(1) Xin xem bài trước. Sách *Tuổi thơ* nhà Khai Trí

với *Tiếng hát chim Họa mi* đến *Con chó Vàng*, tập 12, thì lại đứng lại. Đâu được nửa năm. Lí do, anh cho biết. Hay là giới trẻ vừa biết đọc không ủng hộ các anh sao?

Anh cầm sách lên, mân mê mấy tờ giấy lảng.

— Hai mươi lăm đồng một tập sách đẹp như thế này, mà bây giờ, cũng không tăng giá, thế mà tiêu thụ cũng lai rai thôi.

« Thơ khuyến khích, khen ngợi, cũng có đó, nhưng chỉ bán kha khá vào mùa phát phần thưởng.

— Các anh không nghĩ việc làm sách tìm đến người đọc sao? Chớ đề bạn đọc tìm đến sách, thì kè như ném thất bại rồi đó. Mà nghe đâu *Sống mới* có một hệ thống phát hành toàn quốc khá chặt chẽ, khá hữu hiệu, khá đông đảo mà.

Anh bỗng chua chát ở đôi môi hơi trề.

— Hẳn anh nghe ai đó nói xa nói gần rằng chúng tôi có đại lí khắp nơi, có... thám tử khắp trấn! Bịa đặt cả. Vì mặt phát hành, chúng tôi chỉ năm có một số đại lí nào đó thôi, và vẫn phải nhờ các nhà phát hành khác tiếp tay. Độc lập

phần nào, chớ cũng lệ thuộc phần lớn. Người ngoài nói vô, tưởng đâu có phong trào ra sách thiếu nhi, thì ào ra mà làm, tưởng dễ hốt bạc. Nhưng chạm phải thực tế, mới đổi ngược. Có lắm nhà ra được vài cuốn, rồi đứng đó chịu trận, mặc dầu chương trình công bố rất xôm!

«Sách đến người đọc à? Nghĩ đến, thì có mà thực hiệu thì không thề. Chúng tôi đâu phải ba đầu sáu tay. Đáng lí bộ Giáo dục tiếp tay với chúng ta.

— À anh nói, tôi mới nhớ. Có tin cái bộ này có sẵn cả trăm triệu để làm sách thiếu nhi đẹp, rẻ... Các anh có «sợ» không?

— Cái gì mà sợ...? Càng đồng càng vui! Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng thì có lợi cho trẻ em, có cạnh tranh thì có cố gắng, có tiến bộ. Các em do đó mà sẽ có những món ăn tinh thần hợp với tuổi mình, đã ngon lại bổ mà giá lại rẻ thì tôi tưởng tất cả chúng ta đều càng mong cho ông Nhà nước mau mau tung ra bạc triệu để phục vụ cho con nít.

Trung thu năm Chó 70

TÂN-FONG HIỆP

Kỳ sau: Loại TUỔI HOA của báo Tuổi hoa.

Bách-khoa đóng tập

— Đã có tập 313-324 (6 tháng đầu năm 1970)

— Có đầy đủ các tập từ năm 1965 đến 1970

— Tại Tòa soạn còn 4 bộ Bách-khoa từ số 1 (1957) đến nay, (thiếu 3 số: 9, 12, 28).

Một bộ Bách-khoa từ 1957 đến 1969, giá 9.000đ —
Ở xa xin gửi thêm cước phí.

Cái chết của François Mauriac



Ngày thứ ba 1-9-1970 vừa qua, hồi 2 giờ 40 phút, văn hào Pháp François Mauriac đã từ trần tại Paris. Sau một cuộc đời phong phú kéo dài gần 85 năm, François Mauriac đã để lại cho văn chương, không những của riêng nước Pháp mà còn của cả thế-giới, một công-trình vô cùng vĩ-đại với gần 100 tác-phẩm giá trị. Cuộc đời cầm bút của Mauriac không phải chỉ được đánh dấu bằng việc ông đặc cử vào Hàn-lâm-viện, đoạt giải Nobel về văn chương hay được chính phủ Pháp ăn thưởng Đệ nhất đẳng Bắc-đầu Bội-tinh. Cuộc đời của ông còn là cuộc đời của một tín-đồ Thiên-Chúa giáo sống trong một xã-hội càng ngày càng đi xa đạo-lý. Do đó suốt đời François Mauriac đã dùng ngòi bút của mình để phục vụ đức tin. Nhưng Mauriac cũng đồng thời phục-vụ lẽ phải, phục vụ một quan-niệm nhân-bản. Qua các tác phẩm của ông, người ta luôn luôn thấy một người Pháp thuộc giai cấp trung lưu, tỉnh lẻ, khắc-khoải trước những tội lỗi của con người, một văn sĩ có những lời lẽ truyền cảm đầy thơ của một thi sĩ. Vì muốn phục vụ cho một quan-niệm nhân-bản, muốn bảo vệ cho xã-hội khỏi bị thoái hoá, Mauriac cũng không ngần ngại nhẩy vào võ đài chính trị để dùng ngọn

bút xung đột với các đối thủ của mình.

Người trưởng-giả tỉnh-lẻ.

Sinh tại Bordeaux ngày 11 tháng 10 năm 1885 và là con út của một gia đình năm con, François Mauriac mang nặng trong tâm hồn ba đặc tính là: trung lưu, tỉnh lẻ và Thiên-Chúa giáo. Ba đặc tính này đã để lại dấu vết trên các tác phẩm của ông một cách hết sức sâu đậm. Mẹ ông là một người đàn bà dịu dàng nhưng nghiêm khắc trong vấn đề tôn giáo. Bà dạy giỗ con cái trong nhà theo đúng các nguyên-tắc của Thiên-Chúa giáo. Cha của François Mauriac, ngược lại, không tín-ngưỡng. Nhưng François Mauriac mồ côi cha ngay một năm sau khi lọt lòng mẹ, nên cậu bé François đã luôn luôn chịu ảnh-hưởng của bà mẹ. Ảnh-hưởng này lại còn nặng nề hơn nữa khi mà tại các tỉnh lẻ của nước Pháp, Giáo phái Jansenius hết sức thịnh hành. Giáo phái này là một trong những giáo phái khắc khổ nhất của Thiên-Chúa giáo, chủ trương giới hạn tự do của con người.

Ảnh-hưởng chặt-chẽ của bà mẹ đã làm nảy sinh ở François Mauriac một hoài-bão thoát ly. Sau khi đậu cử nhân văn chương tại Đại học Bordeaux, Mauriac đã lên Thủ đô Paris để sửa soạn thi tuyển vào Cờ-điền

Học-hiệu (Ecole des Chartes). Được trúng tuyển vào Cổ-diễn Học-hiệu nhưng François Mauriac đã xin thôi để tiện theo đuổi văn nghiệp.

Tuy tìm cách thoát ly khỏi khung cảnh chật hẹp tỉnh-lẻ, nhưng khung cảnh này sẽ không bao giờ rời bỏ François Mauriac. Năm 1909, khi Mauriac 24 tuổi, tác-phẩm đầu tay của ông ra đời. Đó là một tập thơ lấy tên là «*Chấp tay*» (Les mains jointes) Tập thơ này chứng tỏ rằng Mauriac vẫn còn giữ nguyên ảnh-hưởng tôn-giáo của bà mẹ. Tập thơ đã được Maurice Barrès ngợi khen trong tờ báo Echo de Paris và Barrès cho rằng với tập thơ này một văn tài mới đã xuất hiện.

Nhưng tập thơ «*Les mains jointes*» chỉ là bước đầu của cuộc đời cầm bút của Mauriac, vì bắt đầu từ năm 1909 trở đi ông đã liên tiếp cho ra đời nhiều cuốn tiểu-thuyết có giá-trị khiến ông càng ngày càng nổi tiếng. Năm 1912 cuốn «*L'Enfant chargé de chaînes*» ra đời. Năm 1913 lại đến cuốn «*La Robe prétexte*».

Năm 1914 khi cuộc Đệ-nhất thế chiến bùng nổ. Mauriac bị động viên như bao thanh-niên Pháp khác. Nhưng vì lý do sức khỏe ông được giao cho nhiệm-vụ y-tá và gởi sang phục vụ tại Salonique. Tại Salonique, Mauriac không phải chứng kiến cảnh chiến tranh điêu tàn nên khi trở về ông đã viết liền trong 15 năm, 15 cuốn tiểu thuyết chứa đựng đầy tình thương. Năm 1922, cuốn «*Le Baiser au Léproux*» được xuất bản, năm 1923 cuốn «*Génitrix*», năm 1926 hai cuốn liên tiếp là «*Le Désert de l'Anour*» và «*Thérèse Desqueyroux*». Danh tiếng của Mauriac một ngày một đi và đầu bắt từ năm 1933 trở đi khi ông được bầu vào Hàn-

lâm-viện Pháp. François Mauriac đã đi từ danh vọng này tới danh vọng khác. Năm 1953 ông đoạt được giải Nobel về văn - chương. Năm 1958 ông được chính-phủ Pháp trao tặng tước phẩm Đệ-nhất-đẳng Bắc-đầu Bội-tinh và được tướng De Gaulle coi là «*một nhà văn-hào giỏi nhất của Pháp.*»

Các tác phẩm có tiếng của François Mauriac được nhiều người ham chuộng đến nỗi 2 cuốn «*Thérèse Desqueyroux*» và «*Le Nœud de vipères*» mỗi cuốn được in tới 1 triệu bản và được dịch ra 25 thứ tiếng. Đọc mỗi tác phẩm của Mauriac người ta đều thấy sống lại cả một thế giới trưởng-già tỉnh-lẻ mà François Mauriac đã sinh-trưởng. Người ta luôn luôn thấy những cánh đồng hoang (landes) của vùng Gascogne ở phía Tây Nam nước Pháp. Người ta luôn luôn thấy những ngọn đồi nho dưới ánh nắng chói chang giữa tháng bảy. Những cánh nho giữ một vai trò quan trọng trong đời của Mauriac vì theo lời ông nói: «*Từ những chùm nho tôi có thể vắt ra những lời hay ý đẹp hơn là rượu chát.*»

Thế giới của François Mauriac còn là những rặng thông rào rạt nhựa thơm, còn là những phòng khách trưởng giả bày biện sang trọng có thảm mỹ nhưng khắc khổ và sức rức mùi si đánh trên sàn gỗ bóng loáng. Thế-giới của Mauriac còn chất đầy những lọ mứt ngon lành mà những bà mẹ tần tảo nấu nướng và đóng lọ vào các mùa trái chín để có thể dùng được suốt năm. Thế giới của Mauriac còn là một xã-hội trưởng-già nơi người ta có những cử chỉ, dáng điệu trịnh trọng, kính cần trong tuần-lễ Thánh trên ngạp khói hương. Trong xã-hội này người ta có những phong tục

đặc biệt, người ta dàn xếp những cuộc hôn nhân, người ta giải quyết công việc gia-đình với tất cả những tính toán vị kỷ. Người ta cũng còn có thói quen dàn xếp những vụ tranh chấp gia tài trước viên thừa-phát-lại với tất cả những sự thận trọng không kém khi người ta dàn xếp vấn-đề lương tâm trước một vị linh mục.

Với những phong tục như vậy, François Mauriac cũng như bao thanh niên khác thuộc những gia-đình danh giá tương tự, đã luôn luôn có một mặc-cảm tội lỗi. Ảnh-hưởng giáo-dục gia-đình và ảnh-hưởng tôn-giáo của xã-hội tỉnh-lẻ đã khiến cho Mauriac luôn luôn khắc khoải trước những hối hận, những nuối tiếc trong tâm tư ông. Ý tưởng về tội lỗi mạnh đến nỗi trong phong cảnh của Bordeaux Ông cũng nhìn thấy tội lỗi. Trong cuốn "Maltaverne" ông viết: "Tôi không thể từ bỏ đất này, giòng suối này, khoảng trời xanh trên rừng thông kia, mùi nhựa thông và hồ ao, tất cả đều mang mùi vị thất vọng của chính tôi".

Nhưng những khung cảnh quen thuộc này, những quan niệm cũ kỹ của người dân tỉnh lẻ đó lại chính là chất liệu phong phú của Mauriac mà nhờ đó ông tới được tột đỉnh của văn nghiệp. Chính Mauriac đã nói: "Không một bi kịch nào có thể sống được trong tâm trí tôi nếu tôi không đặt nó trong những khuôn khổ mà tôi đã từng sống".

Những khung cảnh này đã trên 60 năm trời trao cho François Mauriac những ý thơ hay những lời văn đẹp khiến ông trở thành một đại văn hào mang nặng một tâm hồn thi sĩ.

Một văn-sĩ hay một thi-sĩ

Mauriac không hẳn là một thi sĩ thuần

túy. Nếu tập thơ "Les mains jointes" diễn tả đời của một thiếu niên mộ đạo, mở đầu cho cuộc đời văn bút của ông, thì tập thơ này cũng không đủ để người ta có thể xếp hạng ông vào loại các thi sĩ trừ danh đồng thời. Nhưng hồn thơ của Mauriac đã là một yếu tố giúp ông thành công. Nhà thơ Mauriac đã luôn luôn là một người bạn đồng hành của nhà văn Mauriac. Vì vậy mà đọc các tác phẩm của Mauriac, độc giả không khỏi xúc động trước những câu văn đầy hình ảnh, đầy màu sắc và âm điệu nhịp nhàng. Đọc cuốn "Destins" người ta có cảm tưởng đang sống trong ánh nắng mùa hạ gay gắt đang đốt các rặng nho. Đọc cuốn "Le Nœud de vipères" người ta không thoát khỏi cảm giác bồn chồn của một đêm dài khắc khoải.

Trong tất cả các tác phẩm, nhà văn và nhà thơ Mauriac đã cho độc giả một cảm giác buồn man mác khi đọc đến trang cuối. Nhưng cảm giác này chỉ lằng lằng như ngọn gió heo may rì rào trên các đồi thông xứ Languedoc. Vì buồn thương trong tác phẩm của ông luôn mang theo một niềm hy vọng. Thật vậy theo François Mauriac mỗi người chúng ta sống ở trên đời tức là phạm tội lỗi. Những tình yêu, những đam mê, những ma lực quyến rũ con người là tất cả những động cơ đưa con người vào vòng tội lỗi. Những tội lỗi đã phạm phải khiến cho con người trở nên đau khổ, nhưng cũng là những dịp thử thách để sau cùng người ta quay trở về với Chúa, hy vọng được Chúa ban phước lành khi đã hối cải. Mauriac nói: "Tôi cố gắng cho thế giới tội lỗi một tích cách cụ-thể hơn. Nếu các nhà thần học chỉ cho chúng ta một ý niệm trừu tượng về kẻ có tội thì tôi lại tạo nên một kẻ có tội bằng

xương bằng thịt». Nhưng François Mauriac đã làm cho xương thịt của kẻ có tội đau nhức đến độ kẻ này phải hối-cải. Julien Green đã nói: «Mauriac là một văn-hào Thiên-Chúa-giáo cuối cùng đã mang tài năng của mình ra phục vụ đức tin».

Không, Mauriac luôn luôn phủ nhận rằng ông là một « nhà văn Thiên-Chúa-giáo » mà chỉ là một « nhà văn theo Thiên Chúa giáo ». Ông muốn rằng các nhân vật của ông phải qua những cuộc thử thách, phạm mọi tội lỗi để cuối cùng hối cải, và được cứu vớt khỏi tội lỗi trong tình thương của Chúa. Viên luật-sư già, ích kỷ xấu tính của cuốn «Noeud de Vipères» đến khi hấp hối đã được tha thứ để chết nhẹ nhàng trong ánh sáng của Đạo. Gabriel Gradère trong cuốn «Ange noirs» đã tìm được tình thương và bác ái sau một cuộc đời xấu xa tội lỗi.

Trong giọng văn nhiều khi dễ bị hiểu lầm, lắm lúc người ta có cảm tưởng rằng François Mauriac cũng đã phạm nhiều tội lỗi thâm kín nào đó, và người ta cố gắng phát giác các tội này qua những tác phẩm của ông. Nhưng vô ích. Về đời mình François Mauriac đã tỏ ra hết sức kín đáo. Cuốn tiểu thuyết cuối

cùng của ông «Un adolescent d'autrefois» có nhiều tính cách tự thuật, nhưng Alain Cajuc, nhân vật chính của cuốn này, chỉ cho ta biết rằng Mauriac có mỗi một tội là đã chống lại môi-trường của mình đến nỗi một em gái nhỏ mà người ta định gả cho Alain đã phải đau khổ cho tới chết vì sự hờ hững của Alain mà thôi.

Trong cuốn «Thérèse Desqueyroux» cũng như trong cuốn «Un adolescent d'autrefois», Mauriac đã cho ta rõ bầu không khí ngột ngạt của xã-hội tỉnh-lẻ mộ đạo nhưng ích kỷ, giả dối, chỉ dùng bề ngoài đẹp đẽ để che dấu những sự buồn tẻ, những sự tính toán thấp hèn ở bên trong. Nhưng với bất cứ ai, Mauriac trung thành với lòng bác ái của một tín đồ Thiên-Chúa-giáo luôn luôn tỏ ra khoan dung và hứa cho mọi người phước lành của Chúa khi họ biết hối cải.

Nhiệm vụ mà nhà văn Mauriac tự đặt ra cho mình là cứu con người ra khỏi các tội lỗi. Để theo đuổi nhiệm vụ này Mauriac đã không ngần ngại nhảy lên võ đài chính trị để gây những cuộc bút chiến nảy lửa.

HƯƠNG XA

Đoản thiên của A. Daudet, F. Dabit, Nagai Kapu, Kim Cồ Kỳ quan, Lý Bạch, S. Zweig, L. Pirandello, R. Tagore L. Tolstoi, F. Miranda Nieto, S. Maugham, E. Thompson Seton.

Xuất bản trong tủ sách GIÓ BỐN PHƯƠNG

Bán tại: Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Một nhà bút chiến

Về già, Mauriac cao lêu đêu và gầy guộc trông mảnh. Đôi mắt luôn luôn buồn rầu như chìm đắm trong một giấc mơ bất tận ở bên trong. Nhưng trước một đối thủ, đôi mắt này bừng sáng trở lại và ngọn bút của Mauriac vùng lên đánh ngã kẻ thù. Sau khi đối thủ bị đại bại ông còn làm nhục kẻ thù thêm hơn nữa bằng cách đỡ lên với một lời khen ngợi. Chính Mauriac đã nói : «Tôi thuộc loại những người đang hấp hối được phép sức dầu thánh cứu sống.»

Tuy chịu ảnh hưởng nặng nề của xã hội tinh lễ, tuy thuộc phe bảo-thủ, nhưng Mauriac không có tính cách phản động. Ông luôn luôn bảo vệ cho một quan điểm trung dung và tỏ ra hết sức quyết liệt chống lại những thái độ cuồng tín.

Ngay từ đầu thế kỷ 20, Mauriac tuy bảo thủ đã có một thái độ tiến bộ. Ông theo chủ nghĩa xã hội của Marc Sangnier.

Năm 1936 khi Tướng Franco nổi lên chống lại chính thể Cộng-hòa tại Tây-ban-nha, người ta đã tưởng rằng Tướng Franco, bảo hoàng, được Giáo-hội Công giáo ủng hộ, sẽ có thiện cảm của François Mauriac. Nhưng François Mauriac đã là một trong 3 nhà văn Pháp lên tiếng ủng-hộ chính-thể Cộng-hòa Tây-ban-nha chống lại Franco. Trong khi André Malraux trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu, và Bernanos phản nộ đả kích François với những bài văn này lửa thì Mauriac cũng dùng tài năng của mình để yểm trợ cho phe Cộng-hòa nhiệt thành không kém.

Trước thái độ này các người tả phái của Pháp tỏ ra hết sức vui mừng vì họ cho rằng Mauriac là đồng-minh của họ, nhưng họ đã lầm. Khi « Mặt

trận bình dân » (Front populaire) của Léon Blum lên nắm chính quyền với sự ủng hộ của đảng Cộng-sản, Mauriac đã là một trong những đối thủ lợi hại nhất của mặt trận này. Mauriac tuy có khuynh hướng tiến bộ nhưng lại phản đối các biện-pháp quá cách mạng của Léon Blum nhất là các biện-pháp này đưa nước Pháp tới bờ vực thẳm của khủng-hoàng chính-trị và kinh-tế.

Đến năm 1940, khi Pháp đầu hàng Đức, thống chế Pétain lên nắm chính quyền, thiết lập một chính thể phản-động thì Mauriac, sau một thời gian cộng tác với Pétain, đã bỏ đi theo De Gaulle để tham gia kháng chiến chống Đức. Mauriac càng tham gia kháng chiến mạnh hơn khi mà trước mắt ông quân đội Đức cùng với chính quyền Pétain bắt từng xe chở con Do-thái chất đầy các toa tàu chở súc vật để đem sang Đức thủ tiêu. Đến khi Đức bị thất trận, Pháp được giải-phóng, thì Mauriac lại phải uất trước vụ nhà văn Brasillach bị chính quyền De Gaulle xử tử vì tội đã cộng tác với Đức, phản bội Pháp.

Nhưng dù sao đi nữa thì Mauriac cũng ủng hộ De Gaulle hết mình. Ông cho De Gaulle là người duy nhất có thể cứu vãn được sự suy đồi của xã-hội Pháp. De Gaulle không ngồi lâu ở chính quyền. Trước những lưng chừng nộ bộ của các đảng phái De Gaulle bỏ về quê năm 1946. Từ đó Mauriac lang thang đi tìm một người hùng có thể thực hiện chân-lý chính-trị của ông. Ông cộng tác với tờ báo bảo-thủ Figaro qua mục Ghi-chú (Bloc-notes). Trong mục này ông nói lên những cảm nghĩ của ông trước các vấn-đề chính-trị-quốc nội cũng như quốc ngoại. Nhưng tư tưởng cấp tiến của ông lại

bị độc giả của tờ Figaro không ưa. Năm 1955 François Mauriac bỏ Figaro sang cộng tác với tuần báo Express cấp-tiến và trong khi chờ đợi De Gaulle, Mauriac tìm thấy ở Mendès France là người thích hợp với khuynh hướng chính trị của ông hơn cả. Năm 1958, De Gaulle trở lại chính quyền. Cả tòa soạn báo Express chống De Gaulle. Nhưng tôn trọng tư tưởng của Mauriac, trong tờ Express chống De Gaulle người ta vẫn thấy mục Bloc-notes của Mauriac tiếp tục xuất hiện ủng hộ De Gaulle. Cộng tác với tờ Express đối với F. Mauriac là tượng trưng cho sự tự-do của ông. Ông nói, "Tờ Express tức là cô nhân tình trẻ của tôi."

Đến năm 1961 các độc giả của tờ Express không còn chịu được luận điệu thân De Gaulle của Mauriac nữa và quá nhiều thư than phiền đã gửi tới tòa báo, Mauriac đành rời bỏ tờ Express để cộng tác với tờ Figaro littéraire.

Tuần trăng mật De Gaulle - Mauriac, kéo dài cho tới ngày 27-4-1969 thì cả hai đều bị ngã quỵ trước định mệnh. Thật vậy hôm đó là ngày Trưng cầu Dân ý Pháp được tổ chức. Mauriac trên đường đi bỏ phiếu cho De Gaulle bị ngã gãy xương vai và từ đó không hồi phục được sức khỏe, trong khi De Gaulle từ chức về quê vì qua cuộc Trưng-cầu Dân-ý này dân chúng Pháp đã tỏ ra không đồng ý với ông. Mauriac nói : "Hai người cùng ngã một lúc thì thật là hơi quá." Có lẽ hơi quá thật vì từ đó nước Pháp không còn De Gaulle ngự trị trên chính trường và giờ đây nước Pháp cũng chẳng còn

François Mauriac ngự trị trong văn giới.

De Gaulle chưa chết, nhưng về phương diện chính trị ông kể như không còn nữa. François Mauriac đã chết rồi nhưng, cũng như những người cầm bút nổi danh xưa và nay, ông sẽ sống mãi trong văn chương Pháp cũng như văn chương thế giới.

oOo

Sau khi De Gaulle rời bỏ hẳn chính-trường François Mauriac lại cố gắng tìm một người thay thế để bảo vệ quan điểm chính trị mà không cách-mạng của ông. Ông đã ủng hộ Jean Jacques Servan Schreiber, Chủ nhiệm tuần báo Express, một "Kennedy cỡ nhỏ" (Kennedillon) vì ông cho rằng J.J. Servan Schreiber có nhiều đặc tính giống Mendès France và mặt khác giữa cô nhân tình trẻ Express và nhà văn lão thành, duyên nợ vẫn còn vương vấn. Nhiệt tâm cuối cùng này đã tắt theo với cái chết của François Mauriac, một cây bút đã mê thích văn chương, cũng như hăng say chính trị cho đến khi mãn chiều xế bóng của cuộc đời, đã từng bảo vệ quan điểm chính trị của mình bằng những lời văn bóng bẩy như khi ông chủ trương chia đôi nước Đức để cho Đức suy yếu không còn đe dọa xâm lăng được : "Tôi yêu nước Đức đến nỗi, một nước không đủ tôi cần phải có hai nước Đức".

đ ọ c t h ư

Buổi chiều, tan giờ làm việc, trời hãh còn sớm. Ánh nắng chưa dịu. Nguyên ngại về nhà. Chàng lững thững đi bộ qua bên kia cầu Đổ, ghé sạp báo, đứng đọc lướt qua vài tờ báo hàng ngày (báo phát hành ngày hôm qua, nhưng mãi chiều nay mới ra tới đây). Không có tin gì quan trọng. Vẫn bằng đó chuyện: Hội nghị Ba-Lê chưa tới đâu; chiến tranh sôi động vùng biên giới, Sinh viên tiếp tục biểu tình giữa sự thờ ơ của quần chúng; thương phế binh đòi hỏi quyền lợi; xe Mỹ cán chết người, bỏ chạy v...v... Những chuyện đó xảy ra ở quá xa: tận Sài Gòn chúng không mấy may ăn nhập đến chàng; không liên quan ảnh hưởng đến chàng. Từ một nơi đèo heo hút gió, nhìn về những diễn biến ở Thủ-Đô, chàng thấy chúng mơ-hồ, không thực. Chàng đứng đứng lạnh nhạt. Chàng đọc như nhìn chơi cho biết, không cần lưu ý. Tuy vậy, những tờ báo cũng giúp chàng qua được ít thì-giờ vô-vị.

Rời sạp báo. Nguyên tạt vào tiệm giặt ủi, lấy mấy bộ đồ bỏ giặt đã lâu. Anh chủ tiệm có bộ ria mép, hàm răng hô đen vì khói thuốc, đang đứng ủi cái quần trịn bên chiếc bàn kê ngay lối ra vào. Anh ta mặc độc cái quần đùi màu cháo lòng. Mồ hôi nhễ nhại, chầy từng dòng trên ngực, thấm ướt chung quanh cặp quần. Thấy Nguyên, anh ta đưa mồm ra, cười nham-nhở:

— A! Sao lâu quá vậy, bồ? lần sau ‘bổ’ ra, chắc tiệm tôi dẹp mẹ nó rồi.

— Càng hay. Nhưng dẹp tiệm rồi làm gì?

— Đi bán nước-hoa. Chỉ cần bán cho mấy ông lính như bồ, dư sống.

Nguyên cười, trả tiền, ra khỏi tiệm. Lại đi qua cầu Đổ. Những tấm vỉ sắt lót dưới mặt cầu, rung lên từng chập, kêu rào-rào như mưa lớn, mỗi lần có chiếc xe jeep ngang qua. Anh nắng lung-linh, sáng loá trên mặt nước. Gió lùa qua thành cầu, mang theo hơi nước, mát rượi. Khi Nguyên rẽ sang con đường dẫn vào trại, ánh nắng đã hơi dịu. Ngọn tháp Chàm đứng sừng-sững, im lìm trên đỉnh núi, trong một thứ ánh sáng vàng rực của buổi chiều, trông nghiêm-trang, hiu-hắt. Dưới chân tháp, mấy cột ăng-ten của đơn vị bạn, đang đưa qua lại nhẹ nhàng. Nguyên đi qua cổng, khoát tay chào lại người lính gác. Phía bên phải, sân bay trực-thăng trước văn phòng Tư lệnh, vàng tươi; những con đường đất đỏ, vàng tươi; những dãy nhà tôn trong trại, vàng tươi: Mặt trời tụt xuống, nằm khuất lấp đâu đó, nhuộm một màu vàng lên cảnh vật. Bên kia đường, mấy anh lính về muộn, gò người trên xe đạp. Bình thoáng một chiếc xe jeep vút qua, bụi đỏ tung mù-mịt, như một đám khói lớn màu da cam, lúc lâu mới tan hết. Buổi chiều hứa-hẹn còn dài. Vào mùa này, hơn 7 giờ, trời còn sáng. Quảng thời gian này đối với Nguyên, hoàn-toàn vô vị: Đi ăn? Quá sớm. Về nhà? không biết làm gì (nằm dài trên gi ờng đọc sách giữa lúc này, không hích hợp: hơi nóng hăm-hấp dưới mái tôn,

chưa tan hết.) Đi chơi? Không có chỗ và không có tiền. Những hôm không nhằm phiên trực hoặc ứng chiến, buổi chiều, tan giờ làm việc, Nguyên ngại về thẳng chỗ ở. Ngại, nhưng vẫn phải về. Những hôm đó, bao giờ cũng chỉ có mình chàng khua động trong căn nhà vắng vẻ, êm-tĩnh nằm sâu phía cuối sân trại. Chung quanh, các anh em khác, một số ngồi nhấm-nháp ly cà-phê trong cái quán lá ngoài cầu Đò, số khác nhẩy lên xe, chạy phớt phơ trên những con đường bên ngoài khu quân sự; còn số rất ít, biến mất trong vài ba ngôi nhà nào đó của đồng bào, ở sâu trong xóm Đèn khuya, các cậu này mò về, khoe ầm lên là sắp cho các anh em uống rượu. Có cậu lo sợ sẽ phải ra tòa vì nghe đâu cha mẹ cô gái đã dứt đơn thưa kiện cậu ta về tội dụ-dỗ gái vị thành niên...

Trong khi đó, Nguyên vẫn chỉ có một mình khua động trong căn nhà vắng vẻ. Chàng khua cổng và tự nghe tiếng khua động của mình. Chàng khua động trong những công việc thừa-thãi, vô bổ: tắm rửa lần thứ hai, thứ ba; lau chùi thật kỹ cái "ca" uống nước; rửa thật sạch cái ga-men đựng đồ ăn. Nhiều hôm, Nguyên buồn tình lôi cả cái mũ sắt ra sau nhà, kỳ cọ. Làm hết những công việc đó mà vẫn còn sớm, chàng đến bên giá sách, tìm tới một chặp, rút một cuốn, lật vài tờ, xem qua, lại cất vào chỗ cũ. Bàn tay tiếp tục dò tìm một cách thận trọng trên gáy những cuốn sách đứng khít cạnh nhau. Chợt dừng lại. Rút cuốn khác, xem qua, lại cất: những cuốn sách này chàng đã đọc quá nhiều lần. Những hàng chữ cơ-hồ mòn hết ý nghĩa. Chúng trơ ra, cứng ngắc, không gọi được cho người đọc những cảm nghĩ, xúc

động lúc đầu, Bỏ giá sách, chàng loay-loay đi qua đi lại trong căn nhà vắng, không tìm được một việc làm chính đáng; một việc làm thật sự cần thiết. Chàng loay hoay vô ích, như con loăng quăng loay-hoay, ngoe nguẩy trong châu nước, như con khỉ loay-hoay trong các chuồng hẹp. Chiều nào cũng vậy. Thật nản. Nhiều buổi chiều, trên đường trở về, chàng thầm mong có chuyện gì đang đón đợi chàng ở nhà: một người bạn từ xa thỉnh lĩnh tìm đến thăm, không cho chàng biết trước; sự xuất hiện đường-đột của Chi. (Ôi! Chi mà xuất hiện, phải biết! Chàng đến căn, đến xe, đến nghiền nát nàng ra mất.) Nhiều hôm, niềm ước mong mạnh-mẽ đến nỗi, Nguyên có ảo-tưởng, những điều mong ước đã thực-sự có mặt ở nhà. Một sức mạnh vô-hình lôi chàng bước tới. Và chỉ sau khi đã vào tận trong nhà, chàng mới nhận ra, vừa rồi mình đã hồi-hộp một cách quá sức vô lý. Chàng tuyệt vọng. Nguyên tự tặng mình một niềm hy vọng rồi lại tuyệt vọng một mình. Lắm hôm, Nguyên bắt gặp mình ao-ước một điều hết sức tầm thường: một lá thư của bất cứ ai, từ bất cứ nơi nào gửi tới. Chàng trông đợi, bám víu vào một thay đổi cón-con trong cuộc sống buồn tẻ, tẻ nhạt của mình. Niềm ao ước của chàng mỗi ngày mỗi thu nhỏ lại, khiêm nhường, thẳm hại. Lâu dần, chàng như sống thường xuyên trong những ước ao mơ hồ, khắc khoải; những ước ao mà chàng biết chắc, khó thể nào trở thành sự thật. Chàng thực tâm lo ngại cho mình.

Đi hết con đường lớn, Nguyên rẽ vào con đường nhỏ, hai bên bày đầy những hàng rào phòng thủ, hố cá-nhân, vọng gác. Khi ngang qua đại-đội Tổng-Hành Dinh, chàng đưa mắt nhìn dãy nhà tôn, mé bên phải. Thấy cửa phòng người bạn đề nghị, chàng tạt vào. Anh trung-sĩ cùng phòng với người bạn, đang

ngồi trên chiếc ghế-bố, cởi giầy. Anh ta ngước mắt nhìn Nguyên, cười cười :

— Tường nó vừa đi kaôli.

Chàng thất vọng :

— Đi đâu ?

— Không biết. Chắc sang Câu-Lạc-bộ hoặc chạy loanh-quan ở đâu đó. Gắn thôi. Giầy nó cởi ra, vứt đó (anh ta chỉ tay xuống gần tấm ghế-bố của Tường).

Nguyên đứng nhìa quanh căn phòng hẹp, phân vân giầy lát, đoạn, như anh ta nói lại, chàng đến định rủ Tường xuống chàng chơi. Nguyên vừa quay trở ra thì Tường từ ngoài bước vào. Hấn kêu lên :

— Anh Tới hồi nào vậy ?

Mới. Đang định về. Tìm nguồn thơ ở đâu, sao không thấy ?

Tường cười :

— Coi truyền-hình bên phòng trực. Buồn quá chẳng biết làm gì. Cũng định «đớp» xong, xuống anh đấu láo

Nguyên ngồi xuống ghế bố, cạnh anh trung sĩ. Anh này đứng dậy, bảo Tường

— Lát mày lấy mặt-khâu và cắt gác dùm. Tao đi tắm rồi có chút việc...

Anh ta nhắm một bên mắt, nháy Tường, cười hóm-bỉnh. Tường nói :

— Xong rồi. Cứ đi đi. Lúc về kung có một bao thuốc lá, ông tổ cáo mày có vợ.

Anh ta giẫy nảy :

— Dữ vậy, cha ! Một ngày cha ngốn hai gói ruby ! Mẹ kiếp ! Tháng này ông đến đưa mẹ số lương cho mày để mày lãnh ! Phần nào thôi chứ.

Tường cười khà khà :

— Luật bù trừ : thằng có cái nợ, thằng phải được cái kia. Miệng ông không được hôn thì phải được hút. Nếu không, nó mốc

mã : sao, mày ? Thượng đế chí công mà.

Anh trung sĩ cười, bước ra khỏi phòng. Tường quay lại :

— Anh có cái thư.

— Sao ? Tôi ?

Hồi chiều, lên phòng công văn, thấy có thư của anh, tôi cầm về định tối xuống chơi, đưa anh luôn thế.

Nguyên không nghi hấn nói đùa. Chàng nhia đăm đăm bàn tay hấn bật bật mấy cuốn sách trên mặt cái thùng gỗ. Một lát, hấn lôi ra cái phong bì, đưa cho Nguyên. Khi đã nhìn rõ hàng chữ viết tên mình, bấy giờ chàng mới tin là thật. Chàng lật-qua lật lại lá thư : Không có tên người gửi. Con dấu nhà bưu-điện quá mờ, không nom rõ ngày tháng. Ở góc bên trái, phía dưới cùng, có hai chữ viết theo lối chữ in : «QUẢN THU». Tuy vậy, Nguyên đã quá rõ nó là của ai rồi. Chàng đã biết rồi. Thực ra, ngay khi mới nhìn phớt qua nét chữ trên phong bì, chàng cũng đã thừa biết người gửi là ai. Nhưng, chàng muốn xác nhận cao thật chắc chắn, niềm vui sướng của mình. Lúc này, chàng vẫn cảm thấy cần nhia nó thêm lần nữa : chữ g có cái đuôi dài thôngg ; chữ n khó phân biệt với chữ u ; dấu huyền dài quá khổ... Tất cả những đặc điểm đó đủ viết lộ tính danh người đã «làm ra» nó ; đủ «lời lên» tên «thủ phạm» không còn nghi ngờ gì nữa. Chàng nhia chăm chú hàng chữ viết tên mình. Đan-dân trên môi chàng nở ra một nụ cười ; một nụ cười dịu-dàng, lạng lẽ, hướng vào cái phong bì, như thăm bảo : « Cô em cứ việc trốn đi. Cứ tha-hồ ần-áp đi. Đây tìm ra tất. Có chạy đằng trời. » Chàng bỗng nghe một niềm sung-sướng tràn ngập lòng mình. Sung sướng đến nỗi chàng suýt kêu lên : « Chi ».

oOo

Bấy giờ thì đã rõ-ràng, chàng có

lá thư của Chi trong túi, và niềm vui sướng trong lòng. Lần đầu tiên, từ sát tháng nay, một ước vọng nhỏ nhoi của chàng trở thành sự thật. Trở thành sự thật đúng vào lúc chàng không ngờ nhất. Nguyên lại giờ tay, sờ nắn cái phong bì nhỏ lên trên mép túi, như muốn sờ nắn vào niềm sung sướng của mình. Đúng ra, mình chẳng nên hồi-hộp đến thế. Có gì đâu? Dẫu sao cũng chỉ là một lá thư, một vật rất tầm thường. Ai chẳng có lúc nhận thư. Họ đều hồi-hộp như mình hết sao? Họ đều coi nó quan trọng quá mức vậy sao? không có đâu. Chắc họ đứng đưng... nghĩa là cũng chỉ bình thường vậy thôi. Nhưng... kể ra thì mình sung-sướng cũng phải. Một lá thư của Chi chứ bộ rõ sao? Đâu phải ai cũng nhận được thư Chi. Họ thử nhận được xem, họ không điên lên ấy chứ... Mình nên sung-sướng... "Nhưng ý nghĩ lần đầu cứ tự-tiện xuất hiện ngồn ngồn trong đầu ó: Nguyên, chàng không ngăn chặn được.

Trời đã tối hẳn. Những dãy nhà tôn trong trại đã lên đèn. Trông bao quát, Bộ Chỉ-Huy giống như một khu phố nhỏ. Ánh đèn sáng trưng, rực rỡ. Cái máy phát điện đặt dưới hầm, phía sau trại, sát hàng rào, phát ra những tiếng kêu ù-ù liên tục. Những tiếng ù-ù tự dính vào nhau, liên kết với nhau làm thành một chuỗi âm thanh rền-rền, vang vọng, như tiếng máy bay vắng lại từ xa. Nguyên đi sát mé hàng rào để tránh một chiếc xe jeep chạy ngược chiều. Ánh đèn pha làm chàng hoa mắt. Con đường từ Câu-lạc-bộ về nhà chiều nay như ngắn lại. Chàng nhìn về mạn cuối sân: căn nhà chàng ở, tối thui. Vừa rồi; ngồi ăn cơm trên Câu-lạc-bộ, chàng đã vẽ ra trong trí cái hình ảnh chàng nằm thoải mái

trên giường, giữa bầu không khí hoàn - toàn êm - tĩnh, đọc thư Chi. Chàng sẽ không vội. Chàng sẽ nhàn nha, thong thả thưởng thức từng chữ, nghiền ngẫm từng câu do chính người yêu chàng viết. Chàng sẽ được nằm một mình, thanh thoi, khinh-khoái giữa khoảng không gian êm-ả, dịu-dàng. Căn nhà vắng-vẻ, quạnh hiu lúc bấy giờ lại là một điều cần thiết, một sự thích hợp cho việc thưởng thức thư Chi. Càng quạnh hiu càng thích hợp. Chàng sẽ để mặc lòng mình tha hồ khuua động. Còn chàng, bữa nay chàng không khuua động gì cả. Chàng sẽ nằm im. Nguyên vừa ngồi nhai thong thả từng miếng cơm vừa tự cho phép mình thưởng thức trước cái thú - vị của lúc đọc những dòng chữ của Chi. Chàng thầm dự đoán lung-tung những lời Chi viết. Dĩ nhiên toàn là những lời yêu đương, đắm thắm; toàn những nhớ nhung; nhớ nhung "không tưởng tượng". Nguyên mỉm cười, nhớ lại một thói quen của Chi trong khi nàng nói chuyện: mỗi lần vấp phải một chỗ bí, khó diễn tả, nàng thường lắc lắc cái đầu làm rung rinh mái tóc, khẽ nhũu đôi lông mày, thay thế chỗ bí bằng câu: "không tưởng tượng". Cuốn sách đó hay "không tưởng tượng"; phim ở rạp Rex tuần này dở "không tưởng tượng". Trước kia mẹ em khó "không tưởng tượng"... Cái lối diễn tả đó của nàng quả là giản dị, chẳng cần dùng tới "tưởng tượng" chút nào: Nàng giản dị... "không tưởng tượng". Giá nàng có mặt ở đây, lúc này, chắc hẳn chàng sẽ ghé sát tai nàng, nói nhỏ: "Cưng của anh có duyên lắm, nghĩa là có duyên... "không tưởng tượng". Nhưng, lúc này, rõ ràng nàng không có mặt ở đây, chỉ có lá thư của nàng nằm trong túi

áo... Nguyên cúi đầu, nhìn mép phong bị nhô lên trên túi áo màu. Chàng lại thấy mình sung-sướng; sung-sướng như chàng đã vừa sờ, đụng được Chi. Tuy nhiên chàng cố dè nén, kìm giữ bớt niềm sung sướng trong lòng, không cho nó được tự do bộc phá. Chàng tự dè xèn, tiết kiệm niềm sung sướng của mình, như kẻ nghèo khó xác xơ, tiết kiệm món tiền bạc vừa kiếm được. Chàng không vội vàng tiến ngay tới đích. Chàng muốn kéo dài muốn được thưởng thức lại rai, rĩ-rả, trăm-trăm mà thật đậm-đá thấm thìa. "Đâu phải ngày nào cũng nhận thư Chi — chàng tự nhủ — Dễ gì mỗi lúc mỗi có thư Chi để đọc. Vội gì. Rồi đâu có đó. Mình đâu còn bé dại gì mà không nén nổi, mà phải cuống lên..." Chàng không bé dại? Hẳn nhiên là chàng không bé dại rồi: chàng đã đầy ba-chục tuổi, đã ở quận đội tám năm; đã từng tham dự nhiều cuộc giao tranh ác liệt. Chàng đã chứng kiến cảnh chết chóc, điều tàn. Có lần chính chàng cũng đã bị thương, hút chết. Chàng đã thất tình vài ba bận và đã thành công cũng chừng đó bận. Chàng đâu còn bé dại gì. Ai dám bảo chàng bé dại? Vậy mà giờ đây chàng lại chịu để cho một lá thư, một cái cón-con, không nghĩa lý gì ấy nó bắt chàng phải xoắn-xang, xúc động? nó chế ngự chàng? Chàng chịu thua nó? Vô lý. Không đời nào. Chàng phải thắng nó. Chàng bắt nó phải đợi chàng. Và nhất định chàng không vội. Không. Việc gì phải vội? Chàng còn cả buổi tối nay, cả đêm nay để chỉ có mỗi việc là đọc mấy tờ giấy đó của Chi. Vội gì. Tại sao lại vội? Nghĩ đến cái khoảng thời gian mênh mông sau đó, chàng phát rùng mình, lo ngại: Rồi ra, chàng biết làm gì để lấp đầy được những ngày,

những tháng buồn tênh, trống rỗng đó đây? Chàng sợ những phút sau khi đọc hết thư Chi, như sợ những phút sau lúc làm-tình: niềm hạnh-phúc vỡ òa, tắt lịm, rồi thì tẻ liệt hoàn toàn. Vậy thì, chàng cứ bình tĩnh đây cái giờ phút đọc thư ra rõ xa. Chàng cứ bình tĩnh nhìn cái giờ phút hiếm-hoi, quý-hóa ấy nó long-lanh, chấp chới phía trước mặt chàng. Nó cứ việc tự do chấp chới phía trước mặt chàng. Chàng chưa cần tiến tới. Lúc này chàng chỉ cần được ngồi ung-dung, thư thả vừa thưởng thức hương vị của từng cọng rau, từng lát cá... vừa khoan khoái đợi chờ cái giờ phút ấy. Trong lúc đợi chờ, chàng có quyền thả lỏng tâm trí cho nó trôi dạt vật vờ, phát phơ, vô ích. chàng có quyền tạt ngang, rẽ dọc, nhón như đôi chút. Có sao! Nhưng một cậu bé con, sau khi tan học, trở về, dọc đường cậu có được quyền dừng lại chỗ này, say sưa, ngắm nghía từng cái tàu bay, khẩu súng lục, cái xe hơi xinh-xinh, bé xíu, bày trong tủ kính của một tiệm bán đồ chơi; đứng lại chỗ kia thích thú theo dõi tụi bạn quăn nhau trên sân cỏ. Nếu có tiền, cậu được quyền ghé chỗ này mua đồng kẹo; tạt chỗ kia mua quả ô-mai, rồi vừa lững thững đi bộ dọc theo vỉa hè, vừa lai rai, nhắm nháp. Trời còn sớm, cậu không việc gì phải vội. Nguyên cũng không việc gì phải vội. Chàng cứ tha hồ nhẩn nha, thông thả. Cũng như chàng đã nhẩn-nha, thông thả ngay từ lúc đầu, từ lúc nhận được thư Chi.

Hồi chiều, cầm lá thư Tường đưa, biết được người gửi là ai, chàng tự bảo mình không nên đọc vội. Chàng dứt lá thư vào túi áo, thản nhiên ngồi lại, nói chuyện với Tường. Hẳn khoe hẳn đã hoàn thành tập thơ, sắp cho xuất bản, Hẳn háng-hái trình bày với

Nguyên chất « sáng tạo » trong tập thơ của hẳn. « Sẽ hể sức độc đáo—hẳn nói—Độc đáo từ cách bố cục bài thơ đến ngôn từ diễn tả. Phần nội dung thì... ôi thôi ! Khỏi nói. Rồi anh xem. . » Hẳn nhắm mắt, tặc lưỡi, lắc đầu để diễn tả cái phần « khỏi nói » trong tập thơ của hẳn. Trong một lúc cao hứng, Tường hoa chân, múa tay, đi đi lại lại, mặt hểch lên phía trần nhà, há miệng ngâm to những vần thơ, hẳn vừa « Sáng tạo ». Cứ xem điệu bộ ấy, không ai còn dám nghi ngờ gì về cái chất « độc đáo » nằm trong tập thơ của hẳn. Chàng ngồi chăm chú nghe, chăm chú theo dõi từng cái vung tay, lắc đầu của anh bạn. Chàng tự nghĩ là mình đã hòa nhập được vào câu chuyện của anh ta; chàng tự bảo là mình đã được nguồn thơ của anh ta « chiếu sáng ». Thế nhưng, đôi lúc nguồn thơ lại tỏ ra hơi hên, lơ đãng, quên « chiếu sáng » chàng. Lúc đó, nguyên bản bắt gặp nơi mình một vài ý nghĩ : « Chẳng có gì quan trọng. Có gì đâu mà quan trọng. Một lá thư ? Cái đó quá thường. Đọc lúc nào chả được. Có lúc, chàng chợt cảm thấy

vui mừng : « Có lẽ bên trong có ảnh. Nếu không thư đã chẳng dày đến thế. Đúng có ảnh rồi. Mình thấy cứng ngắc. Gớm ! Thúc mãi, bây giờ cô nàng mới chịu gửi ảnh cho mình. Phải đến ba tờ pelure chứ không ít... » Một lúc khác, chàng lại sực giật mình, lo sợ : « Hay có chuyện gì ? Ừ. Hay đã có chuyện gì ? Mọi khi có bao giờ Chi viết nổi một lá thư dài quá hai tờ giấy đâu. Hay gia đình nàng đã bị trúng đạn trong đợt pháo kích vừa rồi ? Bây giờ là lúc nàng đang nằm trong bệnh viện, kể lại chi tiết cho mình... » Những ý nghĩ lãng nhách, vô-duyên như thế cứ chốc-chốc lại tự ý xen vào, phá rối « nguồn thơ » nơi anh bạn. Chúng đẩy chàng lạ : ra ngoài câu chuyện của anh ta. Trong khi Tường say-sưa, hăng-hái giảng cho chàng nghe thế nào là một câu thơ có « hồn » ; chỉ cho chàng thấy chỗ nào là chỗ hẳn đã dày công « Sáng tạo ». . Trong khi đó thì chàng âm-thầm bán khoán, lo-lắng ; hoặc âm thầm thích thú một mình. Phải mất một lúc lâu, anh ta mới lòi chàng lại được ; chàng mới

Bạn đã biết đại văn hào NGA

LÉON TOLSTOÏ

qua những bản dịch : *An-Na Kha-Lê-Ninh, Một bữa đờn, cái chết của Ivan Illytch, Chiến tranh và Hòa bình.*

là bạn chưa biết toàn vẹn bậc thiên tài quốc tế này, vì phần trẻ trung nhất, phần tươi mát nhất, phần trung thực nhất của Tolstoi vốn gói trong **Les Cosaques** mà Nguyễn-trọng-Đạt dịch và giới thiệu với cái nhan thơ mộng :

SƠN LAM ÊM ĐỀM

TRÍ - ĐĂNG xuất bản và phát hành.

Địa chỉ : 1, Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn, D.t 92.017)

dần-dần sát nhập trở lại câu chuyện của anh ta. Nhưng sự sát nhập cũng không bền : Lại một khi khác, chàng bỗng cảm thấy nhẹ bỗng cả người. Chàng tự mắng mình : « Rõ khéo lo sợ hão huyền. Có gì đâu ! có gì xảy đến với Chi đâu nào. Một khi người ta phải im-lặng đến sáu tháng trời, lúc được mở miệng nói ra, dĩ nhiên phải nhiều lời chứ. Mình thì mình viết đến ba mươi tờ pelure ấy chứ. Bằng đó đã thấm tháp gì !. » Thế là chàng lại yên tâm. Lần này thì chàng yên tâm thật sự. Cho nên, mặc dầu chẳng hiểu mây-may gì về vấn đề văn nghệ, chàng cũng liều-linh tự cho phép mình lặn xả vào « nàng thơ », hăng say không kém gì anh bạn.

Đến khi ra khỏi nhà Trường, trên đường lên cầu-lạc-bộ, đi trong những làn gió nhẹ của buổi chiều, nhớ lại câu chuyện vừa qua, Nguyên ngờ là mình đã không thành thực. Dường như mình đã vờ-vĩnh quá nhiều : Vờ-vĩnh ngồi nán lại ; vờ vỉnh hăng say... Tất cả đều như không thực ; như chỉ cốt để bẹp đi cái ý-muốn-đọc-thư nổi lên mãnh liệt trong lòng.

Thế nhưng, may sao, bây giờ thì mọi vờ-vĩnh đó đã khuất xa rồi, đã rơi rớt lại phía sau, đã hết. Bây giờ chỉ có mình chàng, độc nhất mình chàng, đang đứng trước cửa nhà chàng, với một lá thư của Chi trong túi và với thật nhiều vui sướng trong lòng. Nguyên mở khóa, đẩy rộng cánh cửa, bước vào nhà. Chàng lần tay, mò tìm công-tắc, bật đèn. Ánh sáng bừng lên trong gian nhà vắng. Chàng thong thả xếp mấy bộ đồ vào tủ ; thong thả cởi giày ; thong thả cởi quần áo đem máng lên cái đinh đóng trên cây cột tận góc phòng. Chàng rút lá thư ở túi áo, ném lên mặt

tấm ghế bố kê ngay dưới khung cửa sổ, sát tường nhà. Trước khi lấy quần áo lót, ra sau nhà tắm rửa, chàng đứng nơi đầu ghế bố nhìn lại lá thư, như một cách hẹn hò ý nhị. Chàng vẫn không tự cho phép mình vội vã, « Đọc thư của nàng giữa lúc mình mày lem nhem bàn chải — chàng nghĩ — nàng mà biết, eo ôi, có mà đổ mệ. Chi giận thì dai lắm, dai không tưởng tượng... »

Trong bóng tối, chàng đội ào ào từng gàu nước lớn. Chàng bỗng ngạc nhiên : Khắp người chàng run-rẩy. « Lúc này đang giữa mùa hè, có lẽ nào mình lạnh ?

oOo

Nguyên bật ngọn đèn nhỏ trên mặt cái thùng gỗ đặt sát đầu giường. Chàng căn ánh sáng cho chiếu vào một vị thế chàng ưng ý nhất. Xong, Nguyên tắt bớt ngọn đèn lớn ở giữa nhà : ánh sáng thu nhỏ lại, Chỉ có một khoảng trên đầu giường chàng là thật sáng. Những chỗ khác sáng mờ mờ. Bảy giờ chàng mới ngã lưng, nằm dài trên ghế bố.

Sau khi đốt một điếu thuốc, chàng cầm phong thư, giơ lên ngắm nghĩa, đoạn, cẩn thận xé ở mái mép phong bì.

Cuối cùng, chàng rút ra một tấm bìa. Một tấm bìa cứng, dày, màu trắng, được gấp làm ba, bên trên in những hàng chữ bằng kim nhũ. Những hàng chữ thật xin báo tin ngày làm lễ thành hôn của cô Nguyễn-Thị-Thảo-Chi.

25-8-70

DOÃN-DÂN



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cờ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bru-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

giữa rừng

Hải búng mẩu tàn thuốc xuống hố :

— Ta đã hết ba ngày lương khô :

Chàng nhìn những rễ cây to chần chịt. Rừng chiều bí ẩn như một tấm lưới vô hình. Không có một khe hở nào để được nhìn thấy chân trời. Bọn lính biết được phương hướng nhờ màu sắc của lá, có nơi loài cây ký sinh vươn mình về phía mặt trời mọc.

Đã hết ba ngày lương khô. Một người lính khác ngồi bên bếp lửa, gãi đầu, nhắc lại lời Hải nói, gió làm cho những đốm lửa vỡ ra buy tung. Giọng suối dưới kia với bản nhạc buồn man mác dội qua một cánh rừng phía trước. Có tiếng hát của bọn lính đang tắm hay giặt áo quần dưới suối. Tiếng hát không làm sao đánh tan được hơi thở nặng nề của trăm ngàn cây vươn lên sau một ngày nóng bức, nhưng tiếng hát đánh thức được người thượng sĩ già đang ngủ trên võng. Ông ta thức dậy với một sự vui mừng vô hạn, bắt chợt ông hát theo và hai chân đu đưa theo điệu nhạc.

Hạ sĩ Con đứng trên mô đá cao, nói vọng xuống :

— Im đi các bồ. Có hát, hát bài nào khỏi làm cho ta nhớ nhà.

Hải chen vào :

— Các bồ có thuộc bài sống giữa-rừng-già không ?

Chờ không có tiếng trả lời, Hải cất tiếng hát, giọng của nó rè rè như một đĩa hát cũ: « sống với rừng già, râu người như

..ư lòng thú trái tim người như...ư trái tim voi. Sống với rừng già con người như...ư...»

Bếp lửa đã tàn. Những sợi khói cuối cùng bay qua bên kia thung lũng. Bây giờ sương chiều đã nhuộm trắng ngọn cây. Dòng suối dâng lên, tràn qua một ngọn đồi có ánh sáng rồi mất hút sau lùm cây tối sẫm của hoàn hôn.

Hạ sĩ Con trở lại nét mặt buồn bã :

— Cho củi vào thêm đi, Đừng để cho nó phải tắt biển.

Có tiếng người khác nghe xa lạ hẳn :

— Phải, chúng ta phải tiếp nối. Đốt cháy lên không ngừng.

— Lửa giúp cho chúng ta nhớ quê nhà. Hạ sĩ Con nói. Chúng ta phải có tin tưởng mới phấn đấu được. Chúng ta là những bánh xe phải lăn trên đường, xăng nhớt là chất liệu cần thiết.

Lửa cháy trở lại, không có một ngọn khói nào. Ánh lửa soi rõ nét mặt xanh xao và mệt mỏi của bọn lính. Có đứa mới ở trung tâm huấn luyện ra, tóc còn ngắn và áo quần mới tinh. Ánh lửa cũng soi cả chân trời quê cũ trong những đôi mắt đó. Hoàn hồi :

— Có đứa nào đói bụng không ?

— Tôi.

— Tôi nữa.

— Cả tháng nay không một bữa ăn no. Nhưng ngày về hậu cứ chúng ta sẽ được lãnh tiền bù lại.

Hải nói :

— Chúng ta ăn để sống.

— Vâng, ăn để sống. Chỉ có sống là cần thiết. Luận nói. Sống đưa ta gần gũi gia đình. Đưa ta đến với vợ con. Chỉ có sống là quan trọng. Chúng ta có những bữa cơm nhạt nhẽo, chúng ta không nấu cơm bằng lửa, chúng ta nấu cơm bằng nước lã.

— Và khi khát chúng ta uống nước bọt của mình.

— Hạ sĩ Con gõ móng tay vào bảng sừng :

— Ngày xưa chúng ta thích thú được ra đi, thích thú được sống mạo hiểm. Ngày nay thì khác, chúng ta thích được trở về, thích được sống trong hy-vọng trở về. Con đường trở về lúc nào cũng mở ra trước mắt. Quê nhà không còn ở xa chúng ta. Quê nhà ở trong hơi thở chúng ta. Không có một đám mây nào che mờ. Dưới kia, dưới những cánh rừng kia, các anh xem rừng núi thì dày kín bít, nhưng không che nổi hình bóng quê cũ. Tôi vẫn thấy rõ ràng nơi xa xăm kia, mái nhà tôi đang nằm trong khu vườn, hai bên vườn cánh đồng xanh tươi. Mồ mẹ tôi cõ lên cao và hàng cây sấu đồng thì nở hoa thơm ngát.

Liếc nhìn lửa vẫn còn cháy cao, hạ sĩ Con tiếp :

— Khi nào tôi có chết, ở đây hay ở đâu, các bạn hãy nhớ cho tôi một điều. Làm sao cũng cho tôi về ở đó. Nếu còn một chân, một tay, một cái xương, một sợi tóc hay một cái gì thuộc cơ thể này, các bạn cũng nên giúp tôi, cho tôi về ở đó. Nếu tôi không nhìn được bà con thì bà con nhìn được tôi. Đây địa chỉ

quê quán tôi. Tôi có ghi cả tọa độ nữa. Các anh cầm lấy đi.

Hoàn đốt thêm một điều thuốc. Tiếng suối chảy tràn qua ghềnh đá nghe như tiếng gió bão sắp kéo tới. Có tiếng chim hót trên cành. Hoàng hôn chôn dần tiếng động chỉ còn lại tiếng thở của người và sương rơi thánh thót quanh mình.

— Đừng bỏ củi vào nữa. Có thể lên đường bây giờ.

Nói xong, người chuẩn úy đi về phía máy truyền tin. Ở đó chú liab đang cầm ống liên hợp nghe chăm chú, thỉnh thoảng đôi mắt tròn xoe, lộ ra những đường gân đỏ. Có gì không? Chờ lệnh. Tiểu đoàn đã di chuyển, vượt qua khỏi những rẫy hoa màu. Nếu ngày mai trở lại tôi sẽ nhặt những sợi mây này đan nôi cho con. Có ai nhớ ngọn đồi trồng toàn mộ không? Và cả những dấu chân cọp nữa. Đây là đâu? Nếu là bên giới thì con đường nào ngăn chia? Ta đã sống những giờ phút nhật- thực u ám, tại sao trong lòng vẫn còn nhớ em. Tại sao lòng ta vẫn như ngày nào. Tình yêu em nung nấu và thương yêu như một cái gì sắp mất. Bình nhất Khiên ngồi một mình lấy khăn tay lau những viên đạn. Nó làm thật cẩn thận. Những viên đạn đồng toát ra một thứ ánh sáng dưới mười ngón tay đen điu, quê mùa của nó Hoàn nói :

— Mày làm một việc thật vô ích. Dư công đi vuốt ve một con thú trước, khi phóng sanh.

Khiên cười :

— Đó là một điều cần thiết. Tôi làm một việc nghĩa. Tôi sẽ tặng cho kẻ thù một ân huệ cuối cùng. Tôi sẽ cho kẻ thù một cái chết nhẹ nhàng, không hề biết đau đớn.

Khiên đưa một viên đạn lên trước tầm mắt. Nụ cười của hắn vẫn nổi tiếp trên môi, miệng nó trông xa như mếu :

— Em hãy găm vào da thịt chúng một cách nhẹ nhàng và mau chóng. Em giúp cho chúng chết không kịp nhớ lại một điều gì cả. Ta sẽ lau em sạch sẽ để làm việc đó giúp ta. Em hãy an ủi ta trước một xác người bị ngã gục.

Một người lính cúi sát tai Khiên, hỏi nhỏ :

Mày đã giết một người vô tội chưa ?

Khiên lại cười, đưa hai tay lên trời chấp lại như vái :

— Đừng hỏi nữa bạn ơi... Tội nghiệp nó ! Tội nghiệp nó !

Một bàn tay nhẹ nhàng vỗ vai hắn :

— Tao hiểu. Trong chiến tranh ông bụt cũng trở thành kẻ sát nhân.

Bỗng Hoàn hỏi lớn :

— Có đũa nào nhớ thằng Kim không ?

Uyên sau một hồi ngủ gật, ngờ ngác nhìn quanh trả lời :

— Ai mà quên thằng Kim được. Nó đã ra loại hai. Bây giờ sống như một người chết, không nhà cửa, không người thân thuộc. Nó đã trở thành một người mất trí — Uyên vò một ngọn lá rồi tiếp—Hôm tôi về phép, nó tìm đến thăm. Trời đã khuya. Nó ôm tôi khóc nức nở. Nó nói sống những ngày đầy hãi hùng và khiếp sợ, nhớ chiến trường, nhớ đơn vị, bạn bè và những cuộc phiêu lưu kỳ thú trong đời chiến sĩ. Hôm đó, nó còn mang theo một chai rượu đế và hai con mực khô.

Hoài nói :

— Nó chết rồi. Bị pháo kích.

Uyên cúi xuống, sợi gân xanh ở

thái dương hẳn nhảy mạnh. Khi hắn ngẩng lên thì cánh rừng trước mặt nhòa đi trong một màu trắng xóa.

oOo

Di chuyển đến một khu rừng khác. Đơn vị Hoàn dừng quân đêm trên ngọn đồi cao, chung quanh toàn là thân cây đã cháy rụi trong một trận đánh nào trước đây. Đêm tối bùng. Khu rừng toát ra một sự kỳ bí. Người ta không nhìn thấy được nhau, đá, cây hay con người chỉ phân biệt nhờ xúc giác. Khứu giác cũng trở nên có hiệu lực, người ta ngửi thấy mùi mồ hôi trên những viên đá, trên gốc cây và trên cả bóng súng.

Hoàn ngồi dưới một chiếc hầm cá nhân. Đá lâu năm ở dưới đất như muốn cựa quậy. Từ lòng đất vang ra một thứ âm thanh, tiếng của những người đã chết. Tiếng của thời gian bị vùi chôn hay bị bỏ quên hằng trăm thế kỷ. Cái gì vọng lên giữa đêm khuya. Mắt chàng choáng ngợp. Hai tay lạnh ngắt. Mắt nhắm lại rồi thiếp đi.

Đến nửa đêm địch bắt đầu pháo kích. Trận đánh lớn đã thật sự xảy đến. Một người lính trong cơn mê la thất thanh :

— Động đất ! Động đất !

Tiếng một người khác cắt ngang :

— Không, địch đã tấn công. Phải giữ im lặng tuyệt đối.

Hoàn chụp cái mũ sắt, kê súng lên tảng đá. Tảng ánh chớp loé ra. Bên kia đồi có bóng người thấp thoáng. Mảnh đạn bay rào rào trên đầu, một vài cành cây bị đốn ngã xuống. Bình tĩnh chúng ta sẽ có pháo binh yểm trợ. Rút hỏa châu lên. Nhưng không có một đốm lửa nào. Trời đen thui. Ở thật

xa, có những vì sao lấp lánh và một phương trời ửng lên, dường như mặt trăng sắp mọc.

Một trái đạn rớt gần miệng hầm. Hoàn nhìn thấy tia lửa đâm ngang, vỡ tung những miếng đá. Hơi lửa xỏa vào mặt nóng buốt. Bên kia đồi những đóm lửa đủ màu khạt ra. Bỗng một tiếng la vụt thét lên rồi tiếng nói tuyệt vọng :

— Chết cha tôi. Mảnh đạn vô con mắt rồi.

Người bạn cùng tổ nói:

— Bét mắt ra, tao thổi cho.

— Xái bò, máu chảy đầm đìa, còn thối. Trời ơi, xốn quá. Có ai có thuốc điếm mắt không, cả con bên này nữa. Các bạn ơi, xốn quá, cả hai tai cùng điếc rồi,..

Hoàn nghe rõ tiếng của hạ sĩ Con. Một luồng gió thổi qua, người ta ngửi thấy mùi tanh máu người và một ít hơi đất vừa mới bời lên. Chúng nó đã tràn qua suối. Hãy quay súng về hướng Bắc. Những tia lửa đạn chi chít không bỏ sót một chỗ nào. Có những tia lửa chạm vào đá dội lại, chẻ làm nhiều vụn. Ngón tay Hoàn đã tê buốt, chàng bắt mà không biết mình bắn hướng nào, có ai ở trước nòng súng. Một tiếng khô rơi ngay sau lưng chàng. Im lặng. Cánh tay chàng trở về vị trí cũ hay là một vật gì rơi

xuống. Rồi một tiếng động nữa, Lần này không lướt qua. Có ai sau lưng ta. Hoàn thét lên. Có ai sau lưng ta, nhưng không có tiếng đáp lại. Súng nổ dữ dội hơn. Bàn tay nào đó hãy buông vai tôi ra. Súng đại bác rơi bên kia đồi thành những ngọn pháo bông đủ màu sắc. Một người lính ở Trung đội vũ khí nặng bò trườn qua những tảng đá, nó bò nhanh và không gây một tiếng động nào. Có tiếng quát : "xuống hầm đi, đừng thí mạng vô ích, bò đi đâu bây giờ". Người lính ngừng lại; thở dốc, miệng thì thào "Có ai còn nước không, dường như tôi sắp lên cơn sốt, ớn lạnh quá, tai tôi nghe nhiều tiếng nói quá, dưới đất cũng có tiếng chân người chạy, có hầm nào rộng không". Yên lặng bao trùm. Mọi người đều chờ đợi một cái gì sẽ tới. Đột tiếng kêu khô khan và một vật nặng rơi xuống nữa. Bây giờ lại nghe thêm tiếng đọc kinh của Uyên, nó đọc kinh sốt sắng và có âm điệu như ở trong nhà nguyện. Đại liên trong tay nó vẫn bắn ra đều đặn, giữa lúc đó thì Huệ cầu cứu "súng em gãy nòng rồi thượng sĩ ơi, cho em xin một quả lựu đạn, mau lên". "Sao lại gãy súng được, lựu đạn dùng để cật chiến thôi". "Dạ...dạ... cảm ơn thượng sĩ, tôi mượn khẩu súng lục cũng được".

Súng của địch quân thịch lình lình ngưng hẳn. Nhưng súng đại bác của

LÉON TOLSTOI

AN NA KHA LÊ NINH

Danh tác của nhà đại văn hào Nga

do VŨ NGỌC PHAN và VŨ MINH THIỀU dịch

Bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi, Saigon

ta vẫn đội xuống một cánh rừng tranh gây một đám cháy lớn, phía bên kia hiện ra vẻ mặt tiêu điều của chiến trường. Xa xa tiếng gà rừng đã gáy.

oOo

Đến tảng sáng, bọn lính ngủ muộn bị đánh thức dậy bởi một hồi còi dài. Tất cả đều dồn nỗ lực để phát quang một ngọn đồi nhỏ. Họ làm việc nhanh chóng và vui vẻ như khai khẩn một thửa đất hoang ưa thích.

Mặt trời mọc. Những tia nắng rực rỡ buổi sáng chiếu vào trận địa vẫn chưa xóa tan màng sương dày bầu quanh xác chết. Trông xa những xác chết đó giống như những con nhộng nằm trong những chiếc kén thủy tinh, xác thật hồng lên sau màng sương lấp lánh. Một toán lính khác lay hoay tìm kiếm trên những xác chết dưới một ngọn đồi lưng chừng. Họ tìm kiếm cẩn thận và kiên nhẫn không bỏ sót một khoảng đất nào. Tiếng nói om sòm của bọn lính ở dưới suối vọng lên, họ có nhiệm vụ tắm rửa cho mấy xác chết đồng đội trước khi gửi về hậu cứ, câu chuyện của họ lan quanh không ngoài vấn đề lương soạn, huy chương và phép đặc biệt. Không ai còn nhắc đến những kinh hoàng vừa xảy đến trong đêm qua. Còn xác chết của kẻ thù tập trung lại một chỗ. Chốc nữa đây, theo như lời của vị Đại đội trưởng, sẽ có người ở Sư đoàn lên chụp ảnh, quay phim, nếu kịp sẽ lên vô tuyến truyền hình trong buổi

tối Chúa nhật. Cũng có thể phái đoàn dân chính lên thăm viếng ủy lạo, bọn lính trong thâm tâm mong được nhìn thấy một người thương dân ở chốn này. Sau trận chiến giữa những xác chết xa lạ, họ bỗng nhiên thấy càng xa cách với cuộc sống, lạc lõng giữa một thế giới khác. Khiên đã chết. Trong túi áo của hắn còn mấy viên đạn sáng láng, không ai quên được nét mặt hắn trong chiều bên bếp lửa hồng. Nét mặt hắn lúc chết cũng như lúc sống, lúc nào cũng giữ được nét bình thường thoải mái, lúc này trông nó trẻ lại mấy tuổi, hai môi hở ra, đôi mắt nhắm kín ảm áp như một người đang ngủ bên gốc cây. Hạ sĩ Coa được đặt trên chiếc băng-ca chờ trực thẳng đến, miệng anh ta ngậm một miếng thuốc, có một vài vết máu ở miệng thấm lên. Bỗng hắn cười làm rung lạn vài bít mắt dày cộm :

— Tai tôi nghe được rồi... Nhưng đôi mắt thì chắc là mù.

Hắn thay đổi thể nằm :

— Nếu mà mù thật thì chắc tôi không dám về quê cũ nữa. Trong quân y viện có bộ mắt giả không ?

Hoàn lau mồ hôi cho hắn :

— Có, có bác sĩ nhãn khoa mà.

Hài chen vào :

— Khoa học sẽ giúp mày có đôi mắt không khác gì trời siab. Nhưng mày

HOA LẠ

Đoản thiên và ký ức của những nữ sĩ danh tiếng Pearl S. Buck, André Corthis, Bach Vi, Kikon Yamata, Alexandra Tolstoia, Stacy Aumonier, Katherine Mansfield, Viki Baum.

Xuất bản trong tủ sách *GIÒ BỐN PHƯƠNG*

Bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

không mù đâu. Chờ ít lâu sẽ lành. Mù cũng có số, để đầu gì.

Con gật đầu, đưa bàn tay ra lần lượt bắt tay những đứa ngồi quanh đó. Nét mặt Con lóe lên một tia hy vọng, tuy bụi bặm và vết thương đã làm cho hằn lạ hằn và tối đi. Miệng hấn lẩm bẩm : « ừ mù cũng có số ». Lúc đó, Tuất hiện ra giữa hai hòn đá lớn. Nó lùn và mập, quần áo, tóc tai trở thành một màu vàng rộm, chỉ còn hai con mắt xanh viền một vòng đỏ quạch. Miệng nó nở một nụ cười bày cả hàm răng vàng khè chưa súc miệng buổi sáng. Nó đưa cao một một cánh tay :

— Đây là một chiếc nhẫn tôi đã tịch thu trên một xác chết. Các bạn biết sao không, đây là mớ tóc của nó nữa. Nó là đàn bà trẻ con. Tôi đoán biết là nàng ta đã có con, con còn dại vì đôi vú của nàng cương đầy sữa. Nếu đụng đến thì chắc cơ sữa chảy ra, nhưng tôi không làm điều đó. Tôi không muốn xúc phạm đến nàng mặc dù là kẻ thù, tội đáng voi-chà-ngựa-trượng. Nàng không phải là người thương đau, nàng là người kinh, da nàng trắng toát như có đánh phấn. Trên mình nàng không

có một vết thương nào cả, miệng thì ngậm đầy sạn. Chiếc nhẫn này tôi phải dùng lưỡi lê cắt đứt ngón tay nó để lấy, ngón tay nàng búp măng thật tội nghiệp. Ngày nào về hậu cứ dưỡng quân, tôi sẽ bán để anh em ta cùng nhau. Vàng đưa này lên giá. Nhưng chuyên đó không quan trọng, bây giờ chúng ta đặt một câu hỏi đưa con nàng đang ở đâu? Kia, trực thăng đến. Thôi chúc anh Khiên, anh Vui, anh Thuận và anh Con về hậu cứ mạnh giỏi ..

Chiếc máy bay nhẹ chàng lao xuống làm bắn tung lên những ngọn lá, đất và mảnh quần áo rách. Phi hành đoàn toàn là Mỹ da đen, họ dăm dăm nhìn xác chết la liệt, có đứa ngỡ ngác và xúc động như được thấy lần đầu. Bọn lính di chuyển tấp nập chiếm lợi phẩm lên máy bay và sau đó là mấy xác chết đồng đội rồi hàng trăm bàn tay đưa lên vẫy khi máy bay đã lên cao. Sương tan hẳn và mặt trời nóng bỏng, bây giờ những xác chết kẻ thù nằm cong lại, dần dần đen điu như bị chết cháy. Thăng, Ngọan bây giờ mới lên tiếng :

— Sao chúng ta không chở xác Việt-cộng về ?

Tìm đọc : **PHỤ SINH**

Tác phẩm thứ 3 sau *Cải Láng*, Thăng Người
của **PHẠM QUỐC HÙNG**

- * Đề khóc và cười cho chính mình, bạn bè, quê hương một lần.
- * Đề ngắm những hoạn thiên của chiến tranh trên thân phận Việt-Nam.

KHAI PHÓNG xuất bản và phát hành

Có tiếng người phía sau :

— Chờ về ướp mắm hủ. Đờ điên.

Chuẩn úy Trung đội trưởng cắt ngang :

— Nếu đến bốn giờ chiều, thượng cấp không lên, ta lo chôn cất. Ở đây toàn là đá khó đào huyết, nhưng chúng ta cố gắng.

— Hay xua hết xuống suối. Chúng ta trả nó về cho hà bá.

— Không thể được, khi quan' chúng ta còn có đất để đào huyết.

Đến trưa, tiếng hát của Hải từ dưới thung lũng bay lên, nghe như tiếng hát từ một cõi không người :

“Sống với rừng già, râu người như... ư lông thú, trái tim người như... ư trái tim voi,..sống với rừng già nỗi buồn... như... ư ghềnh đá, cuộc đời như... ư.... ư... ư...”

oOo

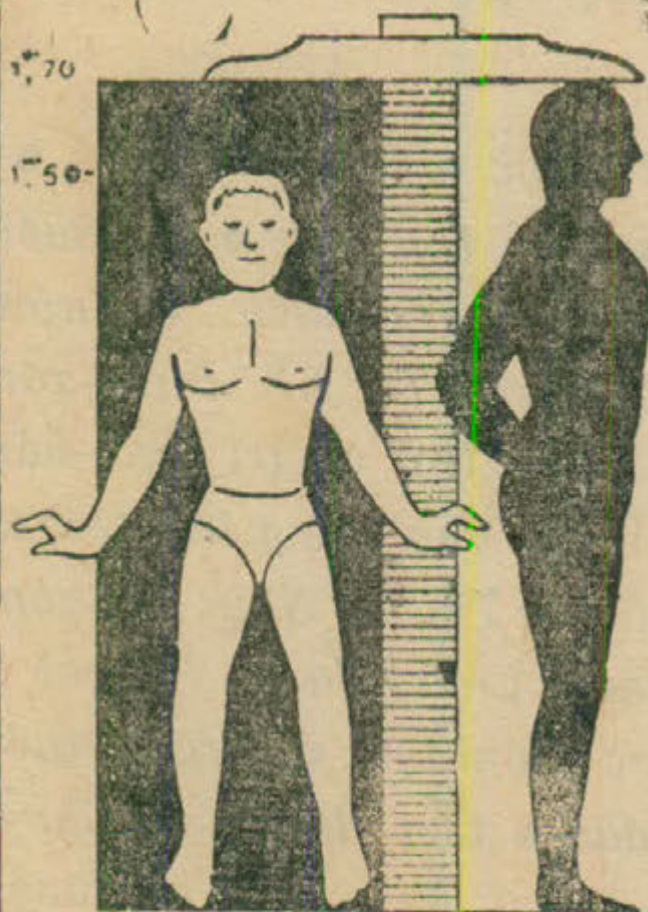
Có một con muỗi đòn xóc chổng đít chui vào da một xác chết hút máu. Không biết từ bao giờ nhưng bụng con muỗi còn xẹp...

HỒ MINH DŨNG

(Trích một đoạn trong Kinh Vực-Sâu)

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CŨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CŨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 KN 28 MBYTIQCPD

của người điên-ngu-thời-đại và người iều-điều-dám-
theo-Ngu đã cảm với thông, để thông với cảm, để nói
lên Tình với Nghĩa : Tình Non Nước, Nghĩa Vợ
Chồng, Tình Nhân loại, Nghĩa Tin Iêu; Tình Nghĩa...
Hòa bình; một món Nợ..., nợ Tình đôi lứa, nợ trại
Thanh niên tuổi Lồ-ồ (lò đục TNTP) để dự bị
"ngày gặp lại" cùng gop sức hàn gắn Non sông
rach nát; đợi đúng 15 năm mới trả, đó là :

«SUỐI BÙN REO»

hay 15 câu chuyện phụ nữ

do Thoại-Nguyên Nguyễn-Thị-Thoại-Dung và Ngu-Í Nguyễn-
Hữu-Ngư viết và nói ở một đài phát thanh ngoại quốc từ
5-VIII đến 25-XI-1955; bà Tùng-Long đề bạt, Tri đảng xuất
bản lần đầu. Ngoài 3.333 bản thường, còn in thêm 44 bản
giấy trắng mịn dành cho những người : ơn, bạn, thân, và
2 bản giấy láng hồng, ghi :

Lop Tơ Vàng ● Đình Thọ-lộc ● Quán Nam-bộ ● Lầu
Chào đón ● Giếng Đồng-có ● Trại Dục anh ● Bờ Suối-bùn
● Trong lòng sông Vệ ● Bên cầu Trà-khúc ● Sườn đồi
Nước-mặn ● Lâm li thụ Tụ-Tân ● Tổ XX Rừng-xanh ●
Máu và công lao Đục-hòa ● Hầm trại an trí Nghĩa-hành ●
Gánh rơm Đồng-cat ● Lầu vắng, ánh trăng trại Qui thuận
Hội-an với Buồn Vui lao con Gà ● Tủi và Nhục Sài-gòn... ●
Má dât thành Chà ● Mền khám Ca-Ti-Na ● Tết cải huấn
Tân-hiệp ● Đá rừng cat nước Hàm-tân ● Trăng Gió gác
Nhìn lên với tiếng Khóc ban đầu ● Con đường từ Chợ-quán
đến Biên-hòa (I, II). In xong tại nhà in Tri đảng, 21,
Nguyễn-Thiện-Thuật, Sài-gòn, d.n. 92.017, ngày 15-9-1970
(Trung thu năm Chó 70), phát hành ngày kỉ niệm 21 năm
MẶN-NGỌT-ĐĂNG-CAY-SÓNG-GIÓ của hai người...

Chương - trình Việt - nam - hóa dưới mắt một học giả Hoa - kỳ

(Tiếp theo trang 13)

Cũng giống như trước kia, xu hướng của Hoa-kỳ khi đứng trước một tình trạng yếu kém là dùng tiền và vũ khí để trám lỗ hổng. Nếu thất bại về chính trị, vấn đề can thiệp quân sự mới được đặt ra. Nếu Hoa-kỳ giữ lại lực lượng phi pháo ở miền Nam, việc can thiệp quân sự trở lại sẽ tương đối dễ dàng hơn.

Giai đoạn III.— Rút tất cả cố vấn đoàn cùng với các lực lượng chiến đấu. Đến giai đoạn này Hoa-kỳ sẽ rút hết tất cả cố vấn đoàn về nước kể cả các lực lượng yểm trợ phi pháo. Việc rút đó là căn cứ trên điểm Việt-nam Cộng hòa không còn cần đến sự giúp đỡ nữa. Hoa-kỳ tự coi như là đã « thắng trận » dù là tạm thời.

Việc giao thiệp giữa Hoa-kỳ và Việt-nam Cộng-hòa lại trở lại hồi trước 1961, trước khi chính quyền Kennedy gửi cố vấn và phi pháo sang Việt-nam. Mặc dầu trong tương lai khó có thể có sự tốt đẹp như vậy nhưng chúng ta cũng cứ thử tìm hiểu trong giai-đoạn cuối cùng của chương trình Việt-hóa, sự việc sẽ tiến hành ra sao.

Hoa-kỳ chắc chắn vẫn còn phải viện trợ cho Việt-nam Cộng-hòa. Trừ khi Cộng-sản hoàn toàn biến mất (một sự kiện khó có thể tin được), Việt-nam Cộng-Hòa vẫn còn cần phải giữ một lực lượng quân sự đáng kể trong một thời gian nữa.

Một số lớn quân trang quân dụng,

mà Hoa kỳ viện trợ từ trước và vẫn còn tiếp tục trong chương-trình Việt-hóa, cần phải được giữ vững và thay thế. Hoa-kỳ vẫn còn phải đổ vào Việt-nam một số lượng đáng kể dụng-cụ trong một tương lai không hạn định để tránh khỏi phải đưa quân vào một lần nữa.

Việt-nam Cộng-hòa càng có những cố gắng về quân sự bao nhiêu thì tất càng cần đến viện trợ kinh tế Mỹ bấy nhiêu để làm cho nền kinh tế Việt-nam khỏi suy sụp hơn nữa. Và lại nhu cầu kiến thiết hậu chiến cũng cần phải được viện trợ bổ túc. Thành ra vấn đề viện trợ kinh tế và quân sự đó lại tạo nên nhiều cơ-quan viện-trợ ở Việt-nam. Lúc ấy sẽ có hàng trăm hàng ngàn chuyên-viên Mỹ kể cả quân-sự lẫn dân-chính sẽ được giữ lại ở Việt-nam.

Vi thiếu một căn-bản thỏa-hiệp nên Hoa-kỳ luôn luôn phải chú trọng đến vấn đề an ninh của Việt-nam Cộng-hòa. Chính phủ Việt-nam Cộng-hòa rất có thể sẽ đòi những bảo đảm quốc tế song phương hay đa phương tối đa trước khi Hoa-kỳ rút hết quân. Hiệp-định Genève 1954 không còn thể áp dụng được nữa và người ta khó có thể làm cho nó sống lại nếu không có một thỏa hiệp quốc-tế mới. Dư luận, quốc-hội và chính giới Hoa-kỳ có thể sẽ chống lại một sự can thiệp sâu hơn nữa vì e sẽ phải đem quân chiến đấu trở lại. Thái độ của chính phủ Mỹ sẽ ra sao? Chẳng lẽ lại hy-sinh Việt-nam Cộng-hòa sau

khi đã « thắng trận » ? Hành động đó sẽ khuyến khích Cộng-sản tiếp tục chiến đấu sau khi Mỹ rút lui.

Với chương-trình Việt-nam-hóa tiến hành thuận lợi, người ta phải đi đến kết luận là khả năng quân sự và đe dọa chính-trị của Cộng-sản đã bị suy kém đi rất nhiều nhưng người ta không thể vội kết-luận là Cộng-sản không còn khả năng quân-sự và chính-trị nào nữa và đành phải bỏ cuộc. Tất nhiên Hà-nội có những quyền lợi ở miền Nam còn sâu xa hơn quyền lợi của Hoa kỳ. Nếu Hoa-kỳ sẵn sàng đi thì Cộng-sản lại không sẵn sàng bỏ.

Đến giai-đoạn rút lui này của Hoa-kỳ, Cộng-sản có thể sẽ dần dần gia-tăng áp-lực. Rất có thể hiện nay Cộng-sản đã tính tới chuyện án-bình đề mặc cho Hoa-kỳ, rút lui hết các lực lượng, kể cả lực lượng cố-vấn, lực lượng của Cộng-sản được bảo toàn dành cho cuộc chiến đấu tương-lai.

Nếu Hoa-kỳ cứ tiếp tục hiện diện để bảo vệ sự sống còn của Nam Việt-nam thì chắc chắn Hoa-kỳ không thể nào đứng ra ngoài cuộc chiến tương-lai-được.

Qua sự suy luận trên, ta thấy thái độ của chính phủ Nixon là một thái độ nước đôi, vừa đẩy mạnh chương-trình Việt-hóa, vừa tiếp tục hòa-đàm.

Nhưng trong thâm tâm, thì Tổng-thống Nixon, cũng như Tổng-thống Johnson, đều muốn « thắng » trong cuộc chiến tranh Việt-nam nghĩa là cố làm cho một chính phủ không Cộng-sản có thể đứng vững ở Saigon sau khi Hoa-kỳ rút lui. Bởi thế cho nên dù Tổng-thống Thiệu có chống lại mọi thỏa hiệp trong cuộc hòa-đàm Paris và mọi mưu toan liên-hiệp Hoa-kỳ vẫn tiếp-tục ủng

hộ ông, Đứng trên khía cạnh đó, chương-trình Việt-hóa chỉ là một chiến-lược để thắng trận.

Các thương-thuyết-gia Hoa-kỳ hiện đang đứng trước một thực-trạng là Hoa-kỳ không thua nhưng cũng không thể thắng được trước một kẻ thù rất quyết tâm.

Lào là một chiến-trường phụ của cuộc chiến Việt-nam. Cộng-sản làm áp-lực với Hoa-kỳ bằng cách dùng đất Lào làm đường tiếp tế và xâm nhập miền Nam. Thỏa-hiệp được ở Lào mà vấn-đề Việt-nam chưa được giải quyết tức là l m cho miền Nam càng bị nguy hiểm thêm. Mặt khác, nếu chưa có thỏa-hiệp ở miền Nam thì chắc chắn Cộng-sản cũng chưa muốn tiến tới thỏa-hiệp ở Lào. Vậy muốn tiến tới một thỏa-hiệp ở Lào trước hết cần phải có một thỏa hiệp ở miền Nam Việt-nam đã.

Ở Kampuchia, Hoa-kỳ lãnh hai trách-nhiệm : bảo vệ miền biên-giới và che chở cho chế-độ Lonol. Hoa-kỳ sẽ khó cời bỏ những trách-nhiệm đó nếu cuộc chiến Việt-nam còn tiếp tục.

Vì những lúng túng đó mà chương trình Việt-hóa sẽ không thể làm cho Hoa-kỳ có thể rút lui êm thấm trong một thời gian, nếu Hoa-kỳ không tiến hành nó song song với việc thương-thuyết.

Hoa-kỳ khó mà có thể làm khác được. Việt hóa là để thực-hiện những điều mà cố Tổng-thống Kennedy đã nhấn mạnh mà Tổng-thống Johnson đã không nghe theo khi leo thang chiến tranh. Đó là: cuộc chiến Việt-nam chỉ có thể thắng

được do người Việt-nam. Cái nguy-hềm chính là ở chỗ cho rằng Việt-nam-hóa có thể giải quyết mọi vấn-đề đề đi đến chiến-thắng.

Nếu Hoa-kỳ bỏ quan-niệm cho Việt-nam-hóa là một phương tiện để thắng trận, mà chỉ coi Việt-nam-hóa nằm trong một đường lối chung, trong đó có hòa-đàm, thì Việt-nam-hóa có thể tạo điều-

kiện cho một dàn xếp chính-trị ở miền Nam.

Trong hoàn cảnh đó, giới chính-trị của miền Nam phải biết rõ lập-trường của Hoa-kỳ đối với vấn-đề Việt-nam-hóa để kịp thời chuẩn-bị khi quân Mỹ rút lui và giảm bớt viện-trợ để tiến tới một thỏa-hiệp...

VIỆT PHƯƠNG

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

- *Bạn là điều hâu !
Bạn có bồn phận đoc*

THÀNH - CAT - TƯ - HÃN

- *Bạn là bồ câu ?
Bạn có nhiệm vụ đoc*

THÀNH - CAT - TƯ - HÃN

Bạn không phải là điều hâu, cũng không phải là bồ câu, bạn đứng qua bên, đứng trên, đứng giữa, hay đang tìm một đường lối thứ ba; bạn thích tìm tòi, bạn ưa giải trí. Bạn lại cần đoc :

THÀNH - CAT - TƯ - HÃN

do Nguyễn - Trọng - Khanh viết

Vì nó là một tập sử liệu chính xác, vì nó là một phim hấp dẫn, vì nó giúp ta hiểu thêm một dân tộc đã làm thế giới ngán vì Máu vì Lửa nhưng lại ngán dân tộc Việt mình, vì nó khiến những ai chuộng Chiến tranh phải ngán ngở và những ai yêu Hòa bình phải ngĩ ngợi.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành.

(21 Nguyễn-Thiện-Thuật, Sài-gòn — D.n. 92017)

Gần 20 năm trường phụ giúp cho người, nay cô giáo trường Mẫu giáo đầu tiên xứ Quảng ấy mới làm chủ được một trường tư sơ cấp con con, với lớp Mẫu giáo nho nhỏ, mang tên mẹ chồng và mẹ mình :

MĨ - TIẾN

102-104/1B Nguyễn-Trãi, Sài-gòn, Chợ-quán (Bàu-sen)

do NGUYỄN-THỊ-THOẠI-DUNG điều khiển

với những kinh nghiệm ở trường Mẫu giáo *Họa mi* với các lớp *Tơ vàng*, *Cánh nhung* (thị xã Quảng-ngãi, 1943-45), lớp Mẫu giáo *Nguyễn-Hiến Lê*, (Tân-định, 1953-57) và ở trường *Rạng đông* (Bàn-cờ) 1952-1959),

Với tất cả tấm lòng thiết tha với Trẻ, với sự chung sức của một nhóm bạn yêu Ngè « HOÀNG-DUNG-THÚI-FUỢNG » và với cái gọi là sự cố vấn tối...Thập của Qach-Sei Nguyễn-hữu-Ngư :

*Ai xui gặp và nào ai toan tính,
Chuyện trẻ con bàn tính với lòng Sơn. 1947*

(Có những bài thơ, 1)

Thời sự thế - giới

I U - T R I

Tình hình Trung-Đông càng ngày càng trở nên trầm trọng từ khi các quốc gia liên hệ tại vùng này chấp nhận hưu chiến và thương thuyết. Các người tỵ nạn Palestine đã mở một chiến dịch phá các nỗ lực hòa-bình khiến các quan-sát-viên tỏ ra hết sức e ngại không hiểu cuộc hưu chiến có mang lại kết-quả tốt đẹp như người ta mong muốn không.

Trong khi đó tại Chí-lợi cuộc phổ-thông đầu phiếu đã đem lại sự đắc cử Tổng-thống cho một thương-nghị sĩ Mác-Xít khiến dân chúng nước này tỏ ra hết sức lo ngại.

Âm-mưu phá-hoại hòa-bình tại Trung-Đông

Hơn một tháng trời sau khi các quốc gia Do-thái và Ả-rập bằng lòng ngưng chiến để đi tìm cách hòa-giải, người ta có cảm-tưởng rằng các hoạt-động của các nhà ngoại-giao càng ngày càng trở nên vô ích. Tại Nữu-ước sau khi các đại-diện Do-thái, Ả-rập và Jordanie tiếp xúc riêng biệt, thì các chính-phủ của họ vẫn chưa trả lời những điều-kiện của mỗi bên. Ai-cập vẫn tiếp tục chuyển các hỏa-tiến SAM-1 và SAM-2 vào các vùng phi quân-sự dọc theo kênh Suez. Do đó, tại Tel-Aviv càng ngày người ta càng nói tới một cuộc chiến tranh giữa địch để phá hủy các giàn hỏa-tiến của Ai-cập. Sau nhiều ngày từ chối không chịu nhận sự thật, Hoa-thịnh-đốn đã phải công nhận rằng

Ai-cập vi-phạm hưu-chiến và kêu gọi Nga - xô và Ai-cập phải ngưng những hoạt động quân - sự này.

Trong khi chờ đợi, chính phủ Hoa-kỳ đã cố gắng trấn-an Do-thái bằng cách hứa sẽ gửi sang cho Do-thái 18 phản-lực-cơ Phantom từ nay đến cuối năm và những hệ-thống điện-ử để theo dõi các hoạt động của Ai-cập. Đại-sứ Do Thái Tekoah, sau khi hội-kiến với ông Gunnar Jarring, liền trở về nước để xin chỉ-thị, hiện nay cũng vẫn chưa trở lại Nữu-ước vì chính-phủ Do-thái không tỏ ra sẵn sàng thương-thuyết.

Trong khi các quốc-gia liên-hệ còn làm khó khăn thì quân đội giải-phóng Palestine lại càng ngày càng hoạt-động mạnh mẽ phá hoại các nỗ-lực hòa-b nh. Ngay sau khi tin hưu-chiến được loan báo các lãnh-tụ cảm-tử-quân Palestine đã tuyên bố là những quyết-định của các chính-phủ Le Caire và Amman không ràng buộc họ và họ sẽ tiếp tục chiến đấu.

Cuộc chiến đấu của quân-đội giải phóng Palestine được tiếp tục trước hết bằng một chiến dịch cướp máy bay đại qui-mô. Họ đã bắt 4 chiếc máy bay hàng không dân sự của Mỹ, Anh, Thụy-sĩ, Do-thái phải hạ cánh tại các phi-trường mà họ kiểm soát. Các hành khách bị bắt giữ làm con tin. Họ đã gửi tới hậu thư cho các quốc-gia có máy bay bị bắt để buộc các nước này phải thả những thủ phạm của các vụ cướp máy bay đã bị bắt và những người Ả-Rập đang bị Do thái cầm giữ. Nếu không họ sẽ hạ sát

tất cả các con tin đang ở trong tay họ. Một âm mưu cướp máy bay hãng hàng không Do-thái El Al đã bị thất bại và một nam thủ phạm bị bắn trọng thương đang nằm điều trị tại Luân-đôn trong khi một nữ thủ phạm bị bắt sống. Đó là cô Leila Khaled, một thần tượng của những người tỵ nạn Palestine đã từng có thành tích cướp máy bay cách đây hơn một năm. Vụ cô Leila Khaled bị bắt đã khiến cho phe cầm tử quân Palestine trở nên cứng rắn hơn và Hội Hồng-thập-tự quốc-tế đang phải nỗ lực xin thả các hành khách bị bắt làm con tin trong đó có nhiều đàn bà trẻ con đang bị đối xử rất tệ.

Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, có nhiều hội viên Ả-rập như Syrie đã đồng thanh lên án những vụ cướp máy bay này và đòi thả ngay các con tin nhưng phe Palestine vẫn không nhượng bộ. Những vụ cướp này đã khiến họ bị mất nhiều thiện cảm của các dân-tộc trên thế-giới.

Nhưng trầm trọng hơn nữa là cuộc nội chiến tại Jordanie. Đề phản-ứng lại với việc chính-phủ Jordanie chấp nhận kế-hoạch hòa-bình Rogers các người Palestine đã âm mưu ám sát Quốc-vương Hussein một lần nữa. Thoát chết, quốc-vương đã tỏ ra hết sức cứng rắn và quyết định phản công. Ông đã gọi các đơn vị quân đội thuộc bộ-lạc Bédouin, trung thành với ông, về thủ-đô Amman và đồng thời lập một chính-phủ quân-sự.

Trước thái-độ này quân cầm-tử

Palestine đã tấn công các vị-trí quân-đội hoàng-gia và cuộc nội-chiến đã bùng nổ kh ểa cho số thương vong lên tới hàng ngàn người. Chính-phủ Hoa-kỳ đã rút hết Mỹ-kiều ra khỏi Jordauie và ra lệnh cho Đệ-lục hạm đội trên Địa-Trung-hải tiến về phía Jordanie. Nhưng chính-phủ Irak đã đe dọa gửi quân sang can thiệp tại Jordanie và chính-phủ Syrie đã đưa quân sang yểm-trợ cho quân Palestine. Hội-đồng Liên-minh Ả-rập đã nhóm họp đề kêu gọi ngưng chiến trong khi Tổng-thống Syrie Attassi đã cảnh cáo Hoa-kỳ là sẽ truất hết quyền lợi của Hoa-kỳ ở Trung-Đông nếu Hoa kỳ cho đồn bộ lên Jordanie. Nhưng tin cuối cùng cho hay quốc vương Hussein đã cùng Arafat lãnh tụ cầm tử quân Palestine đã ký kết đình chiến ngày 27-9 vừa qua tại hội nghị thượng đỉnh các nước Ả-rập tại thủ-đô Ai-cập.

Chính những nỗ-lực ngoại-giao để tái lập lại hòa-bình ở Trung-Đông, lại càng đe dọa đưa vùng này đi sâu thêm vào con đường chiến tranh!

**Một vị Tổng-thống mác-xít
tại Chí-lợi**

Cách đây 10 năm chủ-nghĩa mác-xít đã xuất hiện bằng bạo lực tại Mỹ-châu với cuộc Cách-mạng của Fidel Castro ở Cuba. Hiện nay chủ-nghĩa này lại xuất-hiện tại Chí-lợi, một quốc-gia Mỹ-châu khác, với phương-thức dân-chủ và ôn hòa là phổ-thông đầu phiếu.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Chí-lợi là một nước duy nhất tại Mỹ-châu la-tinh tôn trọng các cơ-chế dân-chủ. Trái lại với các nước láng giềng, Chí-lợi không bao giờ dùng đảo-chính quân-sự để thay đổi tập-đoàn cầm-quyền. Năm nay ông Eduardo Frei, sau hai nhiệm-kỳ Tổng-thống không còn có quyền được tái ứng-cử tiếp theo lần thứ ba, nên ba ứng-cử viên Tổng-thống kỳ này là ông Jorge Alessandri thuộc hữu-phái, Thượng nghị-sĩ Salvador Allende, ứng-cử-viên của các đảng Cộng-sản và Xã-hội, và ông Radomiro Tomić, ứng-cử-viên của đảng Dân - chủ Thiên - Chúa - giáo

Kết quả bầu-cử là ông Allende về nhất với 36,3% tổng số phiếu, ông Alessandri về nhì kém Allende 40.000 phiếu. Theo hiến-pháp chí-lợi nếu không ai có đa số quá bán thì Quốc-hội lưỡng-viện sẽ phải nhóm họp để chỉ-định một Tổng-thống vào cuối tháng 10 tới.

Trong khi chờ đợi quyết-định của Quốc-hội các ứng-cử-viên đang hoạt động mạnh để xin phiếu. Tuy ông Radomiro Tomić đã chính thức lên tiếng ngợi khen Thượng-nghị-sĩ Allende nhưng người ta không biết đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo có dồn phiếu cho ông Allende không. Để chặn ông Allende, ông Alessandri cũng đã vận động xin phiếu đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo và ông hứa là sau khi đắc cử Tổng-thống, ông sẽ từ chức để nhường cho ông Frei lúc đó sẽ lại có quyền ra ứng cử.

Nhưng dân chúng Chí-lợi đã bị mất tinh-thần vì những biện-pháp mà ông Allende đề-nghị như quốc-hữu-hóa các ngân-hàng và các ngành sản-xuất. Nhiều người đã đua nhau gửi tư-bản ra ngoại quốc và đang tính chuyện di-cư. Các công-ty Mỹ cũng đã quyết-định gọi nhân viên về và chính-phủ Mỹ cũng tỏ ra lo ngại cho quyền lợi của họ vì tổng số tiền đầu tư của Hoa-kỳ tại Chí-lợi lên tới 950 triệu Mỹ-kim tức là 90% số đầu tư của họ ở Mỹ-châu la-tinh.

Chính phủ Hoa-kỳ và dân chúng Chí-lợi có nhiều lý-do để lo lắng cho tương lai vì từ khi chiếm được hàng đầu trong cuộc bầu cử, ông Allende luôn luôn được nhiều đám đông đón tiếp trong một rừng cờ đỏ và biểu-hiệu búa-liềm để hoan-hô «đồng chí Tổng-thống».

Ông Allende phải yêu cầu những người ủng-hộ ông bớt nồng nhiệt đi vì ông sợ phản-ứng bất lợi của Quốc-hội cũng như của Hoa-kỳ. Nếu ông được Quốc-hội chỉ-định thì nền dân-chủ Chí-lợi sẽ bước vào một giai-đoạn mới. Nếu ông tiếp tục được giữ chức vụ Tổng-Thống thì Chí-lợi sẽ đi tới chỗ xích-hóa, nhưng nếu ngược lại, quân đội Chí-lợi nổi dậy lật ông thì Chí-lợi sẽ lại phải đối phó với độc tài quân phiệt ngược hẳn với truyền thống dân-chủ của Chí-lợi từ trước tới nay vẫn được tôn trọng.

TỪ TRÌ

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỒ PHÔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA - LAN

Đạo Phật Ngày Mai

của NHẤT HẠNH

- * Một cuốn sách khiến Phật tử thao thức mất ngủ
- * Một gáo nước lạnh dội vào cái tự hào tự phụ của người Phật-tử.
- * Một cánh cửa hé cho Phật tử thấy nguy cơ của sự tận diệt nhân loại và chính pháp.

Lá Bối xuất-bản và phát-hành

Nhà sách xin viết thư về Lá-Bối 120 Nguyễn-Lâm Cholon

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất-bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập-thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN: Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn-nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện-nghỉ, thanh-lịch.

Nhập khóa : 1/10, 1/11, và 1/12

THỜI SỰ KHOA HỌC

Tư chiến tranh Việt-Nam đến phương-pháp khám phá ung-thư

Chiến trường miền Nam từ bấy lâu nay đã là nơi thử thách cho những tiến bộ mới mẻ nhất của khoa học và kỹ thuật. Trừ phòng tuyến điện-tử Mac-Namara, những viễn-vọng-kính «mắt ó» có thể nhìn xuyên qua bóng đêm, đến những máy điện-tử dò tìm hơi nóng..., quân đội Mỹ đang lợi dụng triệt để nền khoa học tân tiến của họ để tìm ra dấu tích của những kẻ vô hình.

Người ta khó có thể tưởng tượng được từ trên một phi cơ bay cao hàng mấy ngàn thước, máy điện-tử có thể ghi nhận được sức nóng phát ra từ trên đầu một chiếc thuốc lá của địch đang lần trốn trong những cánh rừng âm u của miền Nam-Việt. Hơi nóng của một số đông người tụ tập ở bên dưới cũng đủ để cho toán quân bị phát giác. Đến lượt họ, kẻ địch không ngờ đang bị những con mắt vô hình, một thứ «thiên lý nhãn» theo dõi.

Trong lúc đó thì ở tại những bệnh viện tối tân, máy dò tìm hơi nóng đang được dùng để khám phá những tế-bào ung-thư ẩn núp trong cơ-thể. Phương pháp mới mẻ được mệnh danh là *Nhiệt-đồ* (Thermography), một kỹ thuật nhằm biến sức nóng thành những bức hình màu, mỗi màu tương ứng với một nhiệt độ khác nhau — như màu cam, đỏ, tương ứng với những nhiệt độ cao; màu vàng, xanh lá cây cho nhiệt

độ trung bình; màu tím, xanh và màu đen là những màu thích hợp với nhiệt độ thật thấp. Bức nhiệt đồ đầy màu sắc này có thể là của một động vật đang đầy sức sống, có thể là của một tinh vật. Nguyên tắc của nó là những nguyên tử cấu tạo nên vật chất, bất cứ là thứ vật chất nào, đều luôn luôn ở trạng thái di động và do đó luôn luôn tạo nên một mức nhiệt-lượng nào đó. Nếu mức nhiệt lượng này cao như trong trường hợp vật bị đốt nóng vật sẽ trở nên đỏ và nóng mà thị giác và xúc giác của chúng ta có thể ghi nhận được. Ở một mức độ thật thấp, nhiệt lượng phát ra dưới dạng những phóng xạ hồng-ngoại. Nhiệt-đồ dùng để khai thác những tia phóng xạ này, phóng đại nó lên tới một mức cao hơn và chuyển biến nó thành những màu sắc tương ứng trên phim ảnh. Chẳng hạn như trong trường hợp ung-thư, những hoạt động biến dưỡng của mô bệnh bên dưới tăng lên so với những mô bình thường chung quanh cho nên trên nhiệt đồ vùng bị ung thư sẽ có màu đỏ hoặc màu cam khác biệt với các màu vàng hoặc xanh của các mô bình thường. Thủy-điện là nước đầu tiên áp-dụng phương pháp nhiệt-đồ vào chương trình khám phá bệnh ung-thư vú.

So sánh với những phương-pháp cũ như quang tuyến X... nhiệt-đồ có lẽ là một phương pháp an toàn nhất, hoàn toàn không gây một ảnh hưởng gì vào cơ thể bệnh nhân. Nhiệt-đồ có thể phát giác những mầm mống ung-thư còn ở giai-đoạn đầu tiên, trong lúc quang-

tuyến X chẳng giúp ích được gì. Nó có thể cao thấy rõ ràng sự cung cấp máu cho tế-bào não bị giảm sút, giúp sớm định bệnh kinh phong sẽ xuất hiện sau này. Trong sản khoa, nó xác định được vị trí của lá nhau trong tử cung mà người sản-phụ mà không gây ra một nguy hiểm nào cho thai nhi.

Nín «tè» một thói quen nguy hiểm

Bà Nghị Thoa đã có lần tuyên bố rằng bà đã nín «tè» hơn 24 tiếng đồng hồ mà vẫn có thể đăng đàn diễn thuyết đề bình vực quyền lợi của cử-tri của bà. Nếu bà đi hỏi ý kiến một vị bác sĩ thì chắc bà sẽ không còn tuyên bố một điều nguy hiểm tới sức khỏe của chính bản thân bà như thế nữa.

Từ lâu nay, con số nữ bệnh-nhân bị các chứng nhiễm trùng ở đường tiết-niệu vẫn luôn luôn luôn cao hơn số nam bệnh-nhân mà các nhà tiết-niệu-học không thể giải-thích được tại sao. Câu trả lời không ngờ lại hết sức giản-dị : bác sĩ Jack Lapides của Viện Đại-học Michigan cho rằng nguyên nhân là tại đàn bà ít chịu khó đi tiểu bằng đàn ông — một thói quen do ảnh-hưởng của xã-hội và văn hóa hơn là do một ảnh hưởng sinh-lý.

Đàn ông mà đi tè thì thật là khoái trá! Lúc nào đi cũng được, chỗ nào

đi cũng xong. Đàn bà thì trái lại còn phải e dè, tìm cho ra một chỗ kín đáo, rồi mới ngồi xuống mà tè được! Bởi vậy đàn bà, ngay từ lúc còn cắp sách đến trường đã có cái khuynh hướng càng ít tè càng tốt. Nước tiểu bị ứ đọng lại trong bàng quang làm cho thành bàng quang bị căng ra, mỏng hơn, có ít máu tới nuôi dưỡng, sau cùng sẽ bị yếu đi và do đó dễ bị nhiễm trùng. Bệnh có thể lan rộng tới thận và là một trong số những chứng nhiễm trùng khó chữa nhất.

Lapides đưa ra nhiều con số thống kê có ý nghĩa. Hơn 30% các cô gái đều có thói quen nín tè và khi qua tuổi 16 họ đều bị rối loạn về bộ máy tiết-niệu. Ông bác-sĩ này có một lời khuyên rất thực tiễn: các bà, các cô phải chịu khó đi tè đều đều 2 tiếng đồng hồ 1 lần.

Nghệ-thuật phá thai

Nữ-ước đang trở thành thủ đô phá thai của nước Mỹ và cho cả thế giới. Đây là tiểu bang đầu tiên của Mỹ mà một đạo luật cho phép phá thai tự do đã được ban hành. Người ta ghi nhận đã có hàng ngàn sản phụ từ nơi khác tới nơi này để phá thai. Những trung-tâm phá-thai đặc-biệt đang được thành lập tại Nữ-ước để cung-ứng cho số nhu cầu đang mỗi ngày mỗi tăng dần.

HOÀNG TRÚC LY

TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

Quyền sách giá trị dành cho mọi gia đình

bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Trong vòng 12 tuần-lễ đầu của thai kỳ, sự phá thai được thực hiện bằng cách nới rộng cổ tử-cung hay nạo tử-cung. 4 tuần sau sự phá thai trở nên nguy hiểm vì hậu chứng xuất huyết và thủng tử-cung. Sau tuần lễ thứ 16, thai được trục ra bằng cách tiêm một dung dịch muối vào lòng tử-cung.

Phương pháp phá thai nhanh chóng nhất là của bác sĩ Michael Bergman ở bệnh viện Manhattan. Cuộc giải phẫu chỉ kéo dài trong vòng vài phút, không cần dùng tới thuốc mê và đôi khi còn không cần tới thuốc tê. Dụng cụ chỉ

giảm đi có một cái ống hút bằng chân không, nhỏ hơn kiểu vẫn dùng trong bệnh viện. Hai giờ rưỡi sau, sản phụ có thể bình yên về nhà.

Chỉ riêng ở bệnh-viện của Bergman, trong vòng 2 tháng, từ tháng 7 tới tháng 9, ông đã thực hiện 360 vụ phá thai theo phương pháp này. Trong 15 bệnh viện công ở Nữu ước, mỗi ngày có 120 vụ phá thai và hầu hết các bệnh viện đều bị tràn ngập vì số thân chủ quá đông. Thuốc ngừa thai coi bộ hết thời!

TỬ DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Hoạt động của các nhà xuất bản : Thái độ

Thế-Uyên, người chủ trương nhà xuất bản Thái-độ, có lẽ là kẻ hành nghề cực nhất trong ngành xuất-bản tại Thủ đô. Sống như một dân du-mục giữa thành phố xa hoa này, ít khi anh được có một chỗ ở nhất định cho bạn bè lui tới, vì anh luôn luôn bị đuổi nhà, tháng này còn lưu lại ở nơi đây thì tháng sau đã phải dọn đồ đi nơi khác...

Tuy vậy, hầu như mỗi năm trong dịp phát hành một hay vài tác phẩm mới in xong, Thế-Uyên vẫn cố tổ chức cho được một cuộc họp mặt các anh em nhà văn, nhà báo, nhà xuất bản... để giới thiệu sách mới. Năm nay mặc dầu xuất bản báo nguy, kinh tế kiệt ỨC, Thế-Uyên vẫn mời được các bạn văn nghệ sĩ họp mặt tại quán «Hầm Gió» 8 giờ tối ngày 26-8-70 để cho ra mắt tác phẩm thứ 2 của nhà văn Thái Lãng «*Trong một ngày của một người*» Thái-độ xuất bản.

Cuộc họp mặt được rất đông các nhà văn, thơ, nhạc, hưởng ứng.

Sau khi Thế-Uyên giới thiệu tác phẩm và tác giả, đêm họp mặt được thêm phần vui vẻ nhờ các bạn nhạc sĩ Triệu Công Sơn, Miên Đức Thắng, Vũ Thành An, Hoài Nam trình bày những nhạc phẩm của mình. Đặc biệt trong dịp này, nhạc sĩ Phạm Duy cũng trình bày lần đầu tiên trước đông người mấy bài «Tục ca» (bài hát có lời ca rất tục) mà anh mới sáng tác được trong mấy tháng gần đây và nhà văn Đặng Trần Huân cũng lên kể mấy câu chuyện «Cầm đàn bà» được cả đàn ông lẫn đàn bà phá lên cười thích thú.

Lá Bối

Nhà Lá Bối mới cho ra cuốn *Sử ký của Tư-Mã-Thiên* do Giản-Chi và Nguyễn Hiến Lê giới thiệu, trích dịch, và chú thích, dày 840 trang, giá 300đ, trình bày và ấn-loát đẹp. Đặc biệt có trên 100 trang giới thiệu : thời đại và tiểu sử của Tư Mã Thiên ; Các bộ xử

có trước *Sử ký* và nội dung bộ *Sử-ký*; Phương pháp, tư tưởng và bút pháp của Tư Mã Thiên và ảnh hưởng bộ *Sử ký* đến các đời sau... Tuy là cuốn sách công phu và giá trị nhưng với giá 800đ ai cũng lo ngại là sách sẽ bán chậm. Nhưng kết quả trái lại sách lại bán nhanh so với những cuốn khác cũng do nhà Lá Bối xuất bản. Một quán sách, mỗi kỳ có sách mới của nhà Lá Bối xuất bản, lúc này chỉ lấy chừng 30 cuốn và 1 tuần sau mới lấy thêm. Nhưng kỳ ra cuốn « *Sử ký của Tư Mã Thiên* » quán này lấy ngay 100 cuốn rồi 3 ngày sau đã lấy thêm rồi. Như vậy sách giá trị, bán có cao giá, cũng không sợ bị tiêu thụ chậm. Các nhà xuất bản cứ vững tâm mà hoạt động.

Một cuốn sách khác của nhà Lá Bối cũng gây ngạc nhiên, nhưng về phương diện khác. Đó là cuốn *Đạo Phật ngày mai* của Thượng Tọa Nhất Hạnh. Khi sách được xuất bản người ta thấy tên tác-giả ở ngoài bìa đề là *B' u Danglu*, một cái tên Thượng ! Hỏi ra mới biết là Phối hợp Nghệ-thuật buộc nhà xuất bản không được đề tên Nhất Hạnh, (mặc dầu sách viết về Phật-giáo) và phải đổi lấy cái tên kỳ dị như trên. Còn kiểm-duyet sách lúc này đã là làm một chuyện vi hiến (Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục vừa khuyến cáo) mà lại còn buộc phải đổi tên tác-giả nữa thì những người chỉ-

huy sở P.H.N.T. nghĩ mình đang sống ở thời-đại nào của Tư Mã Thiên chẳng mà có sáng kiến độc đáo đề áp bức một cơ-sở văn-hóa như vậy?

Trí Đăng

Một nhà xuất bản mới trình làng có tên là Trí-Đăng. Nhà Trí Đăng đã cho ra mấy tác phẩm: *Sơn lâm êm đềm* (truyện dịch của L.Tolstoi.) *Thành-Cát-Tur-Hân*, *Câu chuyện thầy trò...*

Chuyện đáng nói là « *Câu chuyện thầy trò* » của Huỳnh-Phan. Huỳnh-Phan là một cây bút trẻ viết về giáo dục mà một số đồng bạn đọc Bách Khoa rất ưa thích vì tác giả dám nói thực và nói hăng say... Sách ra tuy đã được nhiều cây bút điềm-sách ở các báo nói tới với nhiều thiện cảm nhưng các nhà phát-hành vẫn lắc đầu cho là « *Sách đạo đức quá, sợ bán không chạy* ». Nói « *đạo đức* » trong một xã hội suy đồi đã đành chẳng có mấy người nghe, nhưng sự suy đồi của xã-hội chúng ta hiện nay đâu đã đến mức bi đát như vậy, khi mà « *Sử-ký của Tư Mã Thiên* » vẫn còn bán nhanh hơn nhiều cuốn sách khác và « *Đạo Phật ngày mai* », mặc dầu của B' u Danglu, cũng vẫn chạy nhanh gần được bằng « *Cậu Chó* ».

« *Câu chuyện thầy trò* » chính là cuốn sách của mọi người đang làm Thầy và làm Trò. Không những nó chứa đựng những phê phán chân xác, tha thiết nhất của

Bách Khoa đóng tập

Trọn bộ từ 1957 đến 1969, thiếu các số: 9, 12, 28, 70, 81, 95. Giá 9000đ00.

Hỏi tại Tòa soạn Bách Khoa: 160 Phan đình Phùng — Saigon.

tuổi trẻ về "người lớn" và về chính mình, mà sự xuất hiện của cuốn sách còn là một dấu hiệu báo trước một giai-đoạn mới : giai-đoạn tuổi trẻ nỗ-lực ngoi lên từ vùng rã rời mệt mỏi để bắt đầu lại. Dấu hiệu này thật đáng để mọi người suy gẫm...

Nhà xuất bản Trí Đăng sắp cho ra tiếp "15 câu chuyện phụ nữ" của anh chị Ngu Í lấy tên là *Sưởi bùn reo*. Sách của Ngu Í tất nhiên có nhiều cái lạ, sẽ xin nói đến trong kỳ tới.

Bút Việt 1970-72

Ban Thường-vụ Bút-Việt khóa 1970-72 đã được bầu ngày 20-9-70 tại trụ-sở của Hội sau một cuộc họp sôi nổi. Chưa có cuộc họp mặt nào đồng đảo như kỳ này kể cả cuộc họp đề ghi tên đi dự hội-nghị ở Đài-loan và Đại-hàn : 56 vị. Kết quả chủ tịch và Tổng Thư-ký vẫn là L.M. Thanh-Lãng và ông Phạm Việt Tuyên như các năm trước.

Ban Thường vụ mới, tất cả gồm những vị sau đây:

Chủ-tịch : *Thanh Lãng*

Phó Chủ-tịch : *Nguyễn Sa, Đào Đăng VI.*

Tổng thư-ký : *Phạm Việt Tuyên*

Phó Tổng thư ký : *Nguyễn Thị Hoàng, Trần Trọng San :*

Tnú quí : *Huỳnh Thiên Kim*

Kiểm soát viên : *Võ Lãng, Huy Lực, Anh Tuyển.*

Ủy-viên báo-chí và ấn-loát : *Lê Thanh Thái*

Ủy viên dịch thuật : *Lê Văn Hoàn, Nghiêm Xuân Việt*

Ủy viên kế hoạch : *Đỗ Quý Toàn*

Cố vấn : *Bà Mộng Tuyết, Bà Trương*

Phổ, Đỗ Đức Thu, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc.

Báo mới.

Được tin nhóm biên-tập của đồng-nghiep "Thời-nay", đến ngày 3-10-70, sẽ xuất-bản thêm một tuần báo mới lấy tên là "ĐỜI NAY tuần báo của những sinh hoạt mới".

Tuần báo "Đời Nay" gồm đủ các đề mục và thành phần tin tức, ý kiến và giải trí, không ngoài mục-đích theo dõi và giới thiệu các sinh-hoạt mọi ngành và khắp nơi trong nước cũng như ở ngoại quốc.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa và thành thực chúc đồng nghiệp "Đời Nay" mạnh tiến.

Tìm bản thảo

Vở kịch-thơ THĂNG - CUỘI của Vũ-Hoàng-Chương, đã từng công diễn tại Hà Nội đầu năm 1952, đồng thời cũng đăng trên Giai-phẩm XUÂN-QUE-HƯƠNG. Đến nay tác-giả không còn trong tay 1 bản nào cả. Vậy yêu cầu quý bạn, có ai giữ được bản-chép-tay, bản-đánh-máy hoặc bản-in trên giai-phẩm nói trên của vở kịch-thơ ấy, xin liên-lạc gặp với tác-giả. Rất cảm ơn.

*VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, 361129
đường Phan-dình-Phùng, SAIGON.*

Thư cậý đặng

Sau bao nhiêu năm vận động hết mình để ra một tạp-chí sang tác văn nghệ đúng mức một cách tuyệt vọng, xin trân-trọng báo cho bằng hữu xa gần rõ : hiện nay tôi cần được giúp không cho bất cứ bất cứ tạp chí văn-

hóa nào sắp ra (1) có một chút giá trị nào đó đăng tải dần dần mỗi tuần :

— Một truyện ngắn

— Một trăm (100) bài thơ (trong đó có số thơ rút ra từ một tập gồm ngót năm trăm (500) bài mới làm trong khoảng 1969-70)

— Mười trang trong một tự truyện thật hơn đất đá và tức thở hơn cuộc đời, dày trên một ngàn (1.000) trang, đọc để cần oại, sáng khoái và đôi khi trào máu ra.

Tôi cũng cần cho không bất cứ một cơ-sở xuất-bản nào đứng đắn một chút, hứa sẽ lần lượt in đăng hoàng cho tôi :

— một tạp văn

— một truyện dài

— hai tập truyện ngắn

— tám tập thơ

— một tập phóng bút về thi-ca cổ kim không thấy.

Trân trọng,

Nguyễn Đức Sơn

71B Tự Do Báo

(xin gặp trực tiếp hoặc liên lạc bằng thư bảo đảm)

(1) Những tạp-chí đang ra thì không bao giờ họ thêm đăng cho tôi một chút xíu gì nữa dù tôi có thúc giục bằng 100 lá thư.

Hộp Thư

— *Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :*

Hoài Nhã Liên Văn ; Trần Hữu Nghiem ; Kinh Dương Vương ; Như Anh ; Yên Thức ; Trần Dạ Lữ ; Trần Ái Loan ; Ly Sơn ; Nguyễn Hùng Trác ; Nguyễn Sa Mạc ; Quang Ngọc ; Hoàng Ngọc Châu ; Đặng Quốc Hiền ; Phạm Văn Hòa ; Phạm Cao Hoàng ; Đông Trình ; Châu Kim Thy ; Nguyễn Thị Tuyết ; Nguyễn Thu Strong ; Ngọc Thủy Khanh ; Thương Mynh Nguyễn Hương ; Cao Ngọc Sa ; Phú Quân ; Thi Hùng Ca ; Hoàng Lộc ; Khuê Việt Trường ; Nguyễn Quang Bằng ; Hoàng Ngân ; Nguyễn Lương Vỹ ; Trần Thoại Ngọc ; Hồ Tiên ; Võ Tấn Khanh ; Phạm Thanh Chương ; Cao Trường Huy ; Thu Quế ; Trình Ô Lâu ; Nguyễn Văn Vinh ; Trần Văn Duận ; Tường Bá ; Tr. Thoại Nguyên ; Hoàng Công Hảo ; Mừng Mán ; Trịnh Nguyên Thủy ; Ca Thoại Diễm ;

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp-thư này trên hai số báo tới đây.

— Ó. Ó. Đặng Tấn Tới và Cao Quảng Văn : Đã đăng thơ của các anh trên Bách-Khoa số 329. Xin cho biết địa-chỉ để gửi báo tới.

— Ó. Trần Hoài Thư : Rất mừng nhận được thư và truyện của anh. Xin cho biết địa chỉ để tiện liên lạc. B.S. Trần quý Trâm rất mong tin anh.L.N.C

Sách mới

Cho em trọn một đời tập thơ của Tố Diễm do Mỹ Khê ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm trên 60 bài thơ. Giá 150đ,

Bách Việt số 11 tập san văn nghệ khảo cứu-giao-dục Bách-Việt, phát hành vào ngày 15 mỗi tháng do Ó. Nguyễn Trọng Cơ làm Chủ nhiệm, Chủ bút và Ó. Nguyễn Gia Uyển Thư-ký Tòa-soạn, Mũi số khổ 20 × 27 in roneo 2 mặt dày 60 trang gồm những bài tiểu luận về giáo dục, những bài thuộc chủ đề «Nghĩ về tuổi trẻ» và thơ, đoản văn .v.v...